

TẠP CHÍ

SỐ 398

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128

VỮNG TÂM BỀN CHÍ

PHÁT HUY NHỮNG GIÁ TRỊ
NHÂN VĂN CỦA PHẬT GIÁO TRONG
ĐỜI SỐNG XÃ HỘI HIỆN NAY

NGHIÊN CỨU LỜI PHẬT
DẠY VỀ KINH DOANH
TRONG MỘT SỐ BÀI KINH
CỦA KINH TẠNG PALI



Những ai với chánh tâm
Khéo tu tập giác chi
Từ bỏ mọi ái nhiễm
Hoan hỷ không chấp thủ.
Không lậu hoặc, sáng chói
Sống tịch tịnh ở đời.

(Kinh Pháp cú số 89)



PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG

Tổng Biên tập **HT. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiên**
TT. Thích Phước Nghiêm

Biên tập **Trương Ứng Minh**
Trần Hoài Vũ

Trị sự Tòa soạn **ĐD. Thích Minh Ân**

Mỹ thuật & Thiết kế **Trần Ngọc Huỳnh**
Mai Phương Nam
Châu Quốc Hùng
Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐD. Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành **ĐD. Thích Minh Thuận**
Liên hệ **0886 424 842**



Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969
Email: toasoanvhp@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM

CHỦ ĐỀ: VỮNG TÂM BỀN CHÍ

- 6 Vững tâm bền chí (TT.TS. Thích Phước Đạt)
- 12 Kinh doanh dưới góc nhìn của nhà Phật (Nguyệt Đông)
- 16 Nghiên cứu lời Phật dạy về kinh doanh trong một số bài kinh của kinh tạng Pali (ĐD. Thích Tịnh Đạo)

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

- 28 Phát huy những giá trị nhân văn của Phật giáo trong đời sống xã hội hiện nay (TT.TS. Thích Thanh Huân)
- 36 Tìm về văn hóa tâm linh trong du lịch ở vùng Bắc Trung bộ (ThS. Nguyễn Như Bình)
- 44 Mấy suy nghĩ về hoàng pháp từ một chương trình đào tạo (TS. Nguyễn Đức Can)

PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

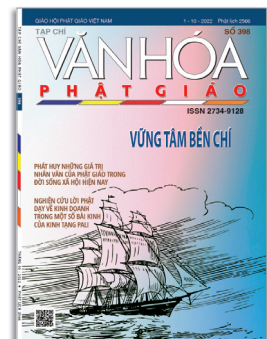
- 50 Ảnh hưởng của Phật giáo trong truyện thơ Lục Vân Tiên nhìn từ phương diện thể loại và ngôn ngữ (ThS. Phạm Tuấn Vũ)
- 56 Tính văn học trong kinh điển Phật giáo (Lạc Nhiên)
- 62 Vùng đất Đồng Nai và Phật giáo nơi đây trong “Gia Định thành thông chí” (Dương Thụy)

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

- 70 Giới Bồ tát trong Kinh Phạm Võng và Kinh Ưu-Bà-Tắc Giới (TKN. Thích Nữ Huyền Minh)
- 78 Ngôn ngữ ẩn dụ trong một số kinh Pali và A-hàm (SC. Thích Nữ Nhuận Mỹ)
- 84 Vô sở trụ trong Vật lý Toán hiện đại (Lê Hữu Dũng)
- 88 Thiện Tài đồng tử và con đường vắng sanh Tịnh độ trong Kinh Hoa Nghiêm (ĐD. Thích Đồng Thuận)

GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

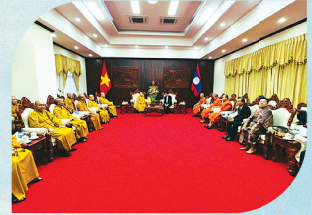
Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Ý tưởng Bìa: Ngọc Huỳnh
Thiết kế: Phương Nam

HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG

ĐOÀN LÃNH ĐẠO CẤP CAO TRUNG ƯƠNG GHPGVN THĂM CHDCND LÀO



HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH HẾT S GHPGVN DÂNG HƯƠNG TƯỞNG NIỆM CHƯ VỊ TIỀN BỐI HỮU CÔNG



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO TỈNH ĐẮK LẮK LẦN THỨ VIII, NHIỆM KỲ 2022 - 2027



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO TỈNH VĨNH PHÚC LẦN THỨ V, NHIỆM KỲ 2022 - 2027



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO TỈNH GIA LAI LẦN THỨ VI, NHIỆM KỲ 2022 - 2027



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO TỈNH TT-HUẾ LẦN THỨ VIII, NHIỆM KỲ 2022 - 2027



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO TỈNH BẮC KẠN LẦN THỨ III, NHIỆM KỲ 2022 - 2027



MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN XÃ HỘI TIÊU BIỂU



THƯ TÒA SOẠN

Quý độc giả thân mến!

Trong cuộc sống tu hành, phải trải qua biết bao gian truân thử thách mới biết được sức kham nhẫn của mỗi hành giả đến đâu. Những khó khăn, nghịch cảnh là bài kiểm tra đánh giá lực tu, đức độ của mỗi người. Chính từ sự trui rèn, mài dũa ấy mà một hòn đá thô kệch mới có thể trở thành viên ngọc quý.

Vì vậy, hãy có niềm tin kiên cố nơi chánh pháp, nung nấu ý chí kiên cường bất khuất trước những khó khăn thử thách của ngoại cảnh, bền lòng vững chí tu hành. Đồng thời, tự tạo niềm vui pháp lạc và Thiên định cho chính mình, vững chãi và thanh thoi trong đời sống phạm hạnh, tinh tấn chuyên cần trong tu tập và chuyên hóa nội tâm. Tự lợi lợi tha đầy đủ, ta mới xứng đáng là sứ giả của Như Lai.

Con đường tu hành vốn dĩ không bằng phẳng, nhiều chông gai, nếu không bền tâm vững chí thì lắm lúc cũng bị lung lay, chuyển hướng. Để đi đến đạo quả hay chí ít là giữ vững chí hướng xuất trần thì Giới - Định - Tuệ là ba chân vạc kiên cố để trụ vững giữa bão giông nghiệp lực và tám ngọn gió đời. Vì vậy, Giới phải luôn chắc, tâm phải luôn Định, Tuệ phải thật sáng suốt, như hoa sen “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”.

Để cùng bàn luận sâu hơn về vấn đề này, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng gửi đến quý độc giả số báo 398 với chủ đề “Vững tâm bền chí”. Qua đó, mỗi người càng hiểu rõ tu tập là con đường tu sửa và học tập. Sửa những điều xấu, học những điều hay, chuyển hóa mọi góc ngách của tâm hồn phàm phu để bước ra khỏi cảnh thường tình đến bờ giác ngộ an vui.

Như giữa đồng rác nhớt
Quăng bỏ trên đường lớn
Chỗ ấy hoa sen nở
Thơm sạch, đẹp ý người
(Kinh Pháp Cú số 58)

Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo



VỮNG TÂM BỀN CHÍ





Vững tâm bền chí

TT. Thích Phước Đạt*

Thông điệp “*Vững tâm bền chí*” là giai trình tu tập tâm linh trong thời đại 4.0 với những thành tựu khoa học công nghệ, giúp chúng ta thấy con người và vạn vật thay đổi theo thời gian lẫn không gian. Sự ứng dụng thành tựu này một mặt góp phần đem lại giá trị hạnh phúc trên nhiều phương diện mà con người làm chủ khối óc sáng tạo vô cùng tận của mình; mặt khác làm thay đổi mọi giá trị đạo đức khi con người chìm đắm trong thế giới ảo, chạy theo danh vọng tiền tài, địa vị, quyền uy trong thế giới đầy biến động. Có thể xem đây là vấn đề nan giải, phức tạp của cuộc sống hiện đại mà con người cần vững tâm bền chí tu tập để nâng cao chất lượng sống và an trú trong thế giới hạnh phúc

chân thật mà Đức Phật từng trải nghiệm tu chứng, truyền bá cho chúng ta.

Đó là mục đích mà người con Phật sống trong thời đại này hướng tới. Con đường đó được Đức Phật chỉ dạy phải biết *cột tâm, an trú tâm, không để tâm dao động* trong mọi trường hợp, mọi hoàn cảnh, mọi lúc mọi nơi. Vững tâm bền chí trong tu tập tâm thể hiện qua việc làm, hành động nhằm tạo nên sự kiên định và an trú vào thế giới lẫn vạn vật mà không có sự dao động tâm. Do đó, điều cơ bản đầu tiên mà ta có thể thực hiện là tinh cần giữ tâm không phóng dật, như Đức Phật từng dạy trong *Kinh Pháp Cú*, vốn được giới Phật giáo Nam truyền xem như bản kinh nhật tụng. Và mọi hành giả cần học thuộc lòng để hành trì,



ứng dụng vào cuộc sống bình nhật:
“*Không phóng dật, đường sống
Phóng dật là đường chết
Không phóng dật, không chết
Phóng dật như chết rồi*”.
(*Pháp Cú*, kệ 21)

Sống không phóng dật là sống an nhiên tự tại, tâm không bị cuốn hút vào dòng thác đổi thay và đầy



Là một Phật tử chân chánh, tự thân đã hiểu rõ ý nghĩa lời Đức Phật dạy: “*Tâm làm chủ các pháp*”. Điều này có nghĩa, hễ cá nhân nào làm chủ được tâm mình, làm chủ bản tâm thì người đó hẳn nhiên bước vào thế giới an lạc vĩnh hằng.

(Ảnh: sưu tầm)

cám dỗ của sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nói chung, phải vững tâm bền chí mới vượt ra ngoài thế ảo mộng, khát vọng thêm muốn và sở hữu. Con người sở dĩ bị khổ đau bởi rong ruổi, chạy theo sáu trần. Thế nên, Trần Thái Tông - vị vua và Thiền sư đời Trần từng trải nghiệm, thiết tha khuyên giáo mọi người phải an trú tâm, giữ

tâm, không để tâm chạy theo các vị ngọt của các trần. Trong bài *Sám hối tội căn của mắt*, Ngài viết: “*Đệ tử chúng con, dốc lòng sám hối! Kể từ vô thủy, vô lượng kiếp rồi. Bỏ mất bản tâm, chẳng theo chánh đạo. Đọa ba đường khổ, bởi sáu căn sai. Trước chẳng sám trừ, sau hối khó kịp. Nghiệp căn mắt ấy: Nhân ác nhìn kỹ, nghiệp thiện xem qua.*

Nhận lầm đốm hoa không, quên đi mắt trắng thật. Ghét yêu nổi dậy, tốt xấu chen nhau. Mắt liếc sinh càn, lu mờ chánh kiến. Xanh đi trắng lại, tia phải vàng sai. Nhìn bao thứ tà như người đui mắt. Gặp kẻ sắc đẹp, liếc trộm nhìn ngang. Đui mù chưa sinh, bản lai diện mục. Thấy người giàu có, mắt dãn chăm chăm; gặp kẻ bần cùng, tặng



“Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng
Người trí phòng hộ tâm
Tâm hộ, an lạc đến”

(Pháp Cú 36)

(Ảnh: sưu tầm)

lờ chẳng đoái. Nhà người mai táng, nước mắt dưng dưng; thân quỳn thương vong, khóc tràn ra máu. Hoặc thấy Tam bảo, hoặc vào Già lam; gần tượng đối kinh, bỏ qua không đoái. Nhà Tăng điện Phật, trai gái gặp nhau, mắt trước mắt sau, mê hoang sắc dục. Chẳng kính Hộ pháp, chẳng sợ Long thần; thỏa mãn ham vui, từng không kính lễ. Những tội như thế, vô lượng vô biên. Từ căn mắt sinh, đọa vào địa ngục. Trái hăng sa kiếp, mới được thọ sinh. Dù được thọ sinh, lại bị mù chột. Nếu chẳng sám hối, khó được tiêu trừ. Nay đối trước Phật, hết đều sám hối.” [1].

Giá trị cuộc sống sẽ hiển lộ và thăng hoa khi chúng ta biết làm chủ tâm, biết sống trọn ý nghĩa trong từng giây phút hiện tại, không để tâm phóng dật. Theo triết lý nhà Phật, tất cả thất bại hay thành tựu trên đời đều bắt nguồn từ tâm. Tâm cũng là gốc của sanh và tử, là cội nguồn của mọi bất hạnh lẫn hạnh phúc. Vậy mà tới khi sống gần hết cuộc đời, mới sợ hãi cảm nhận cuộc đời mình đã và đang sống thật vô nghĩa. Tất cả những gì con người cố gắng tìm kiếm cả đời, như: danh vọng, tiền tài... đều là hư giả, như bèo bọt, như giọt sương mai, như hoa tàn héo rơi vãi trên mặt đất, như giọt mưa lạnh ban đêm. Những hình ảnh quen thuộc này được vua Trần Nhân Tông ghi nhận như sau:

“Thị phi niệm trục triều hoa lạc,
Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn,
Hoa tận vũ tình sơn tịch tịch,
Nhất thanh đề điểu hựu xuân tàn...”
(Ý nghĩ chạy theo thị phi, như theo hoa rơi ban sớm,
Tâm chạy theo danh lợi, như theo mưa đêm lạnh,
Hoa rụng hết, mưa tạnh, còn lại cảnh núi non vắng lặng,



Giá trị cuộc sống sẽ hiển lộ và thăng hoa khi chúng ta biết làm chủ tâm, biết sống trọn ý nghĩa trong từng giây phút hiện tại, không để tâm phóng dật.

Một tiếng chim kêu, xuân lại tàn...).

Xem ra, sống giữa vòng danh lợi dày đặc và hào nhoáng mà tâm vẫn an trú trong tự tại, xem danh lợi, thị phi như mưa lạnh đêm chiều, như hoa rơi ban sáng, chứng tỏ vua Trần Nhân Tông đã biết sống tỉnh thức hằng giờ, hằng phút. Đó là giá trị của của sự vững tâm bền chí mà Ngài đã chứng đạt.

Cuộc sống hôm nay không ngừng biến chuyển, con người càng dễ đổi diện biết bao sự hấp dẫn, cuốn hút của đời sống văn minh, đặc biệt khi khả năng sáng tạo của con người không ngừng phát huy, trí tuệ nhân tạo được ứng dụng vào mọi lĩnh vực. Thực tế, không phải ai cũng đủ tỉnh thức, chánh niệm như vua Trần Nhân Tông, không phải ai cũng có thể vào chùa để xuất gia tu hành chứng đạo. Con người có nhiều lý do, nhiều hoàn cảnh khác nhau trong nhiều mối quan hệ đan kết. Nhưng không có nghĩa những người hiện đại sống ở nơi đô hội trù phú không có cơ duyên tu tập.

Sơ tổ Trúc Lâm - vua Trần Nhân Tông từng khuyến cáo mọi người cần có thái độ tu tập để tự thân chúng ta trong cuộc hành trình tìm về miền đất an lạc. Trong bài “*Cư trần lạc đạo phú*”, Ngài dạy: “*Trần tục mà nên phúc ấy càng yêu hết tác, Sơn lâm chẳng có họa kia thật đã đồ công*” [2]. Nghĩa là sống ở cõi đời trần tục, người tại gia nếu tinh tấn tu hành, giữ tâm trong sáng bằng cách biện tâm vẫn có thể chứng ngộ, đó là phúc lớn do mình tạo ra. Còn xuất gia, ở núi rừng mà không tinh tấn thì uổng công phí cả đời. Xem ra, giác ngộ hay không giác ngộ đều do chính mình có hành trì thực nghiệm biện tâm (tây rửa tâm) hay không trong mọi môi trường và hoàn cảnh sống. Chúng ta có thể tự thân tu tập, tự thân hành trì, tự thân chứng ngộ để bước vào đời sống hạnh phúc ngay bây giờ.

Và như thế, quá trình thực thi vững tâm bền chí tu tập được khởi đầu bằng sự *cột tâm, an trú tâm, không để tâm dao động*. Đó là diễn trình liễu đạt cơ chế vận hành của tâm đi

đúng hướng theo vào lộ trình Trung đạo tránh xa hai cực đoan: ép xác khổ hạnh hay đắm say dục lạc. Đây cũng là con đường chuyển hóa của tâm thức bằng chánh kiến soi rọi, phát huy khả năng tiềm ẩn của sự sáng tạo vô tận mà con người vốn có để đem lại giá trị sống đích thực. Mặt khác, với trí tuệ của chánh tư duy rọi chiếu, chúng ta có đủ khả năng bước ra ngoài những tâm lý thường tình của lòng tham dục, khát ái, chấp thủ vốn ăn sâu vào tâm thức. Tại đây, sự thâm sát về đối tượng quán niệm sẽ chuyển hoá nguồn năng lượng của lòng ham muốn thành đối tượng để chánh niệm và phòng hộ:

*“Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng
Người tri phòng hộ tâm
Tâm hộ, an lạc đến”.*

(*Pháp Cú 36*)

Sự tỉnh giác là nguồn năng lực tuệ giác giúp chúng ta vượt ra ngoài thế giới mộng tưởng đầy áp sự đam mê cuồng nhiệt, hay những cơn lốc xoáy xung đột tâm lý của cảm xúc



Sự vững tâm bền chí để chuyển hóa tâm thức trở thành giai trình thực nghiệm tâm linh “sống với” hơn là “nói về” sẽ giúp mọi người tiếp xúc và hòa nhập với bản thể thực tại, vốn là cơ sở của mọi sự vật hiện hữu giữa trần thế này. (Ảnh: *suu tâm*)

và tư tưởng miên trường vô tận. Bấy giờ, tâm được an trú vào đối tượng bằng sự tĩnh lặng, sẽ không còn bị phân chia giữa những cái được yêu thích và những cái không được yêu thích của tâm phân biệt đối đãi muốn nắm giữ, chiếm đoạt hay sự khước từ, lo âu đầy sợ hãi trước biến động đổi thay của thế giới xung quanh. Chính sự chuyển hóa tâm thức này dẫn đến sự buông xả tất cả những ham muốn trần trê khoái cảm yêu thích, thay vào đó là cảm giác tươi mát không ham muốn nắm giữ “*cái này là ta, của ta là tự ngã của ta*”. Ý thức và an trú thường xuyên tạo ra cảm giác giải thoát an lạc, giúp ta tiếp cận thế giới vô cùng của tâm bao la đầy phức tạp vô biên. Lúc ấy, nguồn suối tuệ giác vô thượng sẽ tưới mát tâm thức, để chúng ta điều phối toàn bộ suy nghĩ, tư tưởng, hành vi, việc làm. Tất cả được quy chiếu, định hướng trên cơ sở thiện - ác trong thế giới an bình nội tại:

*“Tâm không đầy tràn dục
Tâm không hận công phá
Đoạn tuyệt mọi thiện - ác
Kể tình không sợ hãi”*
(*Pháp Cú kệ 39*)

Thế nên, sống trong thế giới đầy khổ đau này, chúng ta không

thể không thực nghiệm một đời sống chuyển hóa tâm thức hướng thượng. Trong mỗi cá nhân, tự thân con người đều vốn có một xu thế nội tại luôn luôn đòi hỏi phải lớn lên, phát triển mở rộng đi đến sự toàn giác. Tất cả những thành tựu trên đời của nhiều lĩnh vực khác nhau, như: Kinh tế, khoa học kỹ thuật, công nghệ... đều bắt nguồn từ sự thành tựu nội tâm của chính mình. Là một Phật tử chân chánh, tự thân đã hiểu rõ ý nghĩa lời Đức Phật dạy: “*Tâm làm chủ các pháp*”. Điều này có nghĩa, hễ cá nhân nào làm chủ được tâm mình, làm chủ bản tâm thì người đó hẳn nhiên bước vào thế giới an lạc vĩnh hằng. Đó là chìa khoá để mở cánh cửa vô sanh bất tử cho sự tự do, tự chủ. Và cũng chính là sự chuyển hóa tâm thức trong quá trình tu tập thực nghiệm tâm linh của đời sống hiện tại.

Cuộc sống luôn luôn vận động và mới mẻ mọi lúc, mọi nơi. Trong dòng biến chuyển liên tục của không gian vô tận, thời gian vô cùng, tâm thức con người phải được an trú trong giây phút hiện tại, bằng cách gạt bỏ những hoài niệm về quá khứ, hay mơ tưởng về một tương lai mờ mịt để tận

hưởng sự thuần khiết thanh tịnh tuyệt đối chân thực. Một tâm tinh tế, bén nhạy, tĩnh lặng, giác tỉnh phối hợp với một trái tim hiền hòa giàu tình thương sẽ chuyển hoá toàn bộ thực trạng khổ đau thành cảnh tượng hạnh phúc.

Sự vững tâm bền chí để chuyển hóa tâm thức trở thành giai trình thực nghiệm tâm linh “sống với” hơn là “nói về” sẽ giúp mọi người tiếp xúc và hòa nhập với bản thể thực tại, vốn là cơ sở của mọi sự vật hiện hữu giữa trần thế này. Chân lý tối hậu của cuộc đời thật đơn giản, mỗi người chỉ cần chuyển hoá tâm thức để tự thân tu tập, tự thân hành trì, tự thân thực nghiệm để tự thân chứng ngộ giải thoát an lạc trong dòng sông tương tục của hiện thực đầy nhiệm màu này.

Chú thích:

* Thượng tọa Tiến sĩ Thích Phước Đạt - Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[1] Trần Thái Tông (1997), *Khóa hư lục*, Thích Thanh Kiểm dịch, Thành hội Phật giáo TP. HCM, tr.128-129.

[2] Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý - Trần (tập 2)*, Nxb. Khoa học Xã hội, tr.506.



HOẰNG PHÁP
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoằg Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoằg Pháp Trung Ươg GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp



Kinh doanh

dưới góc nhìn của nhà Phật



Nguyệt Đông



Đức Phật không đã phá các hình thức kinh doanh và Ngài cũng không ngăn cản sự phát triển của xã hội. Theo đó, Phật dạy chúng ta phải có đạo đức và trí tuệ trong việc kinh doanh để gạt hái được cuộc sống hạnh phúc cho mình và đất nước.

Kinh doanh là một trong những ngành nghề đã có từ ngàn xưa. Đối với xã hội hiện nay, việc kinh doanh ngày càng được mở rộng và phát triển vượt bậc. Đây là cơ hội làm giàu và hướng đến cuộc sống sung túc của nhiều người. Làm kinh doanh, ai cũng mong muốn có nhiều lợi nhuận, doanh nghiệp phát triển bền vững, sản phẩm uy tín chất lượng. Nhưng điều này có lẽ chỉ còn đúng một phần, vì bên cạnh lợi nhuận, các doanh nghiệp còn chú trọng đến vấn đề an sinh xã hội, chất thải ra môi trường, biến đổi khí hậu,... Nhiều công ty đã và đang nỗ lực làm nhiều hơn những yêu cầu, nghĩa vụ pháp lý tối thiểu. Vì họ nhận ra vai trò quan trọng của mình trong việc phát triển kinh tế - xã hội.



Theo lời Phật dạy, yếu tố cực kỳ quan trọng quyết định dẫn đến sự thành công trong kinh doanh là chữ tín và phước báu.

Ngược lại, cũng có những doanh nghiệp kinh doanh khó khăn, thua lỗ, thậm chí phá sản. Ít ai ngờ, công việc kinh doanh của họ trong hiện tại thành công hay thất bại có liên hệ mật thiết với phước báu mà họ đã gieo trồng trong quá khứ. Chính vì điều này mà từ thuở xưa, Tôn giả Sariputta đã bạch Thế Tôn với nghi vấn: “*Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì có người buôn bán thất bại, không thành tựu như ý muốn? Có người buôn bán thành tựu như ý muốn và thành tựu ngoài ý muốn?*” [1]. Để trả lời cho hai ý trên, chúng ta cùng phân tích để hiểu rõ hơn lời Phật dạy về sự thành tựu trong kinh doanh.

HẠNG NGƯỜI THÀNH CÔNG VÀ KHÔNG THÀNH CÔNG TRONG KINH DOANH

Y theo lời Phật dạy: “*Có hạng người đi đến Sa môn, hứa hẹn giúp đỡ nhưng không cho như đã hứa. Người ấy, sau khi mạng chung đi đến chỗ này, dầu có buôn bán gì cũng đi đến thất bại, không thành tựu như ý muốn. Cũng có hạng người đi đến vị Sa môn, hứa hẹn giúp đỡ và vị ấy đã cho như đã hứa. Sau khi mạng chung, người ấy đi đến chỗ này, dầu buôn bán gì cũng thành tựu như ý muốn*” [2]. Theo lời Phật dạy, yếu tố cực kỳ quan trọng quyết định dẫn đến sự thành công trong kinh doanh là chữ tín và phước báu. Quả thật, nhiều người có thói quen hứa hẹn, hứa giúp đỡ nhiều điều, nhưng cuối cùng lại không làm được bao nhiêu. Những người có thói quen xấu như vậy, khó thành tựu bất cứ việc gì tốt đẹp. Chúng ta nên hành động nhiều hơn

lời nói, còn nếu không làm được thì đừng nên hứa làm mất niềm tin của những người xung quanh.

Nói đến tầm quan trọng của chữ tín, trong bất kỳ ngành nghề nào, lĩnh vực nào, có thể khẳng định chữ tín nói lên nhân cách đạo đức của một người. Tín có nghĩa là niềm tin, là giữ điều hẹn ước. Giữ chữ tín là coi trọng lòng tin của mọi người đối với mình, biết trọng lời hứa và biết tin tưởng; không hứa suông và luôn thực hiện lời hứa của mình. Người có đức tin thì lời nói phù hợp với hành vi, nói sao làm vậy hoặc có thể làm nhiều hơn nữa. Đã hứa với ai một điều gì thì nhất quyết phải thực hiện bằng được, không viện lý do này lý do kia, từ việc lớn đến việc nhỏ. Chữ tín đặt ra trong kinh doanh như



Của cải vật chất dễ khiến người ta yếu lòng. Vì “ít thay là những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào lại có thể không bị lôi cuốn, không bị chìm đắm, không bị say mê trong các dục và không có những hành vi không tốt đẹp đối với các người khác”. Nên dù có thành công rực rỡ đến đâu cũng đừng tự mãn cho mình hơn người mà phải luôn giữ tâm khiêm hạ thương yêu.

một chuẩn mực cam kết với nhau để tin tưởng làm ăn, hợp tác lâu dài, nên chúng ta phải chân thật.

Lắng lòng nghiệm lại lời Phật dạy, mỗi người nên tự nhìn lại bản thân. Nếu làm gì cũng thất bại, buôn bán gì cũng thua lỗ, rất có thể, chúng ta đã nhiều lần thất hứa với người khác hoặc đã làm những ác nghiệp nên hiện tại mới nhận kết quả như vậy. Còn ngược lại, người giữ chữ tín hàng đầu và biết tích công bồi phúc, làm lợi ích cho mọi người và giúp ích cho xã hội, nên đi đến đâu, làm việc gì cũng thành tựu như ý.

KHÔNG KINH DOANH PHI PHÁP

Kinh doanh, buôn bán là một ngành nghề đối đầu với thử thách lớn, một là đem lại hiệu quả kinh tế cao có nhiều cơ hội để thành công, hai là dễ dàng chuốc lấy thất bại. Không phải ai cũng dùng công sức và trí tuệ của mình để làm ăn chân chính, kinh doanh hợp pháp với hoài bão đem lại hạnh phúc cho tự thân và góp phần cải thiện, nâng cao đời sống xã hội. Mà bên cạnh đó, có một số ít người không hổ với lương tâm, thẹn với trời đất làm ăn phi pháp gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người và tai họa đến cho xã hội. Các hành vi buôn bán ma túy, bắt cóc trẻ em và phụ nữ, hoạt động xã hội đen để lại biết bao hệ lụy cho xã hội, đây chắc chắn là những hoạt động trái với tinh thần Phật giáo và luân thường đạo lý, cần phải bài trừ, phòng tránh.

Để phòng tránh những việc ác, cần tránh gieo ác nghiệp từ những hành động nhỏ nhất. Doanh nhân nếu là một cư sĩ Phật tử thọ tam quy và ngũ giới thì có năm nghề

Đức Bổn Sư đã dạy không nên buôn bán, đó là: “*Buôn bán đao kiếm, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu và buôn bán thuốc độc. Năm nghề buôn bán này, này các Tỷ kheo, người cư sĩ không nên làm*” [3]. Năm ngành nghề trên không mang đến lợi ích cho mình, cho người và xã hội. Ngược lại, còn làm tổn hại đến con người, sinh vật, làm mất đi hạt giống thiện lương trong mỗi chúng ta. Hơn ai hết, những doanh nhân Phật tử cần luôn ý thức về sự nguy hại của những hoạt động kinh doanh phi pháp và không bao giờ tham gia. Tức phải sống một cách chơn chánh, xa lìa những nghề nghiệp có phương hại đến mình, đến người và xã hội, mà Đức Phật gọi là chánh mạng.

CHỮ TÂM TRONG KINH DOANH

Giàu sang phú quý bằng chính năng lực đạo đức thì đó là những điều xã hội rất tôn vinh, rất đáng trân trọng. Còn nếu chúng ta phớt lờ những giá trị đạo đức thì rất dễ trở thành người giàu vật chất mà nghèo tâm hồn. Bởi, đa phần con người thường luôn chú trọng đến vấn đề tạo ra của cải mà quên mất việc nuôi dưỡng tâm hồn. Của cải vật chất dễ khiến người ta yếu lòng. Vì “*ít thay là những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào lại có thể không bị lôi cuốn, không bị chìm đắm, không bị say mê trong các dục và không có những hành vi không tốt đẹp đối với các người khác*” [4]. Nên dù có thành công rực rỡ đến đâu cũng đừng tự mãn cho mình hơn người mà phải luôn giữ tâm khiêm hạ thương yêu.

Khi đứng trên đỉnh vinh quang, đừng quên nhìn xuống để thấy

trọng trách của bản thân đối với cuộc đời và tha nhân. Làm sao để mọi người có công ăn việc làm ổn định, cơm áo đủ đầy, gia đình sung túc, không ai bị đói kém, thiếu thốn. Khi thành công, ta có đủ điều kiện để giúp đỡ mọi người, lúc đó đừng ngần ngại dang rộng vòng tay, giúp đỡ, chia sẻ. Cận kề nhất chính là những nhân viên trong công ty của mình, luôn tận tình giúp đỡ họ trên con đường làm việc, nếu có phần gì khúc mắc thì vui vẻ giải quyết, giảm bớt áp lực cho nhân viên. Là một nhà lãnh đạo giỏi nên mở lòng để tiếp thu những góp ý của cấp dưới, lắng nghe ý kiến để khắc phục những sai sót và phát huy những điều tốt đẹp, đưa công ty phát triển hưng thịnh hơn.

Một câu chuyện được xem là bài học tâm đắc để giải quyết khổ đau có thể ứng dụng trong cuộc sống thực tiễn của chúng ta ngày nay: Vào thời Đức Phật còn tại thế, có một cư sĩ nổi tiếng là Anāthapiṇḍika, ta quen gọi ông là Cấp-cô-độc, có nghĩa “*người cứu giúp kẻ nghèo khó và cô độc*”. Ông là một thương gia rất giàu có, hầu như 75% lợi nhuận thu được từ việc làm ăn buôn bán của ông đều đóng góp cho các hoạt động từ thiện. Thế rồi có một giai đoạn khủng hoảng gây ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm ăn của ông. Lúc đó, ông bị thua lỗ, thất bại gần như khánh kiệt hết của cải và tài sản.

Nhiều người thấy thế đã chế giễu ông cúng dường, bố thí làm chi bởi vì nhân quả không hề có. Nếu nhân quả thực sự có thật thì sao ông lại phải ra nông nổi tòi tệ như thế. Trước những lời lẽ trên, chẳng những không làm ông chán nản, bỏ cuộc, mà ngược lại càng

làm cho ông thêm tin sâu vào nhân quả, tin sâu vào chân lý, có huy hoàng thì cũng có lúc khảnh tận. Khi bị chìm xuống dưới đáy, chắc chắn sẽ có cơ hội để vực dậy nếu không ngừng nỗ lực. Đức Phật đã từng tuyên bố với chúng Tỳ kheo rằng: Trong các vị nam cư sĩ bố thí tối thắng là Sudatta Anāthapiṇḍika [5].

Tiền bạc, của cải là biểu trưng cho sự giàu có, mục tiêu phấn đấu của mọi người nhưng đó không phải là điều duy nhất. Nếu giàu sang mà nghèo đạo đức thì cũng không bền vững, chỉ có con đường làm ăn chân chánh, biết làm phước, bố thí, cúng dường thì tồn tại lâu dài. Đức Phật không đã phá các hình thức kinh doanh và Ngài cũng không ngăn cản sự phát triển của xã hội. Theo đó, Phật dạy chúng ta phải có đạo đức và trí tuệ trong việc kinh doanh để gạt hái được cuộc sống hạnh phúc cho mình và đất nước.

Tóm lại, lời dạy của Đức Phật giống lên hồi chuông cảnh tỉnh, nhắc nhở những người thành công, đứng trước vinh hoa phải biết vun bồi đạo đức và sống theo lời Phật dạy, để kiếm tiền hợp pháp và tiêu tiền hợp lý. Sống đúng pháp Phật dạy, chắc chắn chúng ta được hạnh phúc, an lành, làm cho cuộc sống có ý nghĩa và góp phần ổn định xã hội.

Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] Đại tạng kinh Việt Nam, *Tăng Chi Bộ I, chương VI, phẩm Không hý luận, phần buôn bán*, tr.708.
- [2] *Sđđ*, tr.708.
- [3] ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ kinh II, chương 5, phẩm Nam cư sĩ, phần người buôn bán*, tr.646.
- [4] ĐTKVN, *Tương Ưng Bộ I, chương 3, phẩm 1, phần Thiếu số*, tr.170.
- [5] Hòa thượng Thích Minh Châu (1996), *Tăng Chi Bộ kinh*, tập 2, chương XIV, tr.62.



Hơn ai hết, những doanh nhân Phật tử cần luôn ý thức về sự nguy hại của những hoạt động kinh doanh phi pháp và không bao giờ tham gia. Tức phải sống một cách chơn chánh, xa lìa những nghề nghiệp có phương hại đến mình, đến người và xã hội, mà Đức Phật gọi là chánh mạng.

Nghiên cứu lời Phật dạy về kinh doanh

trong một số bài kinh của kinh tạng Pali



ĐD. Thích Tịnh Đạo

Tóm tắt: Việc buôn bán, kinh doanh của cư sĩ tại gia trong Phật giáo là một nghề chân chính. Thông qua trích dẫn một số kinh điển trong kinh tạng Pali, tác giả trình bày những nội dung Đức Phật đã giảng dạy nhằm duy trì nghề nghiệp chân chính cho hàng cư sĩ - một trong tứ chúng. Người cư sĩ cần vun bồi thiện nghiệp, tránh những cám dỗ và luôn nhớ học tập lời Phật dạy để công việc kinh doanh, đời sống tinh thần được tinh tấn trên đạo lộ giải thoát.

Từ khóa: Đạo đức kinh doanh, cư sĩ, chánh mạng.

DẪN NHẬP

Đối với người xuất gia, Chánh mạng - sự nuôi sống chân chính, là một yếu tố trong Bát chánh đạo - tiến trình tu tập giải thoát. Dựa trên việc xả bỏ hoàn toàn tài lợi, tư hữu, Chánh mạng của người xuất gia được Phật dạy là đời sống khát thực, không kinh doanh buôn bán.

Đối với cư sĩ tại gia, việc kinh doanh, buôn bán là nhu cầu thiết yếu cho việc xây dựng gia đình, xã hội và sự phát triển của toàn nhân loại. Bên cạnh những giá trị mà việc kinh doanh đem lại, có không ít những phiền não do sự chi phối của công việc, của thương trường - nơi mà người ta hay ví là “chiến trường”. Tuy nhiên, không phải vì thế mà



Khi có tài sản, có hạnh phúc riêng cho bản thân và gia đình, Đức Phật dạy việc kinh doanh còn hướng tới mục đích bố thí, giúp ích cho người khác.

cứ kinh doanh, cứ kiếm tiền là ai cũng phải chịu khổ đau do sự chi phối của đước mắt, thành bại và thương trường không nhất thiết phải là “chiến trường”. Đức Phật đã dạy nhiều bài kinh dành cho việc kinh doanh, hướng tới giới cư sĩ Phật tử. Họ là những người học và thực hành Phật pháp tại gia, còn mang trên mình sứ mệnh “ngoại hộ Phật pháp”, hỗ trợ đắc lực cho giới đệ tử xuất gia.

MỤC ĐÍCH KINH DOANH

Mục đích của việc kinh doanh được nói rất rõ trong một đoạn Kinh Tăng Chi Bộ, khi Đức Phật ở khu vườn của Anāthapindika và dạy ông về điều này: “Này gia chủ, có năm lý do để gây dựng tài

sản. Thế nào là năm? Ở đây, này gia chủ, vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thân góp với sức mạnh của bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi, thân được một cách hợp pháp. Tự mình làm an lạc, hoan hỷ. Làm cho cha mẹ, vợ con, người phục vụ, người làm công được an lạc, hoan hỷ.

... Vị này làm cho bạn bè, thân hữu an lạc, hoan hỷ. ... chống lại những tai họa từ lửa đến, từ nước đến, từ vua đến, từ ăn trộm đến, từ các thù địch đến và vị ấy giữ tài sản được an toàn cho vị ấy. ... Vị ấy có thể hiến cúng cho bà con, cho khách, cho hương linh đã chết; hiến cúng cho vua và chư Thiên. ... Vị ấy tổ chức cúng dường các vị Sa môn, Bà-la-môn. Sự cúng dường

tối thượng này đưa đến phước báo vô lượng ở cõi người, cõi trời” [1]. Qua đoạn kinh vừa dẫn, mục đích của việc kinh doanh được Phật dạy là đem lại sự an lạc, hoan hỷ cho chính bản thân và những người thân trong gia đình, những người làm công, bạn bè thân hữu. Sự kinh doanh tạo nên tài sản nhằm nuôi sống bản thân, gia đình. Ngoài việc chính là mưu sinh, khi kinh tế ổn định, con người có thể tạo ra một trong những hạnh phúc cuộc đời. Ngoài ra, một người làm chủ kinh doanh cũng đem lại công ăn việc làm cho những người làm công, người phục vụ xung quanh họ cũng mang lại thu nhập, nguồn nuôi sống và giá trị hạnh phúc cho những người đó cùng gia đình họ.



Đức Phật đã dạy nhiều bài kinh dành cho việc kinh doanh, hướng tới giới cư sĩ Phật tử. Họ là những người học và thực hành Phật pháp tại gia, còn mang trên mình sứ mệnh “ngoại hộ Phật pháp”, hỗ trợ đắc lực cho giới đệ tử xuất gia.

Khi có tài sản, có hạnh phúc riêng cho bản thân và gia đình, Đức Phật dạy việc kinh doanh còn hướng tới mục đích bố thí, giúp ích cho người khác. Việc bố thí được trải rộng từ những người còn sống cho đến chư hương linh đã khuất, từ người thân thuộc đến người khách lạ, từ vua chúa cho đến chư Thiên. Đây là một việc thể hiện tinh thần từ bi, vì lợi ích cho số đông. Sự kinh doanh không chỉ nhằm xây dựng hạnh phúc cho bản thân và gia đình, mà còn hướng đến lợi lạc cho cả xã hội và chúng sanh nơi các thế giới.

Và một đối tượng tối thượng cho sự cúng dường là Sa-môn, Bà-la-môn, Đức Phật không chỉ khuyên cúng dường cho riêng những người xuất gia theo Phật, mà còn hướng

tới những vị Bà-la-môn, cũng từ bỏ hạnh phúc vật chất và nuôi dưỡng hạnh phúc tinh thần. Điều này cho thấy tầm quan trọng của hạnh phúc tinh thần so với hạnh phúc vật chất. Những bậc xuất gia, chọn đời sống tìm kiếm (trước thời Phật) hay giữ gìn (khi Phật đã thuyết Pháp) con đường đi đến hạnh phúc chân thật, bền vững nơi nội tâm mỗi người là bậc đáng cung kính cúng dường bậc nhất. Không phải ta chú trọng cúng dường để được ban tặng hạnh phúc, mà mục đích chính nhằm hỗ trợ đời sống vật chất để những người đó làm công việc cao cả: giữ gìn và truyền bá con đường giải thoát, hạnh phúc chân thật. Từ việc cung kính cúng dường, xây dựng niềm tin và hướng tới những điều học pháp, rồi thực hành pháp,

hạnh phúc chân thật nơi người cúng dường được vun bồi, đó là mục đích quan trọng của việc kinh doanh cần hướng tới. Cho dù kinh doanh là hướng tới việc sở hữu tài sản, nhưng bố thí cúng dường cao thượng giúp việc xả bỏ được thực hiện và quan trọng hơn là góp phần giữ gìn con đường đi đến chân hạnh phúc. Tạo cơ hội cho bản thân học tập, thực hành con đường đó để cũng đạt được chân hạnh phúc.

NỀN TẢNG ĐỂ THÀNH CÔNG

Ngoài những điều kiện mà người làm kinh doanh phải có được để thành công, như: kiến thức, kỹ năng, cơ hội thị trường, nhân sự... thì trong vài bài kinh được Đức Phật dạy cách đây hơn 2500

năm, chúng ta cũng có thể rút ra một số nền tảng sau:

Thứ nhất, cũng qua đoạn kinh trích dẫn ở phần 1: “*Được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thân góp với sức mạnh của bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi, thân được một cách hợp pháp*”, chúng ta thấy Đức Phật đã nêu lên lý do có được tài sản. Sự nỗ lực tinh tấn trong lĩnh vực kinh doanh được hiểu là sự kiên nhẫn, luôn tiến tới mục đích kinh doanh và lao động chuyên cần. Đây là nền tảng quan trọng cho sự thành công, bởi lẽ làm việc gì cũng cần siêng năng, cần cù thì mới mong đạt kết quả tốt đẹp. Cho dù phước báu có lớn đến độ “*không làm mà vẫn có ăn*” hay của trên trời tự nhiên rớt xuống đi nữa thì cũng có ngày cạn đi. Nếu không siêng năng thực hiện công việc bằng mồ hôi, sức lực của chính mình thì tài sản chân chính làm sao có được. Một yếu tố khác cho sự thành công là tài sản thân được một cách hợp pháp, sẽ được phân tích kỹ hơn trong phần tiếp theo của bài viết.

Thứ hai, nền tảng cho sự thành công mà Phật dạy chính là hướng đến lợi ích cho số đông. Nền tảng này là mấu chốt cho việc kinh doanh thành công và chân chính. Bởi lẽ, khi làm một việc gì đó mà chỉ vì lợi ích bản thân, không nghĩ đến ích lợi của kẻ khác, ta rất khó có được sự ủng hộ của số đông, con đường thành công sẽ đầy chông gai và khó đạt được. Trong kinh doanh, giá trị đồng tiền mà người khác bỏ ra để sở hữu sản phẩm của bạn chính là những lợi ích mà họ đạt được, nếu bạn kinh doanh hướng đến lợi ích của người dùng, của khách hàng, thì bạn mới bán được sản phẩm hay dịch vụ.

Trước khi đồng tiền xuất hiện, người ta trao đổi buôn bán thông qua sự định giá lợi ích của sản phẩm, bạn đổi cho tôi thứ tôi cần và tôi cũng vậy. Khi tiền tệ có mặt, những lợi ích trên được quy ra bởi một con số của đồng tiền nhằm thuận tiện cho việc giao dịch buôn bán. Khi kinh doanh, nếu chỉ hướng đến giá trị cung và cầu, tức người ta cần gì mình bán đó thì rất dễ đi đến con đường làm hại người khác, mặc dù họ tự nguyện. Bởi lẽ, đâu phải những gì con người cần đều tốt đẹp và thiện lành, nếu họ cần ta cứ bán thì ta sẽ có khi đang bán thứ không lợi ích, luôn bị xã hội chê trách, đào thải, làm sao thành công được? Thiết nghĩ, nếu chỉ hướng tới lợi lạc cho riêng mình, chẳng phải lợi lạc đó quá nhỏ bé hay sao. Nếu biết đem lợi lạc của người khác làm sự lợi lạc cho mình, số lượng lợi lạc là không thể tính kể, hạnh phúc vì người khác hạnh phúc thì hạnh phúc là vô số lượng. Như vậy, giá trị cốt lõi của kinh doanh thành công là hướng đến lợi ích cho số đông.

Thứ ba, nền tảng phước báu hay người đời thường gọi là may mắn, cơ hội. Đây là thứ rất khó cân đo đong đếm được, bởi lẽ nó mang giá trị siêu hình và tư tưởng phước báu của Phật giáo là vun bồi qua vô lượng kiếp. Cũng vì vậy mà người đời hay gọi nó là may mắn, thay vì định nghĩa rõ ràng và phương pháp nuôi dưỡng thích hợp. Trong *Kinh Tăng Chi Bộ I, chương 4, phẩm Không hý luận, phần Buôn bán* [2], khi Tôn giả Xá-Lợi-Phất hỏi Đức Phật về nhân duyên tại sao một người buôn bán thành công hay không thành công, Đức Phật đã trả lời là do sự cúng dường như đã hứa của họ với một bậc Sa-môn:

“*Này Sàriputta, có hạng người đi đến Sa-môn hay Bà-la-môn và hứa như sau: “Thưa Tôn giả, hãy nói lên điều Tôn giả cần giúp đỡ” và người ấy cho hơn như đã quyết định muốn cho. Nếu từ chỗ đấy mạng chung đi đến chỗ này, dầu người ấy có buôn bán gì, buôn bán như vậy được thành tựu ngoài ý muốn*” [3]. Như đã phân tích trong phần 1 của bài viết, sự cúng dường này là nguồn phước báu quý giá nhất cần được gieo trồng, không chỉ mang lại quả báu về vật chất mà còn là nhân duyên thành tựu hạnh phúc bền vững nơi nội tâm.

Cuối cùng, để đạt được tinh túy của sự nghiệp, người làm kinh doanh phải tránh các tâm bất thiện, Đức Phật nêu điển hình các tâm đó trong *Kinh Tăng Chi Bộ* như sau: “*Phân nộ, tật đố, xan tham, ác tuệ, này Ananda, Đây là nhân, đây là duyên... không đi đến tinh túy của sự nghiệp*” [4]. Khi làm bất kỳ việc gì cũng vậy, con người là yếu tố trung tâm, quyết định thành bại của mọi sự. Để đạt được thành công, bền vững trong sự nghiệp, mỗi người phải tránh các ác tâm đưa đến ác nghiệp, ảnh hưởng xấu đến mọi hành động, lời nói, công việc sẽ khó mà tốt đẹp. Vun bồi những thiện tâm làm cho đời sống tinh thần và công việc của người làm kinh doanh hanh thông. Yếu tố này còn là nền tảng quan trọng để xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa nhân viên và lãnh đạo, giữa người mua và người bán. Mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người là nhân tố cần thiết cho sự thành công của bất kỳ sự nghiệp nào.

Như vậy, để đạt được thành công trong kinh doanh, người làm kinh doanh phải có đầy đủ nền tảng kiến thức, kỹ năng cần thiết. Đức

Thế Tôn còn dạy phải hướng đến lợi ích của số đông khi làm kinh doanh và vun trồng phước báu bằng cách bố thí, cúng dường, hướng tới Chánh pháp cao thượng làm mục đích. Một người làm kinh doanh còn phải tránh các tâm bất thiện, nuôi dưỡng tâm thiện để làm nền tảng cho sự nghiệp vững bền. Ngoài ra, việc chọn lựa ngành nghề kinh doanh chân chính cũng là điều được Đức Phật nhấn mạnh.

KINH DOANH CHÂN CHÍNH, NUÔI SÓNG CHÂN CHÍNH

Hiện nay, bên cạnh những việc kinh doanh chân chính, còn tồn tại những tệ nạn như: buôn bán ma túy, buôn người, buôn lậu, môi giới mại dâm, buôn thực phẩm bẩn, lừa đảo... gây nhức nhối cho xã hội, để lại hậu quả đau thương cho nhiều người. Vì say đắm tiền tài vật chất, mà một số người bất chấp luân thường đạo lý, pháp luật để thực hiện những công việc phi pháp như trên. Các ngành nghề kinh doanh chân chính được xã hội quy định rõ ràng, tuy nhiên một số ngành nghề cho dù được xã hội chấp nhận nhưng lại làm hại chúng sanh, phạm vào sát giới hay làm tổn hại hòa bình, môi trường. Trên nền tảng của từ bi, việc kinh doanh của cư sĩ Phật tử còn phải hướng đến lợi ích của muôn loài, của môi sinh. Đức Phật dạy cư sĩ khi kinh doanh phải tránh các ngành nghề không hại mạng chúng sanh, không làm mất quyền lợi người khác: “*Này các Tỳ kheo, có năm nghề buôn bán không nên làm. Thế nào là năm? Buôn bán đao kiếm, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu và buôn bán thuốc độc*” [5].

Buôn bán đao kiếm, vũ khí chiến tranh là một sự buôn bán phi pháp, việc này cung cấp phương tiện chiến tranh. Chiến tranh tàn phá đời sống và cướp đi sinh mạng con người. Buôn bán thuốc độc cũng tương tự buôn bán vũ khí, là phương tiện giết người. Ai cũng muốn sống trong hòa bình, hạnh phúc và thương tiếc thân mạng. Vậy tại sao lại vì lợi nhuận riêng mình mà cung cấp phương tiện cho người khác giết chóc lẫn nhau? Đối với buôn bán người, biến con người thành hàng hóa là một tội ác không còn gì để bàn cãi, cả luật pháp thế gian cũng coi đây là tội nghiêm trọng. Ngay thời Phật tại thế, Ngài cũng đã lên án và cấm kỵ điều này.

Thịt và rượu là hai thứ hàng hóa mà thế gian không cấm cản, nhưng vì lòng từ bi với chúng sanh và mục tiêu giải thoát, Đức Phật dạy đệ tử tại gia không nên buôn bán hai thứ này. Thịt của chúng sanh muốn có được phải giết hại chúng, nghề đồ tể giết sinh vật và nghề buôn bán thịt cướp đi sinh mạng của chúng sanh một cách hữu ý, gây ra nghiệp sát hại và hưởng quả báo xấu cho chủ nhân người thực hiện. Việc giết hại và ăn thịt ngày nay cũng được các nhà khoa học khuyến nên giảm thiểu vì tác hại của chúng đến môi trường sống là rất lớn. Theo nghiên cứu của tác giả Marco Springmann trong chương trình “*Thực phẩm cho tương lai*” của Đại học Oxford: “*Các động vật ăn cỏ như bò, bằng việc nhai đi nhai lại thực phẩm đã thải ra lượng khí methane lớn, hại gấp 20 lần khí carbon. Protoxyde azote cũng là một loại khí gây ra hiệu ứng nhà kính, bắt nguồn từ phân chuồng và đất canh tác*” [6]. Không uống rượu là một trong năm giới cho Phật tử tại gia, rượu làm say mê lòng người và có khả năng

dẫn tới phạm thêm nhiều giới khác, cho nên không buôn bán rượu cũng là điều mà Đức Phật nhắc nhở.

Để có thể kinh doanh chân chính, người đó phải biết phân biệt các pháp nào là thiện hay bất thiện. Ngoài những ngành mà Đức Phật dạy không nên kinh doanh nêu trên, những công việc kinh doanh chân chính đôi khi lại ẩn chứa những điều bất thiện, người kinh doanh phải cẩn trọng để nhận ra. Sự kết hợp giữa việc kinh doanh thành công, thu về tài sản và nhận biết các pháp thiện bất thiện được Phật ví như người sáng rõ hai mắt: “*Và này các Tỳ kheo, thế nào là hạng người có hai mắt? Ở đây, có người có mắt để có thể thu hoạch được tài sản chưa thu hoạch, làm tăng trưởng tài sản đã thu hoạch; và có mắt để có thể biết được pháp thiện và pháp bất thiện, có tội và không có tội, pháp thuộc thành phần đen và trắng. Này các Tỳ kheo, đây gọi là hạng người có hai mắt*” [7]. Nếu chỉ thu hoạch được tài sản mà không biết việc thiện ác thì như người chột mắt, còn kẻ không biết cả hai thì không khác gì người mù. Lựa chọn ngành nghề, công việc và phải làm thế nào cho đúng lương tâm nghề nghiệp phụ thuộc vào khả năng phân biệt thiện ác, đúng sai của một người.

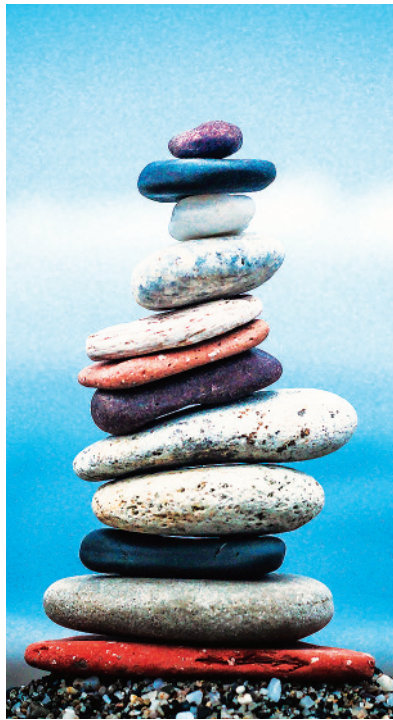
Tất cả những yếu tố được Phật dạy như trên là nền tảng cho cư sĩ tại gia kinh doanh đạt được thành công tốt đẹp. Thành công này hướng tới mục tiêu xây dựng đời sống tại gia bền vững, hạnh phúc, hướng tới đời sống tinh thần giải thoát, an lạc. Tuy nhiên, bất kỳ việc làm nào cũng có khi thành công và thất bại, Đức Phật cũng dặn dò chúng ta phải làm thế nào khi đối diện với chúng.

CHÚ Ý KHI THẤT BẠI VÀ KHI THÀNH CÔNG

Trong kinh doanh, đáng sợ nhất là thất bại dẫn tới nợ nần túng thiếu, đây là một điều dẫn tới khổ đau. Nhưng Đức Thế Tôn dạy khổ đau thật sự không phải nằm ở sự thất bại, nghèo khó mà nằm ở tâm tham dục: *“Sự nghèo khổ, này các Tỳ kheo, là một sự đau khổ cho người có tham dục ở đời. Khi một người nghèo khổ không có sở hữu, sống túng thiếu, phải mắc nợ, phải chấp nhận tiền lời, khi thời hạn đến nếu không trả được tiền lời bị người ta hối thúc, bị theo sát gót, bị truy tìm và bị người ta bắt trói”* [8]. Sự nghèo khổ về vật chất có tác dụng khổ đau mạnh mẽ đối với những ai có tâm tham dục, có ước muốn vô đáy với sự hưởng thụ vật chất. Chính vì gốc của sự tham dục lôi kéo con người ra khỏi những minh triết, những hiểu biết bản chất vô thường của tài lợi. Có đó, mất đó, có được ắt có mất, không thể nào chối cãi định luật này. Càng hiểu rõ bản chất giả tạm của hạnh phúc vật chất, càng dễ buông bỏ khi gặp những rủi ro trong kinh doanh. Như một người bị bệnh phong tìm đến ngọn lửa nóng, sự thoải mái dễ chịu được xây dựng trên nền tảng vật chất cũng tương tự như sự thoải mái được xây dựng trên cái nóng bức khó chịu của ngọn lửa. Cho nên, khi thất bại, rủi ro, nếu bình tâm suy xét bản chất giả tạm này, người kinh doanh ít bị ảnh hưởng bởi sự mất mát, tâm lý khổ đau, huyệt hẫng cũng không cao độ đến mức rất nhiều người từ bỏ cả thân mạng.

Khi giữ được tâm ít tham muốn, biết vừa đủ, biết rõ bản chất vô thường của tài lợi, người kinh doanh có thể sáng suốt hơn khi gặp thất bại. Họ không còn bị chi phối mạnh mẽ bởi sự thất bại đó mà còn lấy đó làm động lực, suy xét kỹ càng và rút kinh nghiệm tốt hơn. Từ đó mà sáng suốt, đứng đắn hơn trong những công việc sắp tới.

mà còn lấy đó làm động lực, suy xét kỹ càng và rút kinh nghiệm tốt hơn. Từ đó mà sáng suốt, đứng đắn hơn trong những công việc sắp tới. Tuy nhiên, sự nghèo khó thật sự của một cư sĩ Phật tử nói riêng hay con người nói chung không phải ở tài vật mà sự nghèo khổ trong tinh thần, trong những pháp tốt đẹp: *“Này các Tỳ kheo, ai không có lòng tin trong các thiện pháp, không có lòng hổ thẹn trong các thiện pháp, không có trí tuệ trong các thiện pháp; người này, này các Tỳ kheo, được gọi là người nghèo khổ, không có sở hữu, sống túng thiếu trong Pháp*



Khi giữ được tâm ít tham muốn, biết vừa đủ, biết rõ bản chất vô thường của tài lợi, người kinh doanh có thể sáng suốt hơn khi gặp thất bại. Họ không còn bị chi phối mạnh mẽ bởi sự thất bại đó mà còn lấy đó làm động lực, suy xét kỹ càng và rút kinh nghiệm tốt hơn. Từ đó mà sáng suốt, đứng đắn hơn trong những công việc sắp tới.

và *Luật của bậc Thánh*” [9]. Chính vì vậy, là một người Phật tử, việc kinh doanh cũng phải hướng đến mục đích sau cùng là hoàn thiện vừa đủ đời sống vật chất và chú trọng nuôi dưỡng thiện pháp, xây dựng đời sống tinh thần.

Đây cũng chính là điều Phật căn dặn hàng cư sĩ tại gia nên ghi nhớ khi đạt được sự thành công trong kinh doanh chớ nên đắm chìm vào hưởng thụ dục lạc khi thành tựu kinh doanh: *“Ít thay là những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào, lại có thể không bị lôi cuốn, không bị chìm đắm, không bị say mê trong các dục và không có những hành vi không tốt đẹp đối với người khác. Trái lại, thật là nhiều thay những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào, có thể bị lôi cuốn, bị chìm đắm, bị say mê trong các dục và có những hành vi không tốt đẹp đối với các người khác”* [10]. Khi thành công đạt được tiền tài vật chất, danh lợi đầy đủ, hiếm ai có thể hiện nhiên trước chúng, nghèo cũng khổ theo cách giàu. Sự lôi cuốn, chìm đắm, say mê trong các dục là nguyên nhân lôi kéo con người vào nỗi khổ dài hạn, còn nguy hiểm hơn nỗi khổ của túng thiếu vật chất. Đức Phật thật tinh tế, thật từ bi khi nghĩ đến hàng cư sĩ kinh doanh mà nhắc nhở tận tình những điều như vậy.

Thất bại hay thành công đều có thể dẫn tới khổ đau nếu bản thân mỗi người không tu tập, không giữ gìn được tâm mình bình yên trước những biến động - điều vốn dĩ của cuộc sống. Sự nghèo khổ, túng thiếu về vật chất cũng không tốt, nhưng chúng lại không nguy hiểm bằng tự túng thiếu những



Một người làm kinh doanh còn phải tránh các tâm bất thiện, nuôi dưỡng tâm thiện để làm nền tảng cho sự nghiệp vững bền. Ngoài ra, việc chọn lựa ngành nghề kinh doanh chân chính cũng là điều được Đức Phật nhấn mạnh.

thiện nghiệp. Sự kinh doanh phải hướng tới mục tiêu vừa đủ đời sống vật chất, hướng tới làm giàu có những giá trị tốt đẹp bền chắc bên trong mỗi người và sự giải thoát sau cùng. Người Phật tử tại gia cho dù làm gì cũng luôn hướng đến giá trị tu tập giải thoát như thế sẽ không bị sự thành công lôi kéo vào tham đắm dục lạc - nguyên nhân của nỗi khổ viên mãn hay bị thất bại làm thay lòng đổi chí. Hãy thận trọng ngay cả khi thất bại lần thành công vậy!

KẾT LUẬN

Những lời dạy của Đức Phật luôn chú trọng việc thực hành đem lại hạnh phúc chân thực, bền vững. Ngoài những phương pháp tu tập sâu sắc và cao cả cho giới đệ tử xuất gia, Ngài cũng thương tưởng chúng đệ tử tại gia mà dành những lời dạy quý báu cho đời sống của họ. Chính vì việc người đệ tử tại

gia chưa đủ duyên lành để từ bỏ đời sống gia đình, sống không gia đình, nên họ vẫn phải thực hiện trách nhiệm nuôi sống bản thân, gia đình và phát triển xã hội. Để làm được điều đó, họ có thể kinh doanh buôn bán tạo ra tài lợi và tiện ích. Để rồi người cư sĩ còn có khả năng chia sẻ, hỗ trợ hàng đệ tử xuất gia - những người khát sĩ, nhận của tín thí đàn na nuôi thân làm phương tiện hành đạo và giữ đạo.

Thông qua một số bài kinh có liên quan trong kinh tạng Nikaya, người viết đã phân tích một vài yếu tố nền tảng cho đời sống tại gia được hạnh phúc. Từ việc xây dựng yếu tố thành công, tìm về mục đích cao thượng và lựa chọn ngành nghề kinh doanh phù hợp, người cư sĩ tại gia có thể đạt được sự thành công trong đời sống. Tuy nhiên, Phật không dạy chúng ta chú trọng nâng cao đời sống vật

chất mà chú trọng nuôi dưỡng đời sống chân hạnh phúc nơi tâm thức mỗi người. Vì vậy, dù thành công hay thất bại trên con đường kinh doanh phát triển tài vật, cư sĩ Phật tử cũng phải chú trọng tâm mình trước biến động, khi thất bại không khổ đau thái quá, khi thành công không hưởng thụ quá nhiều. Có vậy mới hoàn thành nhiệm vụ cao cả của người Phật tử tại gia, dựng đạo tạo đời đời đường vẹn.

Ghi chú và tài liệu tham khảo:

- [1] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1996), *Kinh Tạng Chi Bộ 1, Chương IV Bốn Pháp VII. Phẩm Nghiệp Công Đức*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP HCM, tr.680.
- [2] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1996), *Kinh Tạng Chi Bộ 1, Chương IV Bốn Pháp VIII. Phẩm Không Hỷ Luận*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP HCM.
- [3] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1996), *Kinh Tạng Chi Bộ 1, Chương IV Bốn Pháp VIII. Phẩm Không Hỷ Luận*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP HCM, tr.710.
- [4] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1996), *Kinh Tạng Chi Bộ 1, Chương IV Bốn Pháp VIII. Phẩm Không Hỷ Luận*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP HCM, tr.711.
- [5] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1996), *Kinh Tạng Chi Bộ 2, Chương V Năm Pháp XVIII. Phẩm Nam Cư Sĩ*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP HCM, tr.646.
- [6] VNCPCC, Tại sao chế độ ăn nhiều thịt lại ảnh hưởng lớn đến môi trường?, truy cập 27/11/2018, <https://scp.vn/tai-sao-che-do-an-nhieu-thit-lai-ảnh-hưởng-lớn-đến-môi-trường/>
- [7] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (2015), *Kinh Tạng Chi Bộ 2015 - Tập I, III. Phẩm Người*, Nxb. Tôn giáo, tr.159.
- [8] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (2005), *Kinh Tạng Chi Bộ 3, Chương VI Sáu Pháp V. Phẩm Dhammika*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.118.
- [9] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (2005), *Kinh Tạng Chi Bộ 3, Chương VI Sáu Pháp V. Phẩm Dhammika*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.119.
- [10] Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1991), *Kinh Tương Ưng 1 Thiên Có Kế, Chương III Tương Ưng Kosala I. Phẩm thứ nhất*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP HCM, tr.171.

ÁNH SÁNG TỪ TÂM

Nguyễn Thanh Nga

Dưới trăng thu đã tròn đầy
Xôn xao hoa lá ngậy ngậy khắp vườn
Bé em cùng mẹ dâng hương
Búp sen cầu nguyện chùa đương nền vàng.

Từ bi trong chính ta mang
Ta đem ánh sáng chiếu ngàn gặm xa
Thương với mẹ, kính với cha
Trước là chữ Hiếu, sau là đạo con.

Ánh trăng soi sáng khuôn tròn
Lan xa mây ủ thiện còn trong tâm
Tiếng chuông vang những xa gần
Tâm lòng thức tỉnh cõi trần ta mang.

Không sân giận, chẳng khoe khoang
Việc thiện tích đức muôn ngàn yêu thương
Bé em cùng mẹ trên đường
Về tươi một nẻo còn vương nét cười.

TÂM TA CÓ PHẬT

Lê Phụng

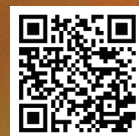
Mãi mê trong cõi Ta bà
Chúng sinh khổ nạn bởi sa mê lầm
Nào đâu hiểu Phật tại tâm
Trong tâm có Phật thì lòng an vui.

Đua chen giấc mộng trong đời
Mà nào hay biết cuộc người phù sinh
Học từ bi, quy đường lành
Xa rời, buông bỏ ác sanh, mê lầm.

Tránh xa những thói tham, sân
Giữ tâm thiện hảo, gieo nhân tốt lành
Giữa đất trời, lòng tinh anh
Tâm ta tâm Phật thiện lành, từ bi.

Không sâu hận, không chấp nê
Diệt sinh, sinh diệt một ly thôi mà
Lăn trôi trong cõi Ta bà
Từ sinh chỉ một sát na, vô thường.

Sống ban phát vạn tình thương
Làm điều phước đức mở đường mai sau
Tức tâm, tức Phật nhiệm mầu
Bồ đề kết nụ ngàn sau vững bền.



CHẾ NGỰ TÂM, SOI SÁNG LẠI CHÍNH MÌNH

SC. Thích Nữ Diệu Hoa

*“Cần chi phải vào nơi hẻo lánh
Để giữ thân thoát cảnh mê lầm
Chỉ cần chế ngự được tâm
Bao điều hạnh phúc sẽ ngậm nhân đôi”.*

Thật vậy, nếu tâm không ngừng phóng dật, không quyết tâm đoạn trừ dục vọng thì dù có rời xa phố phường sống ẩn nơi rừng sâu, núi thẳm cũng vô ích, phiền não vẫn hoài phiền não. Còn như biết điều phục tâm, chế ngự được tâm, thì trong lòng mãi bình yên không dậy sóng, tâm không buồn bã ưu sầu, sẽ an nhiên tự tại trước những chướng duyên, nghịch cảnh.

Có câu nói: “Người đẹp nhờ lụa” và đời sẽ đẹp nhiều hơn thế nếu: “Người đẹp nhờ đạo hạnh”, cố gắng mỗi ngày chế ngự được tâm và thường xuyên soi sáng lại chính mình. Khi tâm thanh tịnh, chắc chắn sẽ tĩnh lặng như mặt hồ không gợn sóng. Khi soi sáng lại chính mình sẽ buông bỏ được mọi phiền não và ngăn mầm bất thiện, không cho chúng đâm chồi.

*“Tâm mà phần nộ khổ sầu vầy
Hương thiện thù buông hạnh phúc gãy
Tức giận vì sân người mệt mỏi
Tu hành nhịn xả vạ nào lây”.*

Dù xuất gia hay tại gia, giàu hay nghèo, nam hay nữ, trẻ hay già cũng đều phải biết điều tiết, chế ngự tâm mình. Nếu đã sinh ra trên cõi đời này, tất nhiên đã mang trên mình nghiệp quả tiền kiếp. Sắc vóc, trí tuệ, sức khỏe... ít nhiều đều chịu ảnh hưởng của nghiệp báo. Đây là luật nhân quả rõ ràng. Gieo phước gặt phước, gây tội lãnh tội là lẽ đương nhiên. Bởi:

*“Nhân quả thì không tránh khỏi được đâu
Từ muôn thuở trồng bầu không gặt tảo
Uơm bí đỗ chẳng ra dưa lúa gạo
Lẽ đương nhiên vì cáo chẳng sanh mèo”.*



Phước báu cho những ai khi tái sanh được sanh vào gia đình có đạo đức, được xinh đẹp tướng mạo đoan trang, trí tuệ tài giỏi, hay mạnh khoẻ lành lặn đầy đủ tứ chi, ấy là quả ngọt thiện lành do chính bản thân đã gieo trồng, cần phát triển hạnh lành để đức thêm dày. Việc thiện cần duy trì và phát triển, nếu biết việc đó bất thiện nên ngừng hẳn không làm nữa hoặc đừng bao giờ tham gia.

*“Hãy giữ lời thầy đã dạy ta
Trần gian lẫn lộn cảnh gian tà
Đừng do lợi lộc mà gieo ác
Những chuyện uon hèn phải tránh xa”.*

Trong chốn Thiền môn, ta vẫn thường nghe các vị Thiền sư dạy bảo thiền sinh và nhắc nhở học trò rằng: “Phàm làm việc gì cũng nên nghĩ đến hậu quả của nó”. Những bậc Tổ sư thường lấy kết quả trải nghiệm trong đời tu của mình để dạy lại và sách tấn hàng hậu học. Có câu: “Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”, những bậc trí, những vị tu hành với sự hanh thông của người có trí tuệ đều rất thận trọng trong mỗi suy nghĩ và hành động, không để tâm sinh khởi những điều tội lỗi dù chỉ là một niệm nghĩ suy nghĩ. Còn chúng sanh nói chung, đa số khi tâm khởi sinh dục vọng hay sân si thì đều làm theo ý mình muốn, đến khi hậu quả khổ sầu rồi mới ăn năn thì đã muộn.

*“Soi tác dạ tẩy vơi bụi bấn
Tránh gây thù nhĩn nhĩn mọi khi
An nhiên chốn tĩnh tu trì
Phật môn lặng lẽ khắc ghi lời vàng”.*

Trong xã hội ngày nay, biết bao người ngời khóc cho thanh xuân bị chôn vùi trong ngục tù khổ não, có những hoàn cảnh đáng thương, chỉ vì lỡ tay một phút nông nổi khi tâm bị mất kiểm soát, cái giá phải trả cho một phút thất niệm để tâm phần nộ là cả một vùng trời riêng bình yên mà bản thân họ không muốn bị đánh mất. Như vậy, đâu phải chỉ mỗi người xuất gia tu hành nơi cửa Phật mới phải chế ngự tâm, mà cả người thế gian không khoác áo cà sa cũng cần chế ngự tâm để cuộc sống bình yên, an lành.

*“Trong cuộc sống xô bồ hỉ nộ
Có nhiều điều cảm dỗ người ta
Gìn tâm tránh bị sa đà
Con đường hạnh phúc chẳng xa sẽ thành”.*

Thời đại nào cũng có thiện và ác, chánh và tà. Đất nước nào cũng có người tốt và xấu, người giàu và nghèo. Ở nơi nào cũng có buồn và vui. Vậy nên, ta phải tự mình chọn con đường chân chánh để đi và chọn lương thiện để sống. Nếu không muốn điều chi kém may mắn trong đời, bản thân phải biết chế ngự tâm theo bốn phận của mình. Người xuất gia có bốn phận của người xuất gia, người tại gia cũng có bốn phận của người tại gia. Ví dụ điển hình người xuất gia phải đoạn hẳn dục, cần chế ngự tâm không cho sanh khởi ái dục. Còn người tại gia giữ giới không tà dâm, nhưng cũng cần chế ngự tâm ngăn ngừa tham lam, say đắm sắc để không phạm lỗi tà dâm.

*“Nguyện giữ cho mình tánh thiện chân
Dồi trau đức hạnh gắng chuyên cần*

*Mê làm có chấp đời thêm khổ
Tĩnh ngộ buông rời sẽ nhẹ thân”.*

Hay:
*“Tự mình xem xét bản thân
Ngừa tâm phóng dật sẽ dần được an
Đừng do nóng giận làm càn
Để không mắc phải làm than cuộc đời”.*

Hoặc:
*“Kiếp này ráng giữ hiền lương
Từ bi hỉ xả đẹp đường kiếp sau
Thiện lương thì đức thêm giàu
Tâm mà trong sáng sẽ mau yên lòng”.*

Một ngày thực hành thiền buông thư sẽ cho ta cảm giác bình yên, an lạc. Một phút bị tam độc tham - sân - si sai khiến, ta sẽ nhận cả một mớ khổ sầu tâm can dần tăng cảm giác khổ đau, tức tối bức bối, tự thấy bản thân bị tổn thương, mệt mỏi như thịt xương mình sắp hoại tử. Không gì đáng sợ bằng cơn sóng thần hung tợn trong tâm, tâm bất thiện còn kinh khủng hơn ngọn núi lửa đang phun trào, khiến cuộc sống đầy sự sợ hãi, đau khổ ngập tràn. Hiểu được như thế, ta hãy tập ngồi yên, yên từ thân lẫn tâm, trân trọng yêu thương xác phàm này. Hãy cảm ơn, vì nhờ nó ta thực hành được lời Đức Phật dạy, hít sâu thở nhẹ, thở thật nhẹ nhàng trong tỉnh thức, thư giãn rồi tự quyết định cuộc sống mà bạn cho rằng bản thân xứng đáng, chọn buông bỏ hay cố chấp ôm giữ, thiện hay ác, đạo đức hay bất nhân, làm chủ mình hay để phiền não quấy nhiễu, tất cả chỉ một sự quyết tâm từ bản tâm đã được chế ngự.

*“Muốn cho buồn khổ cách rời
Tâm hồn nhàn nhã thanh thoi mọi ngày
Ta cần tu tỉnh mình ngay
Gieo mầm lương thiện sẽ hoài an nhiên”.*

Nếu chúng ta phát nguyện sống đời tỉnh thức, quy y Phật, hướng thiện, thực hành theo chánh pháp, thân cận bậc trí, tu nhân tích đức, sống đúng chân lý học được từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chế ngự tâm để tâm thanh tịnh không dính bụi trần thì không còn lo ngại vấn đề đau khổ hay phiền não, sẽ được an lạc ngay đó thôi. Hãy thử trải nghiệm thiền để tự mình kiểm nghiệm nếu chưa đủ duyên với Tam bảo, không tổn tiền hay tổn thọ khi tự mình tu tập tạo công đức cho chính mình. Tự mình tích góp phước đức để làm hành trang cho chính mình vượt qua bão giông sầu muộn trên cuộc đời này.



THĂM VƯỜN THIÊN

Tỳ khru Tâm Trung

Ngược dòng Hương, lên Huyền Không Sơn Thượng
Thăm vườn thiên đồng vọng tiếng chuông ngân
Chân bước nhẹ thênh thang đi vào cõi
Tĩnh lự không gian xa lánh bụi trần ai!

Cội bồ đề nghiêng che bóng mát
Nắng thu lay gieo những đóm hoa
Cây cỏ ven đường rộn rã đón người qua
Nhành phong lan lung linh trong gió
Tỏa ngát hương hòa quyện khói trầm bay
Tâm thanh thoát trong ngàn mùi đạo vị...

Đời mê mãi bốn ba nơi phố phường chật chội
Hôm nay về đây trọn vẹn với đức tin
Trên đài sen đức Từ phụ cúi nhìn
Ánh bi từ độ trì cho nhân thế
Lòng hoan hỷ, con quy kính lễ
Tâm hướng về tu học vượt bến mê!

KHÔNG

Lưu Trọng Tuấn

Những viên đá cuội âm thầm dưới những bước chân
Đường lên cõi Phật.
Đá cuội thêm mòn
Vô ngã trước thiên môn.

Dưới tán bồ đề, Đức Phật uy nghiêm
Tỏa ánh từ bi đến chúng sinh lạc lối.
Chim gõ kiến dừng trên cành, tĩnh tại.
Chiến tranh dừng, cứu muôn vạn sinh linh.

A Di Đà có tự trong thân
Như hòn đá đón chân người tu tập
Như tấm lòng mở ra cùng vạn vật
Không hại thiên nhiên, dù con suối, dòng sông.

A Di Đà có tự trong thân
Từ bát com ấm lòng cha mẹ
Từ nụ hồng cài cho ai trên ngực áo
Bàn tay nâng người cùng khổ trên đường.

Thiền tâm chờ một chữ không,
Cửa thiền soi sáng, một lòng quy y.



PHẬT GIÁO &
THỜI ĐẠI



Phát huy
những giá trị nhân văn của

**Phật
giáo
trong
đời
sống**



Đạo đức Phật giáo đề cao tinh thần tự giác của con người, phát huy tối đa khả năng làm chủ từng suy nghĩ, lời nói, hành động của bản thân trong các mối quan hệ và thực hành quy tắc đạo đức.

xã hội hiện nay



TT. Thích Thanh Huân

LTS: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng trích đăng bài viết *Phát huy những giá trị nhân văn của Phật giáo trong đời sống xã hội hiện nay* của Thượng tọa Tiên sĩ Thích Thanh Huân. Đây là bài tham luận trích từ *Hội thảo Phát huy vai trò của Tăng, Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc* được Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam phối hợp với Hội đồng Trị sự GHPGVN, Ban Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ), tổ chức vào tháng 1/2022.

Việt Nam là một trong những nước phương Đông, nơi mà tôn giáo có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống văn hóa xã hội. Trong các tôn giáo lớn trên thế giới, Phật giáo đã du nhập vào Việt Nam và có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần, xã hội cho đến ngày nay. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Phật giáo Việt Nam đã có đóng góp đáng kể đối với sự phát triển của dân tộc trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là góp phần giáo dục, định hướng cho sự phát triển nhân cách, tư duy, giáo dục đạo đức, lối sống con người.

Nước ta đang xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập thế giới. Chúng ta đang sống trong một thế giới hiện đại, biến chuyển nhanh chóng, quá trình hội nhập diễn ra rất nhanh, từ đó nảy sinh nhu cầu mở rộng giao lưu các nền văn hoá. Trong bối cảnh đó, việc phát huy tinh thần nhân văn của Phật giáo trong xã hội ngày càng quan trọng và cấp thiết hơn bao giờ hết. Điều này sẽ giúp con người thay đổi cách nhìn, suy nghĩ, hành động theo con đường đúng đắn, từ đó giảm bớt những vắn nạn trong cuộc sống, đồng thời góp phần gìn giữ, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

TINH THẦN NHÂN VĂN CỦA PHẬT GIÁO

Giá trị nhân văn

Giá trị nhân văn là giá trị vì con người, lấy con người làm trung tâm để hướng tới giải phóng, phát triển và hoàn thiện con người. Các lĩnh vực hoạt động xã hội đều hướng tới các giá trị vì con người: giải thoát con người khỏi khổ đau, kìm kẹp, áp bức

về vật chất, tinh thần; xây dựng một xã hội an lạc, toàn thiện và hạnh phúc.

Tinh thần nhân văn của Phật giáo

Mục đích tối thượng của đạo Phật là hướng dẫn, chỉ dạy cho con người con đường khai mở tâm thức, phát triển trí tuệ trực giác, hướng đến giác ngộ giải thoát. Xã hội lý tưởng mà Phật giáo hướng tới đó là thế giới Tịnh độ, bình đẳng, hòa bình an vui. Nội dung giáo lý Phật giáo thể hiện triết lý về sự công bằng, giáo dục con người phải biết sống lành mạnh, khuyến khích con người làm nhiều việc tốt, việc thiện, lánh xa điều ác, tránh làm những việc bất nhân phi nghĩa để xây dựng một cuộc sống tốt đẹp nơi trần thế. Trong hơn 2.000 năm hiện diện trên đất nước Việt Nam, đồng hành cùng dân tộc, những tư tưởng Phật giáo không chỉ ảnh hưởng sâu sắc tới đạo đức xã hội, mà còn có những giai đoạn lịch sử rất dài đã từng là tư tưởng chủ đạo của xã hội Việt Nam thể hiện ở nhiều khía cạnh.

Tinh thần yêu nước

Lịch sử dân tộc Việt Nam đã ghi nhận những đóng góp to lớn của Phật giáo đối với dân tộc. Đạo Phật luôn đồng hành cùng dân tộc những khi vận nước lâm nguy. Các thiền học như: Tuệ Trung Thượng Sĩ, Trần Nhân Tông... đều là những người lập nhiều chiến công vẻ vang trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Các vị quốc sư như: Thiền sư Vạn Hạnh, Thiền sư Mãn Giác... dù tu hành nhưng vẫn quan tâm đến việc triều chính. Khi chủ nghĩa thực dân, đế quốc xâm lăng nước ta, thực hiện

chính sách đàn áp Phật giáo, nhiều Tăng Ni đã tích cực tham gia công cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, điển hình là tấm gương Bồ tát Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối sự đàn áp Phật giáo của chế độ Sài Gòn.

Giáo dục lối sống hướng thiện

Tư tưởng nhân quả “ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ” đã ăn sâu vào nếp sống, nếp nghĩ của người Việt. Chính đạo đức Phật giáo giúp họ có thêm nghị lực trong việc định hướng lý tưởng sống, sống vị tha và biết yêu thương lẫn nhau, xem việc phụng sự và giúp đỡ mọi người là niềm vui của chính mình, hướng đến xây dựng một xã hội nhân ái. Họ luôn tin tưởng tuyệt đối rằng: làm thiện sẽ được quả lành, làm ác sẽ bị quả xấu, những suy nghĩ, lời nói và việc làm của mình đều được sự giám sát của các vị thần hộ pháp. Khi gặp nạn, chắc chắn sẽ có Đức Phật hay Bồ tát ra tay cứu giúp.

Giáo dục sự tôn trọng lợi ích và nhân phẩm của người khác

Tinh thần này được thể hiện qua “Ngũ giới”: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu của Đức Phật nhằm thiết lập trật tự, an vui, hòa bình cho gia đình, xã hội và quốc gia. Xã hội hiện nay luôn coi trọng sự sống, môi trường sống, ít xảy ra nạn trộm cắp, hạnh phúc gia đình, chung thủy với nhau, không lừa dối để tạo

niềm tin cho nhau, và không rơi vào nghiện ngập, hút chích các loại ma túy... Ngũ giới nhà Phật rất phù hợp với chính sách của Đảng và Nhà nước ta trong tình hình mới, giúp xã hội ổn định, giảm bớt các tệ nạn xã hội, các giá trị đạo đức truyền thống được phát huy.

Giáo dục đạo lý uống nước nhớ nguồn

Phương pháp giáo dục này thể hiện thông qua lễ Phật đàn, lễ Vu Lan Báo Hiếu. Trong lễ Phật đàn thì tưởng nhớ đến cuộc đời đạo đức của Đức Phật, thông qua đó nêu lên thông điệp yêu chuộng hòa bình và lòng nhân ái, kêu gọi mọi người sống thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Lễ Vu Lan Báo Hiếu thì thể hiện truyền thống đạo lý hiếu thảo của các thế hệ con cháu đối với ông bà cha mẹ của mình, qua đó giáo dục tinh thần hiếu hạnh của con người, xây dựng gia đình mẫu mực, con cháu thảo hiền, góp phần xây dựng đời sống đạo đức trong gia đình và xã hội.

Trong quan hệ ứng xử giao tiếp

Trong gia đình và xã hội, Phật giáo đề cao sự hòa thuận và trách nhiệm của con người thông qua thực hiện Tứ trọng ân (ân cha mẹ, ân quốc gia, ân thầy cô, ân đàn na tín thí). Trong ứng xử của con người với môi trường tự nhiên, đạo đức Phật giáo với tư tưởng từ bi hỷ xả, vô ngã vị tha, luôn đề cao, tôn trọng sự sống của mọi loài, vì vậy luôn hướng đến sự an lành và hòa bình cho quốc gia và thế giới, kêu



Mục đích tối thượng của đạo Phật là hướng dẫn, chỉ dạy cho con người con đường khai mở tâm thức, phát triển trí tuệ trực giác, hướng đến giác ngộ giải thoát. Xã hội lý tưởng mà Phật giáo hướng tới đó là thế giới Tịnh độ, bình đẳng, hòa bình an vui.

gọi ăn chay, phóng sinh, bảo vệ môi trường sống, phản đối các cuộc chiến tranh xâm lược cũng như việc sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt.

PHÁT HUY TINH THẦN NHÂN VĂN CỦA PHẬT GIÁO TRONG XÃ HỘI NGÀY NAY

Các giá trị tinh hoa hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo và các hệ thống triết lý chính là những bài học về đạo đức, về con đường sống chân - thiện - mỹ vẫn đang có những đóng góp cho việc duy trì một nền đạo đức xã hội, khơi dậy truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, tương thân tương ái trong cộng đồng đáp ứng nhu cầu cấp bách hiện nay trong giáo dục đạo đức xã hội, gìn giữ các giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống dân tộc, đáp ứng chiến lược xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong mục tiêu phát triển đất nước.

Văn hóa đạo đức

Đạo đức là cái gốc, là thước đo giá trị con người. Mỗi tôn giáo đều mang trong mình những giá trị đạo đức riêng. Đạo đức Phật giáo nổi bật với các giá trị phổ quát nhất về lòng từ bi, đem tình yêu thương đến với mọi người, tu tâm, hành thiện và xây dựng các mối quan hệ xã hội đã định hướng cho cho lý tưởng sống con người và trở thành kim chỉ nam hướng con người đến chân - thiện - mỹ. Bản chất của đạo đức Phật giáo là hướng đến giáo dục đạo đức con người với những phẩm chất cao quý: từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha.

Những giá trị đạo đức qua lời Phật dạy giáo dục con người yêu thương giúp đỡ nhau, xây dựng cộng đồng Phật giáo với những Phật tử sống tốt đời đẹp đạo với tinh thần công hiến phụng sự cho đời. Và vì thế mà những khóa tu đạo đức mùa hè được mở ra, các khóa tu hàng tháng, các buổi giảng Pháp với hàng nghìn Phật tử đến tham gia, các lớp học tâm lý đạo đức... Chính những điều này đang góp phần xây dựng văn hóa đạo đức trong mọi người, đặc biệt là giới trẻ, hướng đến những giá trị tốt đẹp. Xã hội ngày càng phát triển, đạo đức của con người phải càng được nâng cao. Phật giáo mang trong mình trọng trách, sứ mạng đồng hành cùng dân tộc. Đạo đức Phật giáo phải trở thành đạo đức chung của toàn dân tộc, là nền tảng để cho dân tộc Việt Nam phát triển vững bền.



Đạo đức là cái gốc, là thước đo giá trị con người. Mỗi tôn giáo đều mang trong mình những giá trị đạo đức riêng. Đạo đức Phật giáo nổi bật với các giá trị phổ quát nhất về lòng từ bi, đem tình yêu thương đến với mọi người, tu tâm, hành thiện và xây dựng các mối quan hệ xã hội đã định hướng cho cho lý tưởng sống con người và trở thành kim chỉ nam hướng con người đến chân - thiện - mỹ.

Trong gia đình và xã hội, Phật giáo đề cao sự hòa thuận và trách nhiệm của con người thông qua thực hiện Tứ trọng ân (ân cha mẹ, ân quốc gia, ân thầy cô, ân đàn na tín thí).



Bảo vệ môi trường

Con người và thiên nhiên có mối quan hệ hữu cơ, bền chặt. Môi trường bị phá hoại thì sự sống của con người cũng bị tổn thương, đe dọa. Không phải đến thời điểm này, vấn đề môi trường mới được đặt ra như một yêu cầu cấp thiết đối với toàn nhân loại. Những hậu quả của việc tàn phá môi trường đang đưa cuộc sống loài người đến gần hơn với hiểm họa diệt vong. Những điều đó buộc con người phải thay đổi nhận thức và quan điểm về vấn đề môi trường. Các quốc gia, các tổ chức và toàn xã hội đang nỗ lực tìm ra những giải pháp thích hợp để đối phó vấn đề môi trường. Với phương châm hoạt động “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, Phật giáo cũng không nằm ngoài số đó khi thực hiện và đưa ra những giải pháp của mình để góp phần cải thiện môi trường.

Thứ nhất là tâm từ. Trong giáo lý Tứ vô lượng tâm, trên con đường tu hành giác ngộ phải trải qua nhiều thử thách và một trong những điều kiện tiên quyết đối với người Phật tử là tâm từ bi thương yêu tất cả chúng sinh không giới hạn, không làm tổn thương đến con người, chim thú trong rừng, cá bơi dưới nước, cho đến thiên nhiên cỏ cây hoa lá...

Thứ hai là giới cấm sát sinh. Tất cả mọi loài sinh ra đều mang trong mình sự sống và vì vậy, đều cần được tôn trọng và bảo vệ. Đức Phật giáo hóa cho hàng đệ tử về ngũ giới cấm, một trong số đó là vấn đề cấm sát sinh. Việc sát sinh nhằm phục vụ các nhu cầu của con người sẽ dẫn đến việc mất cân bằng sinh thái, tác động trực tiếp đến sự sống của con người, là nguyên nhân của dịch bệnh và thiên tai.

Thứ ba là ăn chay. Theo báo cáo của Tổ chức Nông Lương Liên Hiệp Quốc (FAO), chăn nuôi đã và đang là nguyên nhân dẫn đến hàng loạt vấn đề nghiêm trọng về môi trường như: ô nhiễm không khí, thiếu và ô nhiễm nước, phá rừng... Ngành chăn nuôi là một trong những nguồn phát ra lượng khí thải CO2 cao, nên muốn giảm lượng khí thải này thì một biện pháp hữu hiệu là giảm số lượng súc vật chăn nuôi và giảm lượng thịt tiêu thụ trong các bữa ăn, điều đó đồng nghĩa với việc nên ăn chay. Các chuyên gia dinh dưỡng cũng khẳng định chế độ ăn chay có thể cung cấp đầy đủ các dưỡng chất cần thiết cho mọi lứa tuổi. Qua khảo sát, người ăn nhiều thức ăn có nguồn gốc thực vật hơn trong bữa ăn sẽ có tỉ lệ mắc các bệnh như: tim mạch, ung thư, cao huyết áp... thấp hơn người ăn nhiều thịt động vật.

Thứ tư là trồng rừng. Khi còn tại thế, Đức Phật chọn rừng xanh là nơi đản sinh, xuất gia, thành đạo và nhập Niết bàn. Trong kinh có ghi lại rằng, sau khi thành đạo dưới cội Bồ đề, Đức Phật đã lặng ngắm trong một tuần cội cây Bồ đề, để biểu lộ lòng biết ơn đối với cội cây đã che chở mưa nắng cho Ngài trong suốt thời gian tu tập. Đó là một bài học vĩ đại về lòng biết ơn mà Đức Phật gửi lại cho muôn đời và người đệ tử Phật.

Thật vậy, rừng là cái nôi của sự sống, là “lá phổi xanh” của mẹ Trái Đất, là nơi sinh sôi nảy nở của muôn loài muôn vật. Nhờ có rừng, nước được giữ lại trên bề mặt, không bị tụt sâu vào lòng đất, con người có oxi, không khí được thanh lọc. Chúng ta yêu thương loài người, yêu quý sự sống trên Trái Đất thì phải cứu rừng, tạo lại rừng cây xanh để giữ gìn sự sống cho muôn loài. Bên cạnh việc làm nhiều công đức như cứu trợ đồng bào bị thiên tai, việc cực kỳ quan trọng để giải quyết triệt để cái gốc của thiên tai là phải tạo lại rừng. Và khi đó, chỉ có cách giúp mọi người sống có đạo đức, tin vào nhân quả, đồng thời kêu gọi trồng lại rừng..., ta mới có thể giúp họ thoát khỏi những nỗi khổ đó. Ngoài việc tạo lại môi trường sống, giữ nước trên bề mặt, rừng còn có tác dụng tạo lại sự tương tác tâm linh cho thế giới. Hiện nay, tâm hồn con người dần dần khô cạn đi vì rừng cây ngày càng bị giảm bớt. Vì vậy, chúng ta phải tạo lại rừng cây để nâng cao tâm hồn con người. Nếu có nhiều rừng cây xanh, đời sống tâm hồn con người sẽ thay đổi, tốt hơn rất nhiều. Đến một nơi có nhiều cây xanh, tự nhiên chúng ta có cảm giác con người sống ở đó hiền lành, tử tế.

Có thể nói, những giáo lý mà Đức Phật dạy phù hợp với quy luật tự nhiên, là biện pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường và cuộc sống con người. Đó là cách sống hiểu biết và cao thượng, hạn chế tâm vị kỷ, mang lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, sống hài hòa với thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái. Hãy cùng nhau trồng thật nhiều cây để giữ gìn sự sống cho Trái Đất. Trái Đất sẽ ngập tràn hạnh phúc bởi những tâm hồn biết yêu thương, biết ơn những điều cao quý, như rừng đã cho con người biết bao điều...

Chấp hành quy định pháp luật về giao thông

Đạo đức Phật giáo đề cao tinh thần tự giác của con người, phát huy tối đa khả năng làm chủ từng suy nghĩ, lời nói, hành động của bản thân trong các mối

quan hệ và thực hành quy tắc đạo đức. Trong văn hóa giao thông, điều này cần phát huy mạnh mẽ để người tham gia giao thông có ý thức tự giác nghiêm túc chấp hành luật giao thông, đặc biệt là ý thức cộng đồng mà pháp luật không quy định. Việc chấp hành giao thông do luật pháp điều chỉnh. Người tham gia giao thông có ý thức tự giác chấp hành luật giao thông bởi họ hiểu tầm quan trọng của việc chấp hành luật và hậu quả bị xử phạt nếu không chấp hành.

Tuy nhiên, tình trạng không chấp hành, lách luật, thiếu ý thức khi tham gia giao thông vẫn còn nhiều. Bởi ý thức là đạo đức ở tầm cao. Luật tác động từ bên ngoài vào, còn đạo đức thì xuất phát từ sâu trong nội tâm. Người tu hành có giới luật - khó giữ hơn rất nhiều so với các quy tắc ngoài đời sống, nhưng người tu vẫn giữ được, bởi lẽ họ có đạo đức xuất phát từ luật nhân quả. Bởi vậy, muốn nâng cao ý thức người dân trong việc chấp hành luật giao thông, việc ứng dụng, tuyên truyền luật nhân quả, đạo đức lái xe, đạo đức khi tham gia giao thông... là điều cốt lõi.

Lái xe an toàn

Dù chấp hành luật giao thông, có ý thức cộng đồng, nhưng những rủi ro tai nạn vẫn có thể xảy ra khi tham gia giao thông. Phật giáo có những cách thuận theo luật Nhân quả để giảm thiểu tối đa những rủi ro đó.

Thứ nhất, theo luật nhân quả, một người thường làm các việc công ích liên quan đến đường sá giao thông sẽ có phúc giúp tránh khỏi những rủi ro, tai nạn. Ví dụ: Tuyên truyền, giảng dạy luật giao thông cho mọi người; cứu giúp người bị nạn trên đường; nhường đường cho các xe y tế, xe cấp cứu, xe chữa cháy, đưa người già yếu, trẻ nhỏ qua đường; giữ đúng làn đường, không lấn trái; khởi tâm từ bi yêu thương tất cả mọi người đang tham gia giao thông; cầu nguyện cho tất cả mọi người tham gia giao thông được an toàn; nhặt rác cho sạch đường; hiến đất làm đường; xây cầu, đắp vá đường; khi xây nhà, lui vào một phần tường nhà, hàng rào, cho đường đi rộng hơn...

Thứ hai, tu tập thiền định để giúp loại bỏ vọng tưởng, tinh thần minh mẫn, sáng suốt để xử lý kịp thời những tình huống xảy ra khi tham gia giao thông. Khi ngồi thiền, ta luôn tác ý biết rõ toàn thân. Khi vọng tưởng khởi lên không cố ý diệt trừ vọng

tưởng, nhẹ nhàng quay lại cảm giác toàn thân. Thực hành ngay cả trong đời sống, lúc nào cũng nhớ về thân, cảm giác khắp cơ thể sẽ giúp ta có được sự tỉnh giác và sáng suốt. Tâm trí sáng suốt không bị những ý nghĩ vẩn vơ che mờ, việc lái xe sẽ trở nên an toàn và phòng tránh được rủi ro.

Tinh thân tương thân tương ái

Đạo Phật là đạo từ bi và trí tuệ, được thể hiện qua hành động. Người có lòng từ bi thì không thể làm ngơ trước thống khổ nhân loại. Khi còn tại thế, Đức Phật đã dạy các vị Tỳ kheo hãy đi khắp nơi vì lòng từ bi đối với cuộc đời, vì lợi lạc và hạnh phúc của Trời và Người. Đạo Phật luôn đồng hành cùng Đảng, Nhà nước trong các hoạt động tương thân tương ái như: nuôi dạy trẻ mồ côi, khuyết tật, ủng hộ đồng bào vùng lũ, thăm nuôi mẹ Việt Nam Anh hùng, trao tặng nhà tình thương, phát thưởng chương trình khuyến khích học đường, tặng quà tết cho người nghèo, trao quà cho bệnh nhân mổ tim, chạy thận, làm đường, xây cầu, làm giếng nước sạch...

Phật giáo chủ trương đem tình yêu thương đến với mọi người. Sự rung động, lòng trắc ẩn, cao thượng hướng về nỗi đau của người khác sẽ định hướng cho con người trong lý trí, hành động, sẵn sàng quên mình vì mọi người, phát huy bản tính thiện, diệt trừ tham, sân, si, giúp cho con người vượt qua u mê, bế khổ, luân hồi đến với sự thanh tịnh trong sạch. Mỗi người phải biết chọn cho mình một cộng đồng để yêu thương, thay vì chỉ biết yêu thương bản thân, yêu thương gia đình mình. Trong cái thang của ta từ nhỏ nhất là bản thân cho tới lớn nhất là vũ trụ này, thì trong cấp độ từ nhỏ nhất cho đến lớn nhất, cái trung tâm nhất vừa đủ để ta cao thượng mà không quá xa rời là tình yêu đất nước. Do đó, một người có trí tuệ, khôn ngoan, có đạo đức thì phải lo vun đắp tình yêu tổ quốc trong tim mình, vì tình yêu đó vừa đủ cao thượng, vừa đủ thực tế, mà vừa đủ làm điểm quy đồng cho mọi tình yêu khác. Đó là lý do tại sao ta yêu đất nước này.

Ngày nay, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến vấn đề đạo đức học đường. Đóng góp nhu cầu đó, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức các khóa tu định kỳ cho học sinh để các em gieo trồng hạt giống yêu thương nhân ái, hiểu được cội nguồn nhân quả, giáo dục cho giới trẻ sống có lý tưởng, trau dồi đạo đức, thực hành nếp sống lành mạnh. Giảng dạy kỹ

năng sống, ý thức bảo vệ môi trường để các em biết yêu thương, sống có ích với cộng đồng xã hội. Nhân sinh quan Phật giáo đã hòa đồng với tập quán, tín ngưỡng truyền thống của người Việt Nam. Đạo đức xã hội coi trọng chữ tâm, coi đây là gốc để tạo nên một con người, là sức mạnh, động lực cho sự phát triển xã hội. Tư tưởng Phật giáo đã góp phần củng cố đạo đức xã hội, tôn vinh những giá trị văn hóa dân tộc, khơi dậy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, góp phần tạo nên nhân cách con người.

Sự hiếu thảo của con cái với cha mẹ

Phật giáo là một trong những tôn giáo luôn đề cao chữ Hiếu. Đức Phật và các vị Thánh Tăng A La Hán là những tấm gương hiếu hạnh bậc nhất cho mỗi người chúng ta noi theo. Song, thật đáng tiếc giá trị đạo đức, nhất là chữ Hiếu, ngày nay đang bị xói mòn bởi chủ nghĩa thực dụng. Thật đau lòng mỗi khi những hình ảnh cha mẹ bị con cái ngược đãi, nạn bạo hành gia đình, các chuẩn mực giá trị đạo đức tốt đẹp bị xâm phạm mà phương tiện truyền thông đại chúng đã loan tin trong thời gian qua. Hơn lúc nào hết, Phật giáo cần phát huy vai trò của mình, đưa những giá trị nhân văn tốt đẹp của Phật giáo về lòng hiếu kính cha mẹ lan rộng ra toàn xã hội, đặc biệt đến với giới trẻ. Đó là những lời dạy của Đức Phật về luật nhân quả: Quả báo xấu nặng nề về tội bất hiếu, quả báo lành cho những ai hiếu thảo. Khi con người tin hiểu nhân quả rồi thì mọi việc làm, lời nói, suy nghĩ đều đúng đắn, những người xung quanh cũng được thoải mái, an vui, lợi ích.

KẾT LUẬN

Đạo đức con người Việt Nam đổi mặt nhiều thời cơ và thách thức. Phật giáo đã thể hiện tinh thần nhập thế của mình qua các hoạt động thiện sự góp phần lành mạnh hóa suy nghĩ, lời nói, việc làm cho con người. Hiểu được những giá trị đạo đức mà Phật giáo mang lại cho dân tộc, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách tôn giáo phù hợp, chính sách phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn nhằm phát huy vai trò tích cực của đạo đức Phật giáo qua đó nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, tạo được sự tin nhiệm trong nhân dân, huy động sức mạnh toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống lại các thế lực thù địch lợi dụng Phật giáo để chống phá sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần xây dựng một xã hội tốt đời đẹp đạo, dân chủ, công bằng, văn minh.

Những chương trình

Phật Sự

Online

Thực hiện



BẢN TIN PHẬT SỰ 20H



BẢN TIN PHẬT SỰ TIẾNG ANH



HOÀNG PHÁP ONLINE



ĐỌC LẠI TẠP CHÍ
VĂN HÓA PHẬT GIÁO



AN CƯ LẠC NGHIỆP



HƯỚNG DẪN CẨM HOA



CHUYỆN CỬA THIỀN



ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM



NGUYỄN LÂM CON THẢO



PHẬT PHÁP HỎI ĐÁP



PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG



SỐNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA



CÂU CHUYỆN BÊN TÁCH TRÀ



ĐỒNG VỌNG PHÁP



NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



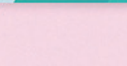
NGƯỜI CON PHẬT



LỜI CON DÂNG PHẬT
TRẮNG THÁNG TƯ



TÒA NGÁT HƯƠNG SEN



LỜI PHẬT DẠY

Liên hệ Live và đăng tin tức
Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÁNH - 0944 020802
Email: PSOMiennam@phatsuonline.com




Tìm về
VĂN HÓA
TÂM LINH

trong du lịch
ở vùng Bắc Trung bộ



Nguyễn Như Bình*

A dramatic sunset or sunrise over the ocean. The sky is filled with large, billowing clouds in shades of pink, orange, and blue. In the background, a large, dark silhouette of a mountain or island rises from the sea. The water in the foreground is calm, reflecting the colors of the sky. Several small boats are visible on the horizon line.

Du lịch tâm linh hoàn toàn khác với việc tham quan các địa danh và ngắm nhìn các chiều kích vật lý. Du lịch tâm linh có nghĩa là thăm viếng trái tim và tâm trí của những bậc hiền triết.

Tóm tắt: Hiện nay, ở Bắc Trung bộ nói riêng và ở Việt Nam nói chung, xu hướng du khách tìm về các điểm văn hóa tâm linh đang trở nên thịnh hành. Loại hình du lịch này bước đầu đã thể hiện những ưu điểm vượt trội và đạt được một số thành tựu nhất định, song vẫn còn những tồn tại cần khắc phục. Nhằm góp phần thúc đẩy hoạt động du lịch văn hóa tâm linh ở Bắc Trung bộ trong thời gian tới, đồng thời nâng cao đời sống tinh thần người dân thông qua các cuộc tham quan, hành hương, bài viết này chủ yếu đi vào tìm hiểu thực trạng và đưa ra một vài giải pháp nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị tâm linh thông qua du lịch.

MỞ ĐẦU

Khi xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu vật chất của con người ngày càng được đáp ứng dễ dàng. Tuy nhiên, như vòng quay luân hồi, đến một giới hạn nào đó, con người lại quay về với những giá trị tâm linh như một cách thể hiện, khám phá bản thân, vũ trụ và tìm kiếm giá trị sống đích thực cho chính mình giữa nhịp sống bận rộn, lo toan... Trong hoạt động du lịch, du khách bắt đầu tìm đến các địa điểm văn hóa tâm linh để chiêm ngưỡng và bày tỏ lòng thành.

Ở châu Á, đặc biệt là những quốc gia theo Phật giáo như: Nhật Bản, Trung Quốc, Thái Lan..., du lịch tâm linh đã hình thành và phát triển mạnh mẽ từ lâu. Tại Việt Nam, hơn một thập kỷ nay, du lịch tâm linh cũng trở thành một ngành kinh tế phát triển mạnh, bên cạnh các cơ sở thờ tự, hệ thống lễ hội là một thành tố quan trọng trong kho tàng di sản văn hóa Bắc Trung bộ, có vai trò to lớn, không thể tách rời trong đời sống cộng đồng dân tộc. Hiện nay, với sự đổi thay nhiều mặt của đất nước, lễ hội truyền thống Việt Nam đang có sự biến đổi cả về nội dung và hình thức biểu hiện. Việc khai thác và mở rộng các nội dung, thành tố của lễ hội địa phương phục vụ kinh doanh du lịch là vấn đề mới, hứa hẹn tiềm năng to lớn. Trước tình hình đó, nhằm đa dạng hóa và bắt nhịp xu hướng chung của ngành du lịch, Bắc Trung bộ cũng bắt đầu chú ý đến du lịch tâm linh. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, loại hình du lịch tâm linh này vẫn chưa thực sự khai thác hết tiềm năng và thế mạnh vốn có. Do đó, việc trước mắt phải tìm hiểu và hoạch định hướng đi riêng, giúp loại hình du lịch này thực sự trở thành nhu cầu thiết thực, đáp ứng nhu cầu của người dân.

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

Du lịch tâm linh

Thuật ngữ “du lịch tâm linh” tuy mới xuất hiện nhưng thực tế đã diễn ra trên cả nước từ hàng trăm năm nay, thông qua các lễ hội truyền thống như: lễ hội Đền Hùng, hội Thánh Gióng, lễ Nghinh Ông, lễ hội Vía Bà... Trước khi thuật ngữ “du lịch tâm linh” được báo chí sử dụng, một thuật ngữ khác là “hành hương” đã có từ lâu nhưng thiết nghĩ, đây là hai khái niệm khác nhau mặc dù tương đồng ở một số khía cạnh nội hàm.

Theo GS. TS A.P.J Abdul Kalam (cựu Tổng thống Ấn Độ): *Du lịch tâm linh hoàn toàn khác với việc tham quan các địa danh và ngắm nhìn các chiều kích vật lý. Du lịch tâm linh có nghĩa là thăm viếng trái tim và tâm trí của những bậc hiền triết* [7]. Còn theo cách định nghĩa của tác giả Thích Đạt Đạo: *Du lịch tâm linh là tìm hiểu văn hoá, giá trị truyền thống bằng cách thăm viếng từ tâm trí, trái tim, nuôi dưỡng và mở rộng sự hiểu biết hướng về cái thiện, hoà hợp với thiên nhiên, đồng loại, chúng sinh; nâng cao được giá trị tâm hồn, hiểu rõ hơn về tâm linh, đặc biệt đối với Phật giáo là hiểu hơn về chân lý giải thoát, giá trị chân thực của cuộc sống hiện tại* [13].

Ở góc độ khác, tác giả Đinh Đức Hiền cho rằng: *Du lịch tâm linh là loại hình du lịch văn hóa, lấy yếu tố văn hóa tâm linh làm mục tiêu để thỏa mãn nhu cầu con người trong đời sống tinh thần. Loại hình du lịch này chủ yếu khai thác những yếu tố văn hóa tâm linh trong quá trình diễn ra các hoạt động du lịch, dựa vào những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với lịch sử hình thành nhận thức con người về thế giới, những giá trị về đức tin trong tín ngưỡng, tôn giáo; từ đó mang lại những cảm xúc và trải nghiệm thiêng liêng về tinh thần của con người trong khi đi du lịch* [6].

Còn Nguyễn Văn Tuấn lại nhận định: *Du lịch tâm linh trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng có những quan niệm khác nhau và đến nay vẫn chưa có một khái niệm chung nhất. Tuy nhiên, xét về nội dung và tính chất hoạt động, du lịch tâm linh thực chất là loại hình du lịch văn hóa, lấy yếu tố văn hóa tâm linh vừa làm cơ sở vừa làm mục tiêu thỏa mãn nhu cầu tâm linh của con người trong đời sống tinh thần. Theo cách nhìn nhận đó, du lịch tâm linh khai thác những yếu tố văn hóa tâm linh trong quá trình diễn ra các hoạt động du lịch, dựa vào những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với lịch sử hình thành nhận thức của con người về thế giới, những giá trị về đức tin, tôn giáo, tín ngưỡng và những giá trị tinh thần đặc biệt khác. Theo đó, du lịch tâm linh mang lại những cảm xúc và trải nghiệm thiêng liêng về tinh thần của con người trong khi đi du lịch* [12].

Với cách hiểu như vậy, có thể nhận diện những dòng người đi du lịch đến các điểm văn hóa tâm linh gắn với không gian văn hóa, cảnh quan các điểm du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, trong đó nhu cầu tâm



Có nhiều hình thức du lịch tâm linh nhưng tựu trung lại có hai loại hình cơ bản là *du lịch thông thường kết hợp tham quan chùa* và *du lịch hành hương*. Du lịch tâm linh bao hàm cả hành trình tìm kiếm các giá trị văn hóa truyền thống lẫn tìm lại chính mình. Khai dậy đời sống giác ngộ của khách du lịch ở những địa danh tâm linh chính là mục tiêu của các tour du lịch tâm linh. (Ảnh cầu Giải oan - điểm bắt đầu của cuộc hành trình leo Yên Tử - suu tâm).

linh được xem là cốt yếu. Khách du lịch tâm linh ở Việt Nam thường tụ hội về các đền, chùa, lăng tẩm, khu tưởng niệm, những vùng đất linh thiêng gắn với phong cảnh đặc sắc và văn hóa truyền thống để tham quan, tìm hiểu văn hóa lịch sử, triết giáo, cầu nguyện, chiêm bái, tri ân, thiền,... Thông qua đó, hoạt động du lịch mang lại những cảm nhận, giá trị trải nghiệm và giải thoát trong tâm hồn, cân bằng, củng cố đức tin, hướng tới những giá trị chân, thiện, mỹ và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

Như vậy, du lịch văn hóa tâm linh là một phạm trù rộng, thường gắn với lịch sử dân tộc, đức tin và hướng thiện, loại bỏ yếu tố mê tín dị đoan. Có nhiều hình thức du lịch tâm linh nhưng tựu trung lại có hai loại hình cơ bản là *du lịch thông thường kết hợp tham quan chùa* và *du lịch hành hương*. Du lịch tâm linh bao hàm cả hành trình tìm kiếm các giá trị văn hóa truyền thống lẫn tìm lại chính mình. Khai dậy đời sống giác ngộ của khách du lịch ở những địa danh tâm linh chính là mục tiêu của các tour du lịch tâm linh. Có thể nói, du lịch tâm linh là một loại hình du

lịch đặc thù, đưa con người đi vào thế giới tâm hồn, cảm nhận trọn vẹn tính nhân văn, nhân đạo sâu sắc, nét văn hóa truyền thống độc đáo của dân tộc. Vì thế, du lịch tâm linh đang ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Đặc điểm vùng Bắc Trung bộ

Bắc Trung bộ có địa bàn từ phía Nam dãy Tam Điệp tới phía Bắc đèo Hải Vân, gồm 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế. Nằm trên trục giao thông Bắc-Nam về đường sắt, đường bộ, đây là trung tâm du lịch quan trọng với 3 di sản thế giới: Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, quần thể di tích Cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình Huế; là vùng đất sản sinh ra nhiều danh nhân văn hóa - chính trị Việt Nam như: Hồ Chí Minh, Nguyễn Du, Võ Nguyên Giáp, Lê Duẩn... Ngoài ra, Bắc Trung bộ còn có nhiều bãi biển đẹp như: Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Nhật Lệ, Lăng Cô...; các vườn quốc gia Bến En, Pù Mát, Vũ Quang, Bạch Mã.

Bắc Trung bộ Việt Nam có vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong việc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt

Nam. Từ xa xưa, đây đã từng là chốn “biên thùy”, là nơi xuất phát của nhiều cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giữ nước của dân tộc Việt Nam. Hiện nay, Bắc Trung bộ là nơi cư trú của 25 dân tộc khác nhau như: Thái, Mường, Tày, Mông, Vân Kiều... Lịch sử cho thấy cư dân nơi đây có nguồn gốc chủ yếu là người Thanh - Nghệ - Tĩnh thiên di vào Bình - Trị - Thiên từ thời Lý - Trần - Hậu Lê.

Thể mạo của du lịch văn hóa tâm linh ở Bắc Trung bộ

Các địa điểm du lịch văn hóa tâm linh tại đây phần nhiều tọa lạc trong một quần thể khá rộng lớn có núi rừng, biển, sông ... Chẳng hạn như chùa Thiên Mục (Huế) với quần thể chùa miếu trên đồi Hà Khê, nằm cạnh sông Hương hiền hòa tạo cho khách bộ hành cảm giác như hòa mình vào không gian hùng vĩ, thơ mộng, trữ tình. Hay như đền thờ Lê Khôi - Chiêu Trưng Đại vương tọa lạc ở xã Thạch Bàn (huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh) với một bên là núi cao, rừng rậm và một bên quay mặt về vùng biển. Theo thể núi, không gian kiến trúc của ngôi đền cao dần dần khách thập phương đến với sự chiêm nghiệm về công lao và sự thiêng liêng của Đại vương Chiêu Trưng. Ngọn Long Ngâm có dáng đầu rồng cúi xuống uống nước biển Đông, dòng Hoàng Hà (sông Sốt) chảy mãi cho thế gian giao hòa với biển cả. Ở chốn phong ba hùng vĩ ấy, đền Chiêu Trưng Đại vương trầm mặc, thấp thoáng trong rừng xanh để quanh năm ngấm non trông bề, lắng nghe âm thanh của tạo hóa, hòa âm của sóng biển với gió rừng. Hoặc ở Quảng Bình có chùa Non trên núi Thần Đinh, nhìn về phía Đông là một vùng đồng bằng rộng lớn của huyện Quảng Ninh, có dòng Đại Giang chảy qua rất hữu tình. Chùa Thuyền Tôn (Huế) được kiến tạo trên một ngọn đồi cao, hướng về phía Tây Bắc, nhìn xuống phía dưới là vùng gò đất bằng phẳng, có nhiều khe suối ngang dọc chảy qua, bên phải là phía triền thấp của núi Thiên Thai, phía trái của ngôi chùa là những dãy đồi chập chùng, nối kế đuôi nhau, sau lưng là phía đầu của ngọn núi, quanh năm mây trắng lừng lờ, nhiều hàng thông bát ngát nối nhau tưởng như bất tận, một cảnh trí hùng vĩ trang nghiêm và siêu thoát trong toàn bộ cảnh quan của vùng ...

Các di tích tâm linh thường có nhiều cảnh đẹp và tuổi đời nhiều thế kỷ như ở Thanh Hóa có đền Bà Triệu tương truyền được xây dựng từ thế kỷ thứ III để tưởng niệm công lao của Bà Triệu, chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh được xây dựng năm 1115, chùa Tăng Phúc

xây dựng đời Trần Anh Tông, đền Đót Tiên (1755). Ở Hà Tĩnh có đền Chiêu Trưng Đại vương xây dựng năm 1477 hay chùa Am là công trình kiến trúc độc đáo do Bạch Ngọc Hoàng hậu, vợ vua Trần Duệ Tông xây dựng cách nay hơn 600 năm, chùa Chân Tiên được xây dựng vào thời nhà Trần (thế kỷ XIII), đình Hoa Vân Hải (1639), đình Hội Thống (1659), chùa Hương Tích (thế kỷ XIII - XIV). Ở Nghệ An có di tích đền Voi xây từ thời Hậu Lê là nơi tôn thờ, tưởng niệm các vị thần bản thổ, các bậc tiền nhân đã có công giúp dân, giúp nước như cụ Phan Văn Bài, Hồ Cảnh Xí và Nguyễn Văn Thời; đền Thái Yên (năm 1679); chùa Càn Linh (thế kỷ IX), đền Sùng (1583), đền Vu (1700). Ở Quảng Trị có chùa Sắc Tứ Tịnh Quang xây dựng vào năm 1739 đời vua Lê Ý Tông (năm thứ hai đời chúa Nguyễn Phúc Khoát); chùa Kim Sơn (năm 1583). Hay như ở Huế có khu Văn Miếu xây dựng vào năm 1803 dưới thời vua Gia Long, chùa Ba La Mật (năm 1886), chùa Báo Quốc (năm 1674), chùa Giác Lương (thời Lê Trung Hưng), chùa Hà Trung (giữa sau thế kỷ XVII), chùa Kim Tiên (cuối thế kỷ XVII), chùa Linh Quang (thời vua Thành Thái), chùa Thiên Hưng (1825), chùa Thiên Mục (1601), chùa Tường Vân (1850), chùa Từ Đàm (1695), chùa Từ Hiếu (1848), chùa Vạn Phước (1847), chùa Viên Thông (1697), di tích Am Bà (thế kỷ XV), đình Dạ Lệ Thượng (1718)...

Quá trình hình thành và phát triển các di tích thường gắn với nhiều truyền thuyết độc đáo, kỳ bí lưu truyền trong dân gian, đến nay vẫn tồn tại như một lực hút mời gọi khách tham quan về chiêm ngưỡng, nhằm thỏa mãn óc khám phá. Ví như chùa Non trên núi Thần Đinh ở Quảng Bình không chỉ là phong cảnh núi non hữu tình mà đây còn là nơi lưu truyền câu chuyện thực hư “Đầu Mâu đa tiên, thần Đinh đa Phật”. Hay chùa Chân Tiên (Hà Tĩnh) với những truyền thuyết: Cây đa nơi Thái thượng lão quân nghỉ mát, đầu chân Tiên, chùa Vồn Sơn thờ Phật Tổ, bàn cờ Tiên, nền Sơn Tinh, nền Hoàng Thạch, bầu Tiên... Chùa Sư Nữ (Nghệ An) với những bí ẩn đầm sen trắng, chùa Trà Am (Huế) với huyền tích “ông cụt, ông dài” giác ngộ kinh Phật. Đền Cuồng (Nghệ An) với mối tình (Mỹ Châu - Trọng Thủy) và sự kết thúc của một triều đại (An Dương Vương), cùng với những huyền thoại và tích hạc về cá voi chết cùng bóng dáng cổ nhân. Chùa Phủ Na (Thanh Hóa) với những bí ẩn về nguồn nước thánh ở khe suối linh thiêng. Chùa Hương Tích (Hà Tĩnh) với truyền thuyết cầu tự linh thiêng của chúa Trịnh xa xưa...



Đền Bà Triệu tương truyền được xây dựng từ thế kỷ thứ III để tưởng niệm công lao của Bà Triệu.
(Ảnh: internet).

Ngoài ra, khách du lịch đến các địa danh này còn tham quan, ngưỡng vọng về những bậc tiền hiền có công khai phá, bảo vệ và xây dựng vùng đất mới như: đền thờ Đặng Tất, Đặng Dung (còn gọi là đền hai Đại Vương), đền thờ Nguyễn Biểu, đền thờ Bùi Cầm Hổ, đền thờ Nguyễn Tuấn Thiện (gọi chung là đền Kim Quy (Kim Quy Linh từ, Kim Quy Sơn Thần chi mộ) hay đền cụ Quận - lăng cụ Quận), đền thờ Nguyễn Lỗi, đền thờ Nguyễn Văn Giai (là đền Đức Đại Vương hay đền ông Quận), đền thờ Ngô Đăng Minh (cũng gọi là đền Đức Hầu Thượng) ở đất Hà Tĩnh. Đất Thanh Hóa có đền Bà Triệu, đền Lê Hoàn, đền thờ Mai An Tiêm. Ở Nghệ An có đền vua Mai (Nam Định), đền Nguyễn Xí, đền Ông Hoàng Mười (Nam Đàn), đền thờ Hoàng đế Quang Trung. Lăng mộ và nhà bia tưởng niệm danh tướng Cầm Vương Mai Lượng ở Quảng Bình...

Kiến trúc các di tích du lịch cũng là một loại thể văn hóa thu hút khách tham quan, du lịch. Chùa Thánh Duyên (Huế) xây dựng theo phong cách kiến trúc thời Nguyễn, đặc trưng “trùng thiềm điệp ốc” với bố cục Chùa (Thánh Duyên) - Các (Đại Từ) - Tháp (Điều Ngự) thể hiện tư tưởng Tam giáo đồng nguyên trong kiến trúc Phật giáo. Chùa Linh Quang (Quảng Bình) quay mặt về phía Nam, hướng “Bát nhã”, “tả thanh long” là sông Nhật Lệ, “hữu bạch hổ” là đồi Diêm Điền, “tiền chu tước” là sông Lũy (rào Lệ Kỳ), “hậu huyền vũ” là động Bùi Dùi ở Đồng Thành. Đền Thái Yên ở Hà Tĩnh mang đậm kiến trúc đền đình truyền thống từ bố cục không gian đến bài trí nội thất, trong đó nét độc đáo và giá trị nhất của đền Thái Yên là nghệ thuật điêu khắc chạm trổ, các kết cấu nhà đền cùng với các sản phẩm chạm trổ như các phù điêu long kiệu, hương án lư hương hệ

thống bài vị long ngai, tượng phỗng cùng các đồ tế khí khác như long đao, chân đèn, kiếm, đại đao toát lên một phong cách thanh thoát, giản dị, mộc mạc, nhẹ nhàng có sức bao quát cao nhưng không cầu kỳ. Còn đền Công (Nghệ An) được kiến trúc theo kiểu chữ “Tam”, tam quan đồ sộ, cổ kính rêu phong. Cổng giữa có ba lầu, chằng chịt rễ cây si đeo bám khiến cho cảnh trí càng thêm u tịch. Tòa trung điện xây theo kiểu chồng diêm 8 mái, còn các tòa khác trong đền đều có kiến trúc 4 mái, đầu đao cong vút. Đền Độc Cước ở Thanh Hóa được xây dựng theo kiến trúc chữ Đinh (kiến trúc chuỗi vò) - là dạng kiến trúc đền chùa vào loại và hiếm ở Việt Nam...

Khi tham quan những di tích tâm linh, bên cạnh việc tìm về chốn thanh bình của cảnh chùa, gần gũi thiên nhiên, du khách còn được tham gia vào các lễ hội, ngày giỗ. Chính điều này là sợi chỉ đỏ gắn kết truyền thống với hiện tại, tác động sâu rộng và đồng thời là bài học lịch sử không lời về việc bảo tồn, phát huy tinh thần yêu nước của dân tộc. Ngoài ra, khi viếng thăm các địa điểm du lịch tâm linh này, khách du lịch còn được hòa mình vào các thắng cảnh du lịch thiên nhiên - văn hóa khác. Đồng thời, tham gia vào đời sống văn hóa của nhân dân trong vùng như: chợ, sinh hoạt lao động... Càng đi nhiều, du khách sẽ cảm nhận thêm về chiều sâu vũ trụ quan lẫn nhân sinh quan của cư dân vùng đất mới, đây không phải là sự pha tạp hay hỗn dung văn hóa một cách thiếu ý thức như nhiều người thường nghĩ. Một thể mạnh tạo động lực cho du lịch tâm linh là Phật giáo cũng như các tôn giáo khác đang được Đảng, Nhà nước tạo điều kiện phát triển, giúp các địa điểm du lịch thêm hấp dẫn và thu hút nhiều khách tham quan.



Chùa cổ Thánh Duyên (Huế) (Ảnh: sưu tầm).

Một số tồn tại cần khắc phục của du lịch văn hóa tâm linh ở Bắc Trung bộ

Về nhận thức, ý niệm du lịch tâm linh còn mới mẻ với ngành du lịch, dù thực tế nó đã có mặt từ lâu nên dẫn đến một số mặt hạn chế, như: Thiếu sự quy hoạch khung chương trình xây dựng tour, tuyến du lịch và địa điểm du lịch. Chưa khai thác tốt, triệt để cả về nội dung lẫn hình thức của loại hình du lịch này. Các tuyến, tour du lịch tâm linh chưa thực sự làm tốt ý nghĩa của mình là thực hiện tốt về nguồn với tâm linh mà còn đặt nặng nhiều về yếu tố kinh tế, vì thế mất đi bản sắc đặc trưng của bản thân loại hình du lịch mà mình chuyên tải. Đồng thời, các tuyến và tour du lịch tâm linh chưa thật sự phong phú và đa dạng, du khách ít được lựa chọn.

Phần lớn các chương trình du lịch tâm linh diễn ra một cách tự phát, manh mún, mạnh ai nấy làm. Khách đến chỉ được ngắm cảnh, thắp hương... nhưng rất ít được giao lưu với các Tăng Ni đức độ để trải lòng với chôn an nhiên, tìm về nơi thanh bình qua những câu kệ, lời kinh. Điểm hạn chế nữa là các cơ sở, địa điểm du lịch tâm linh đều na ná nhau về cảnh sắc, chưa có nét riêng độc đáo nhằm thu hút khách tham quan. Đội ngũ hướng dẫn viên phần nhiều còn thiếu kinh nghiệm trong việc chuyên tải kiến thức và ý nghĩa của từng di tích tâm linh, chưa có sự trải nghiệm thấu đáo các vấn đề nhân sinh

quan cũng như vũ trụ quan. Việc mê tín dị đoan gây ảnh hưởng không tốt, tệ nạn chèo kéo khách và mất vệ sinh tại địa điểm du lịch tạo ấn tượng xấu.

Một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị tâm linh ở Bắc Trung bộ phục vụ phát triển du lịch trong tình hình hiện nay

Liên kết phát triển không gian văn hóa tâm linh vùng

Phát huy tính liên kết vùng Bắc Trung bộ thành 2 cụm: Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh và Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế, qua đó đẩy mạnh liên kết trong tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây. Duy trì và phát triển các tuyến du lịch “Con đường Di sản miền Trung”, “Hoài niệm về chiến trường xưa”, “Đường Hồ Chí Minh huyền thoại”... đồng thời đầu tư xây dựng thêm một số tuyến du lịch như viếng mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Hang Tám Cô và đường 20 Quyết Thắng - bến phà Long Đại - nghĩa trang Trường Sơn - cầu Hiền Lương - Địa đạo Vĩnh Mốc - thành cổ Quảng Trị - quần thể lăng tẩm Huế... Khai thác du lịch từ đường bộ cho khách Thái Lan, Lào, Việt Nam và khách các nước khác đi qua cửa khẩu quốc tế Hồng Vân, Cha Lo, Lao Bảo, La Lay; xây dựng sản phẩm du lịch chung cho khách du lịch quốc tế qua đường bay Đồng Hới - Chiang Mai, đường Hồ Chí Minh phía Tây mỗi tỉnh...

Đổi mới và tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch tâm linh

Cần thay đổi nhận thức, quan niệm về du lịch tâm linh, không xem các chuyến hành hương từ xưa đến nay là mê tín dị đoan, đồng thời cần có ban ngành riêng chuyên quản lý hệ thống các di tích, thắng tích và các lễ hội trên hai phương diện kinh tế và du lịch. Trong công tác quản lý, cần tổ chức cuộc khảo sát toàn diện về thực trạng các cơ sở du lịch tâm linh để có cái nhìn tổng quát. Phát huy vai trò của các tổ chức kinh tế, xã hội... trong việc bảo tồn và khai thác các giá trị văn hóa tâm linh, thu hút nguồn vốn, nguồn nhân lực... Liên kết, tổ chức hài hòa giữa du lịch chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp, giữa cơ sở văn hóa tâm linh với các công ty du lịch giúp du lịch tâm linh thêm chuyên nghiệp, bài bản. Mỗi địa phương cần xác định thế mạnh của mình để có hướng đi phù hợp; các di tích phải đảm bảo những giá trị phong phú, đặc sắc cả về số lượng lẫn chất lượng, có sự kết hợp với các loại tài nguyên khác để phát triển thành các tuyến du lịch.

Việc tổ chức định kỳ phải đảm bảo đầy đủ các yếu tố cấu thành nên hoạt động văn hóa; triệt để không xảy ra các tình trạng chèo kéo khách du lịch, gây mất cảnh quan, thẩm mỹ tạo ấn tượng không tốt đối với khách tham quan. Mở các lớp diễn giải giáo dục ý thức cộng đồng cư dân địa phương và du khách nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức được tầm quan trọng về các giá trị văn hóa, môi trường, qua đó tạo ý thức, nỗ lực tham gia vào công tác bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hóa. Nhìn chung, đổi mới và tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch tâm linh chủ yếu phát huy ở ba mặt: Định hướng - Khuyến khích - Hỗ trợ.

Thực hiện công tác quy hoạch và đa dạng hóa các sản phẩm du lịch tâm linh

Công tác quy hoạch, phát triển du lịch tâm linh chủ yếu để đa dạng hóa lịch trình, tạo ra những tour, tuyến, điểm du lịch hấp dẫn có sức cạnh tranh cao; việc thực hiện công tác quy hoạch phải gắn với việc quy hoạch giao thông, quy hoạch cơ sở hạ tầng, nhất là thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường... ở từng địa phương. Các quy hoạch này phải đồng bộ, phối hợp nhịp nhàng và lâu dài, tránh trường hợp dục tốc bất đạt, cái quy hoạch trước, cái quy hoạch sau nhìn nham nhở, rối ren. Khi quy hoạch phải đảm bảo quy mô, mức độ phát triển du lịch không vượt quá ngưỡng làm thay đổi truyền thống và suy giảm các giá trị văn hóa. Cần có những bằng giới thiệu ngắn gọn về lịch sử hình thành và phát triển, những lời Phật dạy, những kiến thức sơ đẳng về Phật học... để người du lịch tự tìm đọc và ngắm nghĩ.

Xây dựng đội ngũ nhân lực

Đội ngũ quản lý phải là những người nắm vững những tri thức mới, kiến thức nghề nghiệp, có tầm nhìn sâu sắc về giá trị văn hóa đặc trưng của các di tích. Đội ngũ hướng dẫn viên cần có trình độ ngoại ngữ và khả năng giao tiếp tốt, hiểu biết sâu sắc về văn hóa Việt Nam và văn hóa tôn giáo; cần chú trọng vào đội ngũ các con em bản địa bởi họ xuất thân từ môi trường địa phương. Cần nhận thức rằng công tác đào tạo nhân lực để phục vụ du lịch không chỉ giao khoán cho các trường đào tạo ngành du lịch hay các công ty lữ hành mà phải do các cấp chính quyền phối hợp thực hiện.

THAY LỜI KẾT

Đánh giá đúng giá trị, nhìn ra được tiềm năng và biến tiềm năng thành hiện thực là những bước đi hết sức cơ bản để một sản phẩm văn hóa trở thành một sản phẩm du lịch. Hiện nay, ngày càng nhiều người đi tìm cho mình sự thanh thản tâm hồn giữa cuộc sống bộn bề căng thẳng và lo toan. Bắc Trung bộ hoàn toàn có thể phát triển thành một trung tâm du lịch văn hóa tâm linh lớn của khu vực miền Trung. Vì vậy, các di tích ở đây cần được bổ sung nhiều yếu tố từ con người đến cơ sở vật chất và cả cách thức vận hành quản lý phù hợp, linh hoạt... Khi tiến hành khai thác nguồn tài nguyên này chúng ta cũng cần lưu ý rằng tôn giáo là lĩnh vực đặc thù nên phải cẩn thận để giữ được sự hài hòa giữa du lịch và tôn giáo. Điều này không riêng gì với khu vực Bắc Trung bộ mà còn mở rộng ra các khu vực đã, đang và sẽ khai thác loại hình du lịch tâm linh.

Chú thích và tài liệu tham khảo:

- * Thạc sĩ Nguyễn Như Bình, Công tác tại Thông Tấn xã Việt Nam
- [1] Wikipedia (2022), *Bắc Trung bộ - Việt Nam*. Truy cập ngày 10/8/2022, <https://vi.wikipedia.org>.
 - [2] Bảo Khánh, Thanh Hải (2012), *Hấp dẫn du lịch văn hóa tâm linh*. Truy cập ngày 10/8/2022, <http://www.baobaogiang.com.vn>.
 - [3] Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch - UBND tỉnh Ninh Bình - Tổ chức Du lịch Thế giới (2013), *Kỷ yếu Hội nghị quốc tế Du lịch tâm linh và sự phát triển bền vững*.
 - [4] Dương Phạm (2010), *Du lịch tâm linh nhiều chuyện lạ*. Truy cập ngày 10/8/2022, <http://www.tamnhin.net>.
 - [5] Dương Văn Sáu (2006), *Khai thác lễ hội du lịch ở Việt Nam*. Truy cập ngày 10/8/2022, <http://vtr.org.vn/>.
 - [6] Đinh Đức Hiền, *Du lịch tâm linh chùa Linh Ứng Bãi Bụt, Đà Nẵng*, Tạp chí Văn hóa Phật giáo (số 362).
 - [7] Lê Quang Đức (2008), *Du lịch để tìm lại chính mình*. Truy cập ngày 10/8/2022, <https://baodanang.vn/>.
 - [8] Ngọc Hà (2019), *Du lịch tâm linh và những vấn đề cần quan tâm*, Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 7.
 - [9] Nguyễn Đình Quang (chủ biên) (2010), *Di tích và danh thắng Việt Nam 2010*, Nxb. Thông tấn.
 - [10] Nguyễn Hải Quang (2018), *Liên kết phát triển du lịch Quảng Bình - Quảng Trị - Thừa Thiên Huế sau một năm thực hiện*. Truy cập ngày 10/8/2022, <https://myquangtri.vn/>.
 - [11] Nguyễn Khoa Diệu Hà (2014), *Miền Trung và hành trình du lịch tâm linh*. Truy cập ngày 10/8/2022, <http://baothuathienhue.vn>.
 - [12] Nguyễn Văn Tuấn (2013), *Du lịch tâm linh ở Việt Nam - Thực trạng và định hướng phát triển*, Hội Nghị quốc tế về du lịch tâm linh vì sự phát triển bền vững, Ninh Bình.
 - [13] Thích Đạt Đạo (2010), *Hoàng pháp với vấn đề du lịch tâm linh*. Truy cập ngày 10/8/2022, <http://www.daitangkinhvietnam.org>.
 - [14] Thích Nhật Từ (2004), *Đạo Phật và du lịch tâm linh Án Độ*. Truy cập ngày 10/8/2022, <http://www.daophatgaynay.com>.
 - [15] Trần Quang Đại (2009), *Văn hóa tâm linh và những nghịch lý*. Truy cập ngày 10/8/2022, <http://www.dantri.com.vn>.



Sự đón nhận nồng nhiệt chương trình đào tạo của Tăng, Ni sinh không chỉ của các vùng đô thị còn cả các tỉnh miền núi Tây Bắc, Đông Bắc cách trở, các tỉnh miền Trung xa xôi đã nói lên tinh thần cầu học, khát vọng làm tốt hơn nữa công tác hoằng pháp...



Mấy suy nghĩ về hoằng pháp từ một chương trình đào tạo

Nguyễn Đức Can*

Có thể khẳng định, một trong những phương diện quan trọng của Phật pháp là công cuộc hoằng pháp. Điều cốt yếu này vẫn hằng tồn, phát triển cùng với dòng chảy Phật pháp. Hoạt động thường nhiên đó phải luôn được vun bồi thêm, thúc đẩy thêm mãi...

Việc triển khai “Đào tạo cao cấp Giảng sư khu vực phía Bắc” là sự cộng lực cho công cuộc hoằng pháp vô cùng ý nghĩa của Phật giáo nước nhà. Nói vậy bởi, đào tạo Giảng sư đã thành tựu được 10 khóa tại phía Nam. Quý Tăng, Ni sau khi tốt nghiệp đã có những đóng góp nhất định cho việc hoằng dương chánh pháp trên nhiều phương diện. Nhưng một thực tế hiển hiện là vô vàn khoảng trống, thiếu hụt do khoảng cách không gian và đặc thù văn hóa, phong tục... chưa được lấp đầy. Đối với lịch sử đào tạo hoằng pháp nước nhà, chương trình đào tạo Giảng sư phía Bắc “đi sau” nhưng lại có nhiều lợi thế và vi thế, chắc chắn sẽ tô đẹp thêm cho Phật giáo Việt Nam. Từ góc nhìn cá nhân và thực tế bản thân đã được may mắn tham gia góp ý cho chương trình đào tạo cũng như trực tiếp chia sẻ với quý giảng sinh hai môn học, tác giả vui mừng cho tương lai hoằng pháp khu vực phía Bắc nói riêng và cả nước nói chung.

Niềm vui, sự tin tưởng, hy vọng có được nhờ nhìn vào đường hướng vận hành, tổ chức, đào tạo. Chỉ nói riêng mảng đào tạo, chương trình đào tạo Giảng sư phía Bắc đã thâm thúy, tổng kết từ những kinh nghiệm, thành tựu đào tạo của khu vực phí Nam và từ các cơ sở đào tạo Tăng tài khác ở trong và ngoài nước. Những kinh nghiệm đào tạo nghiệp vụ Sư phạm chuyên biệt cho những người làm công tác giáo dục cũng được tìm hiểu, soi chiếu. Sự tổng hợp khá toàn vẹn, có chiều sâu từ nhiều phương diện cùng với sự chỉ dạy của các bậc Tôn túc, trí thức Phật giáo,... đã làm nên một chương trình đào tạo vừa đáp ứng nhu cầu hiện tại, vừa hướng về tương lai cho đối tượng đào tạo. Diễn tả một cách đơn giản, chương trình đào tạo gồm các mảng kiến thức nền tảng; kiến thức phương pháp luận chuyên biệt; kiến thức Sư phạm chuyên sâu; kỹ năng mềm về giao tiếp, tổ chức các sự kiện, hoạt động Phật giáo... Như thế, chương trình đào tạo Giảng sư phía Bắc tưởng như đang đi những bước ban đầu nhưng là bước đi của nội lực vững chãi, từ sự nâng đỡ của truyền thống và sự tương hỗ của bao duyên lành.

Niềm tin vui, hy vọng còn đến từ việc triển khai chương trình đào tạo. Khát vọng tha thiết và chương trình đào tạo có khả thủ đến mây mà không có sự đón nhận và thực thi tốt thì nó vẫn xa vời. Sự đón nhận nồng nhiệt chương trình đào tạo của Tăng, Ni sinh không chỉ của các vùng đô thị còn cả các tỉnh miền núi Tây Bắc, Đông Bắc cách trở, các tỉnh miền Trung xa xôi đã nói lên tinh thần cầu học, khát vọng làm tốt hơn nữa

công tác hoàng pháp của các đệ tử Phật và sứ mệnh đúng đắn của mô hình đào tạo. Để chương trình đào tạo có thành tựu, một điều quý giá là trao truyền của các bậc Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa khả kính. Từ sự ưu ái, quý mến chương trình đào tạo này, quý ngài với kiến thức uyên bác, kinh nghiệm hoàng pháp diệu dụng đã giúp Tăng, Ni giảng sinh tu rèn để vừa có được tri thức phong phú vừa dạt dào niềm khao khát dẫn thân của một nhà hoàng pháp tương lai.

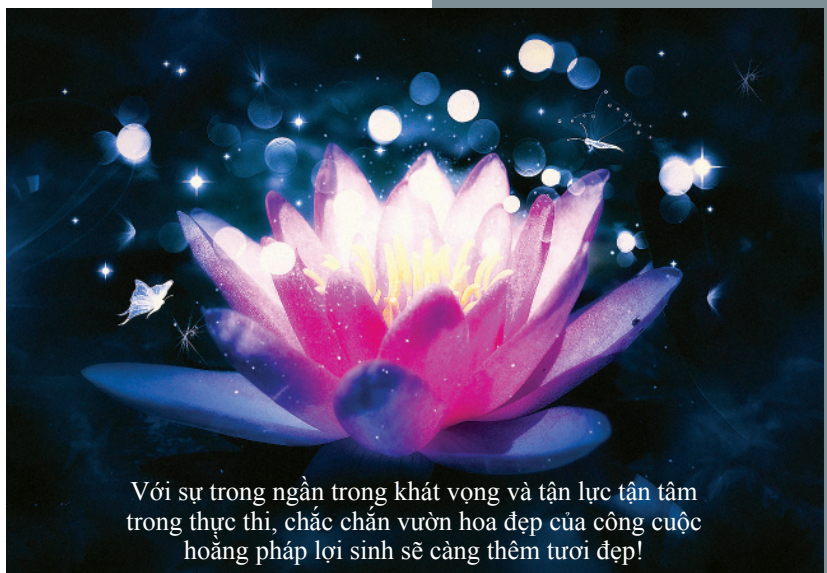
Niềm tin vui, hy vọng nữa là việc tạo sự gắn kết, tương trợ, cộng tâm, cộng trí bền chặt của Tăng, Ni giảng sinh trong toàn khóa học. Tư tưởng này không chỉ được triển khai và thực thi trong suốt quá trình đào tạo, trong công tác thực tập, thực hành mà còn được tiếp tục thiết thực và hiệu quả hơn sau khi các vị học viên tốt nghiệp trở về trụ xứ. Sự tương tác, hỗ trợ, kết nối giữa các nhóm trên cơ sở những hạt nhân tiêu biểu đã giúp nâng đỡ, thôi thúc tinh thần chủ động vươn lên, dẫn vượt qua những hạn chế ban đầu để cứ thế

mà tiếp tục tinh tiến lên mãi. Rồi việc tạo ra một không gian đặc dụng để các Tăng, Ni giảng sinh tiếp tục phát huy sở năng, sở kiến sau khi đã tốt nghiệp cũng là cách để tri thức Phật pháp mãi tỏa sáng và sự nỗ lực của người học mãi được tận hiến... Những dịp trọng đại trong đạo, các chương trình thuyết giảng và chia sẻ Phật pháp của “cựu người học” đã làm cho công cuộc hoàng pháp có một sinh khí và thành tựu mới mẻ, rất ý nghĩa. Trong những bước đi ấy, đôi khi vẫn còn chưa được thực sự ưng thuận, nhưng điều đáng quý là sự nỗ lực điều chỉnh, linh hoạt thực hiện để kết quả dần tốt đẹp thêm.

Đánh giá, tổng kết một việc lớn cần có thêm nhiều thời gian và thể nghiệm. Nhưng với sự trong ngần trong khát vọng và tận lực tận tâm trong thực thi, chắc chắn vườn hoa đẹp của công cuộc hoàng pháp lợi sinh sẽ càng thêm tươi đẹp!

Chú thích:

[*] Tiến sĩ Nguyễn Đức Can, Giảng viên Đại học Quốc gia Hà Nội.



Với sự trong ngần trong khát vọng và tận lực tận tâm trong thực thi, chắc chắn vườn hoa đẹp của công cuộc hoàng pháp lợi sinh sẽ càng thêm tươi đẹp!



T A L À A I ...

Khánh Hạ

Ta là ai giữa cõi trần
Có phải chãng bọt bóng dễ tan của hạt mưa trút đổ
Hay vị mặn của biển ngọc hóa thân
Ta là ai mà thân mình trịch đầy nông nổi
Những nảo phiền trút mãi chẳng vơi
Và chiếc túi A-lại-da đó
Đã bước vào mỗi kẻ trần gian
Chôn ta-bà ngã bóng nhòa
Ta là ai sao mãi vương mang
Đến ... và ... đi ...
Chỉ mỗi nghiệp trần
Con đường đời có khi đã sẵn
Tấm lưới vô hình quàng mắc trên thân
Người chẳng chịu biết
Đôi khi lại muốn quên... tự mình đánh tráo
Ta là ai sao mãi dậm trường
Sao không bỏ lại cuối ngõ đường
Chiếc gánh vô minh bao đời nặng bước
Để lòng thoi thảng lạc an
Thả trôi theo dòng một chiếc bè qua bến...



K H I T A
G I E O M ù A

Lê Đức Đồng

Khi gieo mùa hạ vào tay
Tiếng ve sôi, bật hành cây phượng hồng.
Bón bề nắng hạ mênh mông
Bóng cây râm mát, người trồng nơi đâu?

Gieo mùa xuân chôn đồng sâu
Biếc xanh ngọn lúa, trắng phau cánh cò.
Đồng quê còn vọng câu hò
Lặng thầm đứng đợi con dò chờ mong...

Gieo mùa thu ở bên sông
Vội vàng lá rụng theo dòng tìm nhau.
Vàng thu mới thật nhiệm màu
Gió vương mây trắng đình đầu, nào hay...

Gieo mùa đông ở đôi tai
Vọng về tiếng gọi những ngày nắng mưa.
Gieo niềm tin giữa câu thơ
Ung dung, tự tại; suốt mùa bình yên.

Gieo yêu thương, mãi gặp hiền
Lắng sâu tâm vững chí bền sắt son...



VÔ ĐỀ

Đào Thu Phương

Vườn chiều mây trắng sáng ngàn
Đường tròn muôn thuở mọi lần vẫn đi.

Chuyện đời ta bớt sân si
Thành tâm tĩnh lại buồn gì được đâu.

Lòng người trông tựa biển sâu
Bình yên lan tỏa từ lâu... luôn là.

Cùng chung một cõi Ta bà
Trăm nghe tiếng sóng cũng là trong tâm.

Hương sen an ủi... lỗi lầm
Tìm về một chốn dừng chân cửa Thiền.

EM VỀ

Nhã Minh

Cuộc đời sinh tử vô thường
Hoa sen một đóa còn vương giác nồng
Trần gian là chốn mênh mông
Bước chân bình đạm lòng không u buồn.

Em về buổi ấy nắng buông
Đôi con mắt khép khu vườn mây tan
Nhẹ nhàng mơ cõi niết bàn
Nhân sinh không uổng khói đan ráng chiều.

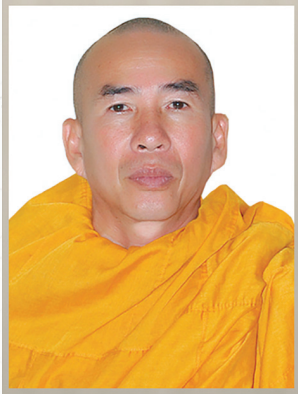
Em về bao nỗi thương yêu
Hoá thành nước mắt quanh hiu tim người
Cánh hồng thỉnh lặng khê rơi
Chào em một tiếng chơi vui nắng vàng.

Dòng sông sinh tử mơ màng
Em về bên ấy dở dang bên này
Ngỡ ngàng hoa bắp khẽ lay
Rưng rưng...buông bỏ...bàn tay...em về.



Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thắp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: chuathanhluong1@yahoo.com.vn






PHẬT GIÁO
VĂN HÓA
& ĐỜI SỐNG



ẢNH HƯỞNG của PHẬT GIÁO

trong truyện thơ Lục Vân Tiên
nhìn từ phương diện thể loại và
ngôn ngữ

Phạm Tuấn Vũ*

A detailed bronze statue of the Buddhist deity Quan Âm (Avalokitesvara) is the central focus. She is depicted in a standing posture, wearing flowing robes and holding a lotus flower in her right hand. The statue is mounted on a dragon, which is intricately carved with scales and a fierce expression. The entire scene is set against a background of lush green lotus leaves and a prominent lotus bud on the left. The lighting is bright, highlighting the metallic texture of the statue.

Hình tượng Quan Âm được xây dựng tương đối kỹ lưỡng, trở thành nhân vật để lại nhiều dấu ấn là một minh chứng cho sự ảnh hưởng của Phật giáo đối với truyền Lục Vân Tiên.

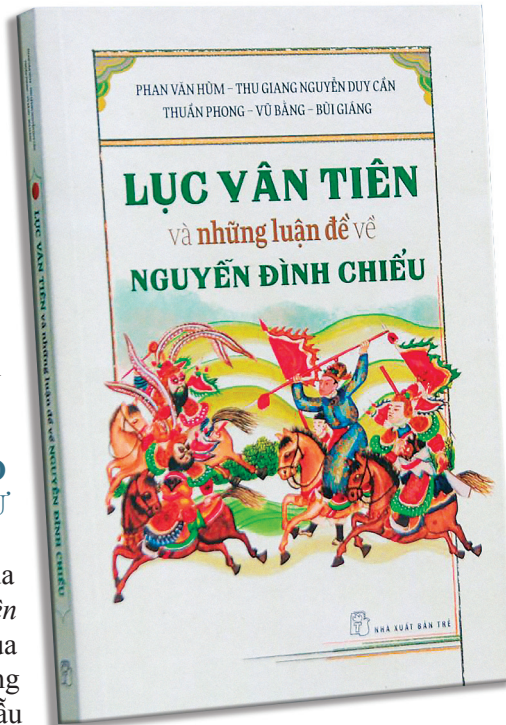
ĐẶT VẤN ĐỀ

Cụ Đồ Chiêu chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Phật giáo trong các sáng tác của mình. Đặc biệt, truyện thơ Nôm *Lục Vân Tiên* là tác phẩm tiêu biểu cho sự ảnh hưởng này. Bài viết sẽ chỉ ra những dấu ấn của đạo Phật trong *Lục Vân Tiên* trên hai phương diện nổi bật là đặc trưng thể loại và ngôn ngữ, qua đó khẳng định vị trí của Phật giáo trong sự nghiệp trước thuật của danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu.

ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO TRONG LỤC VÂN TIÊN - NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN THỂ LOẠI

Trên phương diện thể loại, ảnh hưởng của Phật giáo trong truyện thơ *Lục Vân Tiên* thể hiện qua sự lựa chọn yếu tố kỳ ảo của tác giả và vai trò của yếu tố kỳ ảo trong tác phẩm. *Lục Vân Tiên* là tác phẩm mẫu mực của thể loại truyện thơ Nôm trong văn học trung đại Việt Nam. Do đó, tác phẩm này tuân theo và là điển hình của “*mô hình Gặp gỡ - Tai biến - Đoàn tụ quen thuộc mà ta thường thấy trong hầu hết các truyện Nôm*” [1]. Để đảm bảo mô hình này, tức phải đảm bảo cho màn đoàn viên với “*kết thúc có hậu*” diễn ra, các tác giả truyện Nôm phải sử dụng đến yếu tố kỳ ảo. Bởi, kỳ ảo không chỉ là “*một đặc trưng thi pháp không thể thiếu được*” của thể loại truyện Nôm mà còn là “*một biện pháp nghệ thuật quan trọng để thực hiện mô hình cấu trúc Gặp gỡ - Tai biến - Đoàn tụ*” [2]. Vậy, trong truyện *Lục Vân Tiên*, Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng những yếu tố thần kỳ nào?

Trong truyện Nôm, các nhân vật chính sẽ phải trải qua muôn vàn sóng gió mà hầu hết trong số đó nằm ngoài khả năng giải quyết của con người. Để giúp nhân vật vượt qua tai biến để đoàn viên, đồng thời thường thiện trừng ác, tác giả truyện Nôm bao giờ cũng tìm đến yếu tố kỳ ảo và sử dụng chúng với vai trò quyết định sự phát triển của cốt truyện, số phận nhân vật. Tín ngưỡng dân gian, đặc biệt là tín ngưỡng thờ hồ, văn hóa sông nước ở Nam bộ thể hiện rõ qua các yếu tố thần kỳ: Cọp cắn dây mở trời cho tiểu đồng, cọp đón đường đem mẹ con Võ Thê Loan vào hang Thương Tòng, giao long diu Vân Tiên giữa dòng vào bãi, sóng thần diu Nguyệt Nga



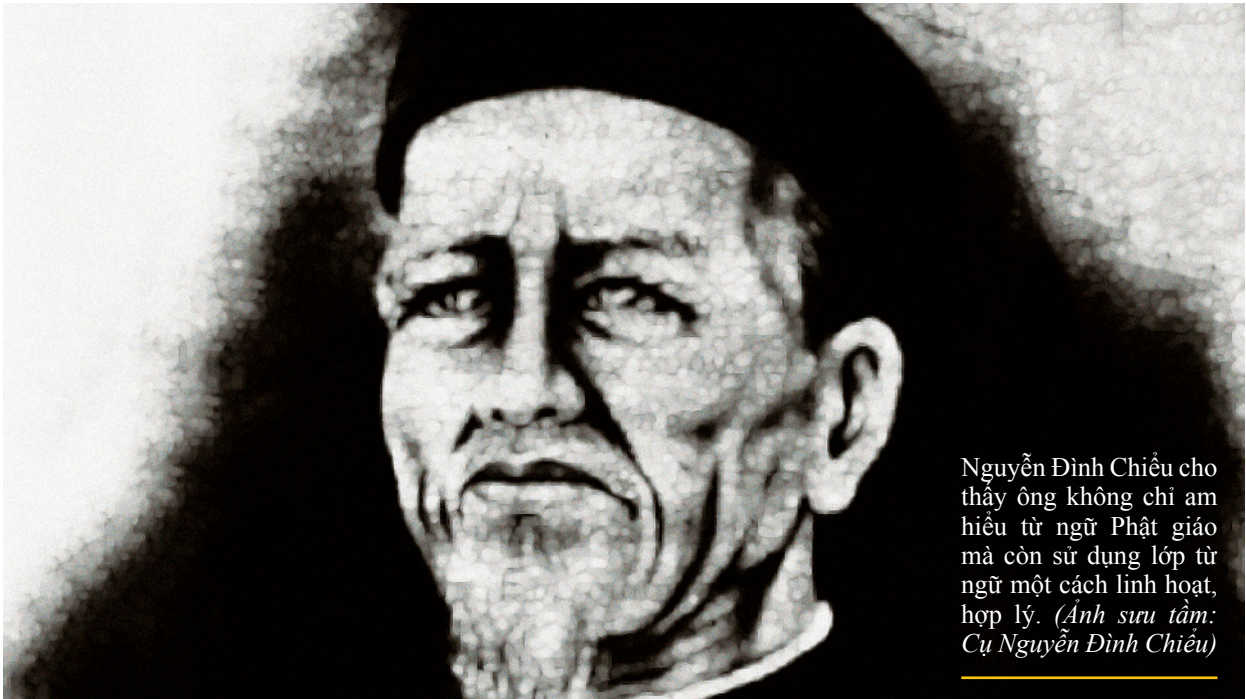
Trên phương diện ngôn ngữ, ảnh hưởng của Phật giáo đối với truyện *Lục Vân Tiên* thể hiện rõ qua ý thức sử dụng chủ động, hiệu quả lớp từ ngữ nhà Phật của tác giả Nguyễn Đình Chiểu.

vào bãi cát, sóng thần nhấn chìm thuyền của Trịnh Hâm.

Dấu ấn của Đạo giáo với các yếu tố thần tiên, bùa chú, pháp đàn, linh đan... thể hiện qua các yếu tố thần kì: Tôn sư cho Vân Tiên hai đạo bùa thần để phòng thân, ông quán cho Vân Tiên ba hườn thuốc tiên, tiên ông cho linh dược giúp Vân Tiên sáng mắt, Vân Tiên lấy máu chó bôi lên cờ hóa giải phép thuật của Cốt Đột.

Dấu ấn Phật giáo thể hiện qua các yếu tố thần kỳ: Quan Âm đưa Nguyệt Nga vào vườn hoa nhà Bùi công, Phật bà mách bảo lão bà tìm đón Nguyệt Nga đang trên đường trốn khỏi nhà Bùi Kiệm.

Hai nhân vật trung tâm của tác phẩm là Vân Tiên và Nguyệt Nga. Các yếu tố kỳ ảo cũng tập trung vào hai nhân vật này, trừ hai chi tiết trừng phạt cuối truyện dành cho Trịnh Hâm và mẹ con Thê Loan. Nếu như với Vân Tiên, yếu tố kỳ ảo đến từ tín ngưỡng dân gian và Đạo giáo thì với Nguyệt Nga, hầu hết đều đến từ Phật giáo. Hơn nữa, yếu tố kỳ ảo tham gia hộ trì cho nàng lại chính là Phật bà, tức Quán Thế Âm thị hiện trong thân dạng nữ giới. Việc lựa chọn yếu tố Phật bà, biểu tượng của sự cứu khổ cứu nạn phổ biến, quen thuộc trong tâm thức văn hóa người Việt cho thấy sự ảnh hưởng sâu sắc của truyền thống văn



Nguyễn Đình Chiểu cho thấy ông không chỉ am hiểu từ ngữ Phật giáo mà còn sử dụng lớp từ ngữ một cách linh hoạt, hợp lý. (Ảnh sưu tầm: Cựu Nguyễn Đình Chiểu)

hóa dân tộc, văn hóa Phật giáo đối với truyện thơ *Lục Vân Tiên*.

Một dấu hiệu khác cho thấy sự ảnh hưởng rõ nét của Phật giáo trong ý thức lựa chọn, sử dụng yếu tố kỳ ảo của Nguyễn Đình Chiểu là mức độ tập trung thể hiện đối tượng thần kỳ trong tác phẩm. Trong 12 lần xuất hiện [3], yếu tố kỳ ảo liên quan Phật giáo chỉ được dùng hai lần nhưng lại được miêu tả cụ thể hơn cả. Các yếu tố khác chỉ được nhắc đến như một biểu tượng hay một tín hiệu xuất hiện thoáng qua với chức năng thông báo đơn thuần:

- *Rày con xuống chốn phong trần,
Thầy cho hai đao phù thần đem theo;*
- *Quán rằng: Thương đáng anh hùng
Đưa ba hườn thuốc để phòng hộ thân;*
- *Vân Tiên mình lụy giữa dòng,
Giao long dầu đỡ vào trong bãi này;*
- *Sơn quân ghé lại một bên,
Cẩn dấy mở trời cổng lên ra đàng;*
- *Vân Tiên thướt ấy ở nơi chùa chiền.
Nửa đêm nằm thấy ông tiên
Đem cho chén thuốc, mắt liền sáng ra;*
- *Trịnh Hâm về tới Hàn Giang,
Sóng thần nổi dậy thuyền chàng chìm ngay; ...*

Trong khi đó, hình ảnh Phật bà được nhà thơ miêu tả đầy đủ hơn.

- Có tình cảm:

Quan Âm thương đáng thảo ngay.

- Có ngôn ngữ:

Dặn rằng:

Nàng hỡi Nguyệt Nga

Tìm nơi nương náu cho qua tháng ngày

Đôi ba năm nữa gần đây

Vợ chồng sao cũng sum vầy một nơi.

- Luôn dõi theo và có kế hoạch hộ trì Nguyệt Nga bằng cách mách bảo lão bà tìm đón nàng:

Khi khuya nằm thấy Phật Bà

Người đà mách bảo nên già tới đây.

- Thường trực trong suy nghĩ, tâm tư của người khác:

Đêm khuya chong ngọn đèn ngồi

Chẳng hay trong dạ bồi hồi việc chi

Quan Âm thuở trước nói chi

Éo le phỉnh thiếp lòng ghi nhớ hoài.

Có thể nói, hình tượng Quan Âm được xây dựng tương đối kỹ lưỡng, trở thành nhân vật để lại nhiều dấu ấn là một minh chứng cho sự ảnh hưởng của Phật giáo đối với truyện *Lục Vân Tiên*.

Như vậy, nếu ở phương diện tư tưởng, *Lục Vân Tiên* chịu ảnh hưởng sâu đậm từ Nho giáo thì ở góc độ thể loại, với khía cạnh sử dụng yếu tố kỳ ảo, truyện thơ của Nguyễn Đình Chiểu chịu ảnh hưởng từ nhiều nguồn tôn giáo, tín ngưỡng khác, trong đó, Phật giáo giữ một vai trò nổi bật.

Sự ảnh hưởng của Phật giáo đối văn chương Nguyễn Đình Chiểu nói chung, truyện Nôm Lục Vân Tiên nói riêng là điều không thể phủ nhận.

ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO TRONG LỤC VÂN TIÊN - NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NGÔN NGỮ

Trên phương diện ngôn ngữ, ảnh hưởng của Phật giáo đối với truyện *Lục Vân Tiên* thể hiện rõ qua ý thức sử dụng chủ động, hiệu quả lớp từ ngữ nhà Phật của tác giả Nguyễn Đình Chiểu. Trong *Lục Vân Tiên*, bên cạnh lớp từ ngữ Nho giáo hết sức phong phú (*trung hiếu, tiết hạnh, nhơn nghĩa, sân Trinh, cửa thánh, lập thân, chân dân, Tử Lộ, Nhan Uyên, kinh luân...*), từ ngữ có nguồn gốc Phật giáo cũng được tác giả thường xuyên sử dụng. Không những có số lượng tương đối lớn, lớp từ ngữ này còn khá đa dạng. Nhiều dạng từ ngữ nhà Phật được đưa vào tác phẩm cho thấy điều này. Chẳng hạn, lớp từ ngữ chỉ danh xưng của chư Phật: *Phật, ông Phật Tổ A Di, thập phương chư Phật, Quan Âm, Phật bà...*; lớp từ ngữ chỉ người tu hành: *vãi; lớp từ ngữ chỉ không gian thờ tự: chùa, am mây, am tự, chùa chiền; lớp từ ngữ chỉ hoạt động tu hành, giáo lý nhà Phật: quy y, nương náu từ bi, quả báo, báo ứng, duyên, nhơn duyên, làm chay, chay đàn...*

Lục Vân Tiên là câu chuyện của trung hiếu tiết nghĩa. Nhà thơ không có ý định minh họa triết lý nhà Phật. Trong tác phẩm, ông cũng chỉ nhắc đến chùa, Phật mà không dừng lại miêu tả cụ thể. Tác giả không hề cho biết ngôi am/chùa mà Hớn Minh cùng Vân Tiên từng ở trông như thế nào.

Ngay cả nhân vật Phật bà cũng chỉ thoáng hiện lên qua một vài hành động và lời nói. Do đó, khác với lớp từ ngữ Nho giáo phải huy động sử dụng như một yêu cầu bắt buộc, nhà thơ có thể không cần viện dẫn nhiều từ ngữ nhà Phật. Tuy nhiên, Nguyễn Đình Chiểu cho thấy ông không chỉ am hiểu từ ngữ Phật giáo mà còn sử dụng lớp từ ngữ một cách linh hoạt, hợp lý. Có thể thấy, điều này qua việc dùng trường từ ngữ nhà Phật một cách đa dạng, độc đáo để diễn đạt một nội dung cụ thể là việc ẩn thân chốn cửa thiền của Hớn Minh, Vân Tiên:

- *Hớn Minh trở lại am mây;*
- *Đã đành hai chữ quy y chùa này;*
- *Phải về nương náu từ bi ẩn mình;*
- *Vừa may mà gặp chùa này;*
- *Mai danh ẩn tích bấy chầy náu nương;*
- *Vân Tiên thuở ấy ở nơi chùa chiền;*
- *Vân Tiên khi ấy an lòng;*
- *Ở nơi am tự bạn cùng Hớn Minh;*
- *Tiên, Minh hai gã đều hoàn am mây.*

Trong *Lục Vân Tiên*, ngôn ngữ nhân vật là nơi thể hiện rõ nhất sự ảnh hưởng của Phật giáo đối với tác phẩm truyện thơ này. Thế giới nhân vật của *Lục Vân Tiên* rất phong phú, với nhiều hạng người từ *vua, quan, quân binh, nho sĩ, đạo sĩ, thầy giáo, thầy bói, thầy thuốc cho đến tiểu phu, ngư phủ, lão quán, tiểu đồng, tì nữ, thứ dân, giặc cỏ* và nhân vật siêu nhiên, như: *son quân, du thần, giao long,*

Quan Âm... nhưng tuyệt nhiên không có Phật tử hay người xuất gia tu hành. Tuy nhiên, các nhân vật vốn không có quan hệ gì với Phật giáo này lại sử dụng nhiều từ ngữ nhà Phật trong ngôn ngữ của mình. Có ba trường hợp tiêu biểu trong tác phẩm: hai trường hợp của Nho sĩ và một của Đạo sĩ.

Vị Đạo sĩ trong truyện chính là thầy pháp “ở *Trà Hương thôn*”. Đây là tên thầy pháp huỳnh hoang, lừa bịp. Trong lời thần chú, pháp ta dẫn ra đủ các vị tiên, thánh. Và ông ta cũng không quên dẫn luôn danh xưng chư Phật để gia tăng mức độ “*linh nghiệm*” của “*ba đạo phù trời*”, cũng như ngầm khẳng định pháp lực cao cường của mình:

Thỉnh ông Phật Tổ A Di

Thập phương chư Phật phù trì giúp công.

Nho sĩ đầu tiên chính là Từ Trực. Khi nhận định về tài năng thông lậu kinh sử của ông quán, thay vì viện dẫn các bậc thánh nhân của đạo Nho hay lời lẽ thánh hiền, chàng nho sĩ họ Vương lại dẫn lời liên quan đến đạo Phật. Trực rằng:

Chùa rách Phật vàng

Hay đầu trong quán ẩn tàng kinh luân.

Nho sĩ thứ hai là Bùi Kiệm. Sau khi từ kinh thành trở về, “*từ ngày thấy mặt Nguyệt Nga*”, chàng Nho sĩ có “*máu dê*” này không những có hành động bất chính “*đêm đêm trần trọc phòng hoa mấy lần*” mà còn không ngừng thuyết phục Nguyệt Nga bằng những lời lẽ thô bỉ. Trước khi dẫn một loạt điển tích người xưa (*Hồ Dương, Hạ Cơ, Lữ Hậu, Võ Hậu*) cho chiến lược giao tiếp của mình, họ Bùi lại dám sử dụng hình ảnh sãi, chùa để ví von cho mục đích tì tiện của y:

Hay chi như vãi ở chùa

Một căn cửa khép, bốn mùa lạnh tanh.

Đặc biệt, còn có một Nho sĩ thứ ba nữa. Đó chính là nhân vật người kể chuyện trong tác phẩm, cụ đồ Nho Nguyễn Đình Chiểu. Được xem là người “*bài Thích*” nhưng trong ngôn ngữ trần thuật của ông, từ ngữ nhà Phật xuất hiện thường xuyên. Không ít lần nhà thơ sử dụng từ ngữ Phật giáo để kể chuyện hay triết lý về cuộc đời.

Chẳng hạn:

Trời kia quả báo mấy hồi;

Người ngay Trời Phật động lòng;

Người ngay Trời Phật cũng vung [4]...

Dù mục đích giao tiếp khác nhau nhưng việc một Nho sĩ hay Đạo sĩ mượn ngôn ngữ nhà Phật cho chiến lược giao tiếp của mình là một hiện tượng thú vị, nói lên nhiều điều. Như vậy, có thể nói, cả trong ngôn ngữ trần thuật lẫn ngôn ngữ nhân vật của truyện *Lục Vân Tiên*, sự ảnh hưởng trên phương diện ngôn ngữ của Phật giáo đều để lại nhiều dấu ấn rõ nét.

KẾT LUẬN

Dù ở góc độ nào, sự ảnh hưởng của Phật giáo đối với văn chương Nguyễn Đình Chiểu nói chung, truyện Nôm *Lục Vân Tiên* nói riêng là điều không thể phủ nhận. Không chỉ thể hiện các tư tưởng chủ đạo của Nho gia, câu chuyện của Vân Tiên, Nguyệt Nga và các nhân vật khác trong tác phẩm còn là sự cụ thể hóa cho triết lý nhân quả, nghiệp báo của nhà Phật như nhiều lần nhà thơ khẳng định trong tác phẩm. Trên phương diện thể loại và ngôn ngữ, Phật giáo để lại nhiều dấu ấn sâu đậm. Sự thể hiện của cảm quan Phật giáo mang đến cho tác phẩm nhiều giá trị. Nghiên cứu thơ văn Đồ Chiểu trong đó có *Lục Vân Tiên* dưới góc độ văn hóa, tôn giáo không thể không chú ý đến điều này.

Chú thích:

* Thạc sĩ Phạm Tuấn Vũ, TP. Quảng Ngãi.

[1] Kiều Thu Hoạch (2007), *Truyện Nôm lịch sử phát triển và thi pháp thể loại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.167.

[2] Kiều Thu Hoạch, *Sđđ*, tr.173.

[3] Theo thống kê của Kiều Thu Hoạch, *Sđđ*, tr.172-173.

[4] *Vung*: biến âm của “vâng”, ý nói đồng tình hộ trì cho.

Tài liệu tham khảo:

[1] Võ Phúc Châu (2001), “*Truyện thơ Lục Vân Tiên - sự tiếp biến ba tư tưởng Nho, Phật, Đạo*”, nguồn: <http://www.vanchuongviet.org>.

[2] Kiều Thu Hoạch (2007), *Truyện Nôm lịch sử phát triển và thi pháp thể loại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

[3] Nguyễn Lang (2014), *Việt Nam Phật giáo sử luận toàn tập*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

[4] Nguyễn Ngọc Thiện (tuyển chọn và giới thiệu) (2003), *Nguyễn Đình Chiểu về tác gia và tác phẩm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

[5] Ca Văn Thỉnh, Nguyễn Sỹ Lâm, Nguyễn Thạch Giang (biên khảo và chú giải) (1980), *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập*, tập 1, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.

[6] UBND tỉnh Bến Tre (2022), *Danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu trong thời đại ngày nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

TÍNH VĂN HỌC

trong
Kinh điển Phật giáo



Lạc Nhiên



Nhà văn Thạch Lam nhận định: “Văn học là thứ khí giới thanh cao và đặc lực, để làm cho tâm hồn con người trong sạch hơn, thánh thiện hơn”.

Phật pháp chẳng rời khỏi thế gian pháp. Nếu cho rằng giáo lý kinh điển thường khô khan, khó hiểu, khó nhớ, thì giáo pháp đạo Phật đã vận dụng triệt để các hình thức văn học để truyền tải đến đại đa số quần chúng. Vì vậy, kinh điển Phật giáo luôn mang màu sắc tươi mới, đầy đủ thi vị, nghe không nhàm chán, lại dễ ghi nhớ.



Mục đích của giáo pháp mà Đức Phật thuyết ra nhằm hóa giải những vấn đề bức bách trong kiếp nhân sinh.

VĂN HỌC PHẬT GIÁO

Phật điển là phương tiện truyền bá giáo lý của Đức Thế Tôn. Để giáo lý vi diệu đến được với đại đa số người dân thì ngay từ khi còn tại thế, Đức Phật đã sử dụng nhiều hình ảnh sinh động, những ví dụ thực tế, cùng các hình thức mang tính nghệ thuật trong văn học để truyền tải giáo lý đến cho dân chúng, như: Khế kinh, Trùng tụng, Phúng tụng, Ký biệt, Tụ thuyết, Nhân duyên, Thí dụ, Bốn sanh, Bốn sự, Phương quang, Vị tăng hữu, Luận nghị. Sau đó, Phật giáo được lan truyền rộng khắp, nhưng chủ yếu theo hai hướng chính. Dù theo hướng nào thì khi Phật giáo được truyền đến mỗi quốc gia, mỗi địa phương đều có những phương tiện giáo hóa đặc biệt, phù hợp với vùng miền ấy. Tuy nhiên, cũng không vì thế mà làm mất đi những tính chất đặc thù của Phật giáo. Và chính sự giáo hóa linh hoạt này, mà các văn điển Phật giáo đã đi sâu vào lòng dân, ngoài ra còn ảnh hưởng đến nền văn hóa nghệ thuật của quốc gia ấy, vùng miền ấy.

Vậy văn học là gì? Tại sao trong Tam tạng Kinh điển Phật giáo lại có các yếu tố của văn học? Tính chất và nghệ thuật văn học trong kinh điển Phật giáo như thế nào? Theo các tác giả, văn học là một trong những phương thức quan trọng để nhân loại cảm nhận về nhân văn, triết lý sống,... sau đó ghi lại thành văn chương, luận thuyết truyền lại cho đời, với điều kiện phải tự thân chứng nghiệm được. Văn học còn là nhân học, vì những tác phẩm này biến thành những tác phẩm để chuyên hóa nhân tâm, dẫn dắt con người thoát mọi khổ đau, hóa giải những phức tạp trong đời sống và hướng đến một đời sống chân - thiện - mỹ. Do đó, khi định nghĩa về văn học và nêu lên tác dụng của văn học, Nhà văn Thạch Lam nhận định: “*Văn học là thứ khí giới thanh cao và đặc lực, để làm cho tâm hồn con người trong sạch hơn, thánh thiện hơn*” [1]. Và HT. Tinh Vân ở Đài Loan cũng cho rằng: “*Một tác phẩm văn học hay, không chỉ tạo ra tiếng vang rộng lớn tại thời điểm và địa ở địa phương nào đó, thậm chí nó có khả năng siêu vượt biên giới thời gian và không gian để dẫn dắt nhân tâm bước vào cánh giới chân - thiện - mỹ*” [2]. Như vậy, văn học có ý nghĩa đúc kết thành một phương pháp sống tốt đẹp, làm cho tâm hồn họ cải hóa, được thanh cao, thánh thiện,...

Ngài chính là một tác giả xuất sắc khi đã vận dụng linh hoạt các thủ pháp nghệ thuật: tượng thanh, tả cảnh, miêu tả nhân vật, dùng ví dụ để hình tượng hóa,... Chính những yếu tố ấy đã thâm nhập dễ dàng vào tâm trí người nghe và giúp họ có được niềm tin yêu sâu sắc, sự tôn kính vô biên đối với Đức Phật, với giáo pháp mà Ngài thuyết ra.



Tận dụng ý nghĩa và tác dụng ấy của văn học, những bản kinh-luật-luận trong Tam tạng Thánh điển đã sử dụng linh hoạt các hình thức văn học để truyền đến dân chúng, để họ thích thú khi nghe và có thể hiểu được. Nhờ sự hiểu ấy, họ có thể tự chuyển hóa mình để trở nên tốt hơn, an lạc hơn. Chẳng hạn như Đức Phật lấy hình ảnh chính mình, quá trình tu tập tự thân trải nghiệm, kể lại câu chuyện cuộc đời mình từ lúc sanh ra đến khi dạo quanh các cửa thành, vượt thành xuất gia, sống đời khổ hạnh, dưới cội Bồ-đề hàng phục binh ma, đến lúc sao Mai vừa hiện, Ngài trở thành bậc Chánh đẳng giác, nơi vườn Nai bắt đầu Chuyên pháp luân, dưới hai cây Sa-la Ngài nhập Niết-bàn.

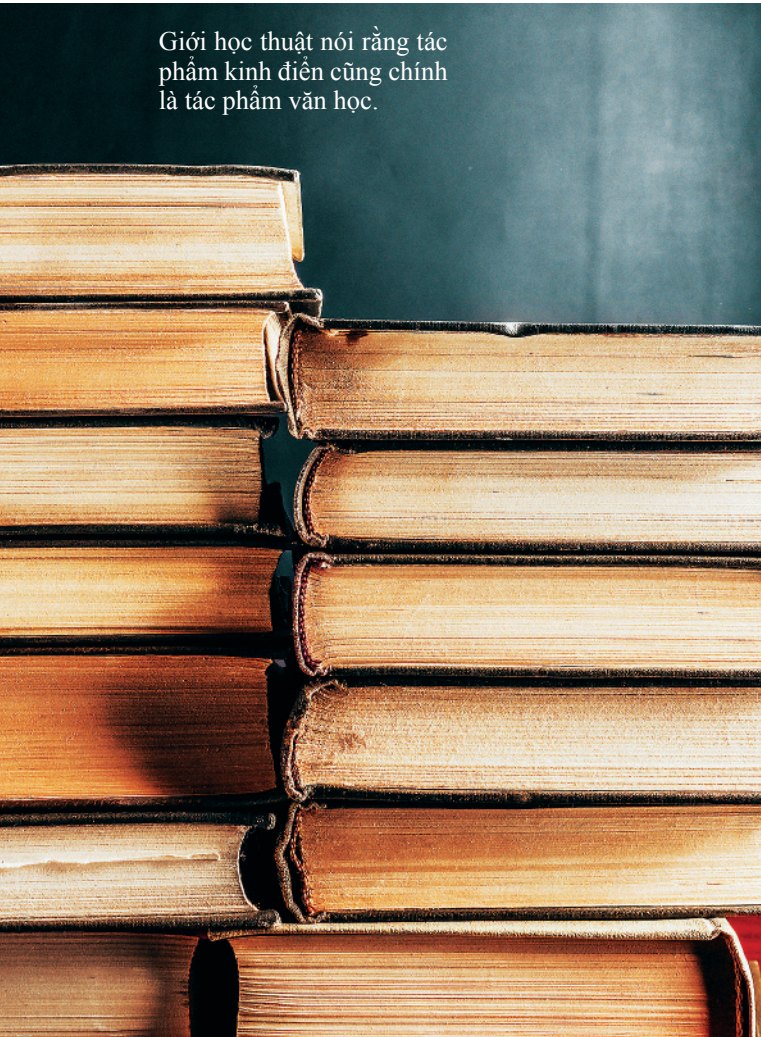
Tất cả những hình ảnh ấy đã vận dụng tài tình thủ pháp tự sự kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm và biện pháp so sánh, khiến người đọc/người nghe có thể hình dung ra từng hình ảnh được nhắc đến, đồng thời giúp họ có được xúc cảm sâu sắc: “*Vì Ta ăn quá ít, tay chân ta trở thành như những cọng cỏ hay những đốt dây leo khô héo; vì Ta ăn quá ít, bàn tròn của Ta trở thành như móng chân con lạc đà; vì Ta ăn quá ít, xương sống phô bày của Ta giống như*

một chuỗi banh; vì Ta ăn quá ít, các xương sườn gây mòn của Ta giống như rui cột một nhà sàn hư nát; vì Ta ăn quá ít, nên con người long lanh của Ta nằm sâu thẳm trong một giếng nước thâm sâu,...” và sử dụng lối kể tượng thanh “*..khi ta nín thở vô, thở ra ngang qua miệng và ngang qua mũi, thò một tiếng gió động kinh khủng thổi lên, ngang qua lỗ tai,...*” [3]. Đó là câu chuyện Đức Phật kể về quá trình tầm đạo, tu đạo gian nan của Ngài khi còn là Bồ tát. Có thể nói, Ngài chính là một tác giả xuất sắc khi đã vận dụng linh hoạt các thủ pháp nghệ thuật: tượng thanh, tả cảnh, miêu tả nhân vật, dùng ví dụ để hình tượng hóa,... Chính những yếu tố ấy đã thâm nhập dễ dàng vào tâm trí người nghe và giúp họ có được niềm tin yêu sâu sắc, sự tôn kính vô biên đối với Đức Phật, với giáo pháp mà Ngài thuyết ra.

MỤC ĐÍCH CỦA VĂN HỌC PHẬT GIÁO

Mục đích của giáo pháp mà Đức Phật thuyết ra nhằm hóa giải những vấn đề bức bách trong kiếp nhân sinh. Việc làm này đã thể hiện sự quan tâm và giải quyết những vấn đề cơ bản của kiếp người. Giáo pháp Ngài thuyết ra như thuốc hay có thể trị được các bệnh của chúng sanh “tùy bệnh mà cho thuốc”,

Giới học thuật nói rằng tác phẩm kinh điển cũng chính là tác phẩm văn học.



điều này được chứng minh qua câu nói của Bà-la-môn Sundarika trong *Kinh Trung Bộ* số 7: “*Thật vi diệu thay Tôn giả Gotama! Ngài như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những kẻ lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Nay con quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y Tăng*”[4]. Như vậy, thuyết pháp, giảng kinh ngoài dựa trên căn cơ của mỗi người mà có những bài pháp khác nhau, tùy theo đặc tính của họ, thì còn phải dựa theo các hình thức của văn học như: so sánh, ẩn dụ, ví dụ, miêu tả,... Chẳng hạn, câu kinh sau trong *Kinh Tăng Chi Bộ*: “*Giống như tất cả những thanh xà của căn nhà mái nhọn đều dựa vào đỉnh mái nhà, đổ về đỉnh mái nhà, hội tụ về đỉnh mái nhà và đỉnh mái nhà được tuyên bố là đứng*

đầu (nằm đầu) trong số chúng. Cũng giống như vậy, mọi phẩm chất thiện lành đều bắt rễ từ sự chuyên chú, hội tụ ở sự chuyên chú, và sự chuyên chú là được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng”[5] đã khiến người nghe tăng sức tưởng tượng, dễ hấp thụ và ghi nhớ. Đó chính là một thiện xảo của người hoằng pháp và cũng chính là một nghĩa của “*Phật pháp chẳng rời khỏi thế gian pháp*”. Vì thế, giới học thuật nói rằng tác phẩm kinh điển cũng chính là tác phẩm văn học.

Kinh điển vừa sử dụng linh hoạt các thủ pháp nghệ thuật trong văn học vừa không làm mất đi tính chất văn học là chuyển hóa nhân tâm, dẫn dắt con người thoát mọi khổ đau, hóa giải những phức tạp trong đời sống và hướng đến một đời sống chân - thiện - mỹ. Đồng thời cũng không làm mất đi những tính chất cơ bản trong Phật giáo là truyền bá giáo lý đến với từng người tùy theo căn cơ của họ, “*tùy duyên nhi bất biến*” và không mất đi tính chất phổ quát, tính gần gũi với quần chúng, dù rằng vẫn có những bản kinh mang tính lý kỳ như *Tiểu Bộ Kinh* trong kinh tạng Nikaya với các phần: *Chuyện Ngạ Quỷ*, *Chuyện Thiên Cung*,... hay trong *Kinh Hiền Ngụ*,...

Như vậy, Phật giáo đã mượn hình tượng và nghệ thuật sinh động trong văn học để tuyên dương Phật giáo, không những đương thời Đức Phật và chư Tăng đi truyền giáo sử dụng, thậm chí đến khi Phật giáo truyền qua các nước phương Đông, phương Tây, những bản kinh cũng đều được dịch thành tiếng của các nước ấy. Và người hoằng pháp vẫn tiếp tục kế thừa sứ mệnh của Như Lai, vẫn tiếp tục hoằng pháp, tiếp tục đưa giáo pháp đến với mọi người dựa trên yếu tố căn tánh, nhân duyên của mỗi người và dựa trên các biện pháp nghệ thuật văn học. Từ đó, xây dựng nên những bài pháp sống động, thực tế, thỏa mãn nhu cầu người nghe và mang lại những giá trị thiết thực.

Chú thích:

- [1] Thạch Lam (tái bản, 2022), *Gió lạnh đầu mùa*, Lời tựa, Nxb. Văn học.
- [2] HT. Tinh Vân, Nguyễn Phước Tâm (dịch, tái bản 2022), *Phật giáo và thế tục*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- [3] HT. Thích Minh Châu (dịch, 2021), *Kinh Trung Bộ, Đại kinh Saccaka*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- [4] HT. Thích Minh Châu (dịch, 2021), *Kinh Trung Bộ, Kinh Ví dụ tâm vai*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- [5] Lê Kim Kha (dịch, 2022), *Kinh Tăng Chi quyển 10, chương Mười pháp, kinh 15*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

DƯỚI CHÂN ĐỨC PHẬT

Bình An

Dưới chân Đức Phật từ bi
Phận con phàm tục sân si đã từng
Đêm nằm vọng tiếng chuông ngân
Câu kinh bát nhã tỏ lòng chân như

Biển đời cát bụi phù du
Thân tâm gột rửa khói mù chấp mê
Nương theo cội sáng bồ đề
Đến bờ giác ngộ hướng về từ tâm

Điều quang soi chiếu lòng trần
Phát tâm chánh niệm uơm mầm tình thương
Lánh xa danh lợi hão huyền
Dưới chân Đức Phật an thiên vô ưu.



NÓI VỚI MƯA

Như Thiện

Khuya rồi, nằm nghe tiếng mưa rơi
Như trút chuyện cuộc đời nơi nhân thế
Những câu chuyện chưa một lần được kể
Cho mọi người, cho thế giới mênh mông.

Giữa thình không, mưa không ngừng nặng hạt
Có phải chăng vì cam bạc phận mình?
Hay thương xót kiếp người quá điêu linh
Mãi tát bật với tình sâu muôn về.

Này mưa ơi! Đêm khuya rồi! Có lẽ
Nên về đi, về lại với hư vô
Rồi tỉnh táo bỏ lớp vỏ hồ đồ
Mà tươi sáng, điếm tô ngày nắng mới!



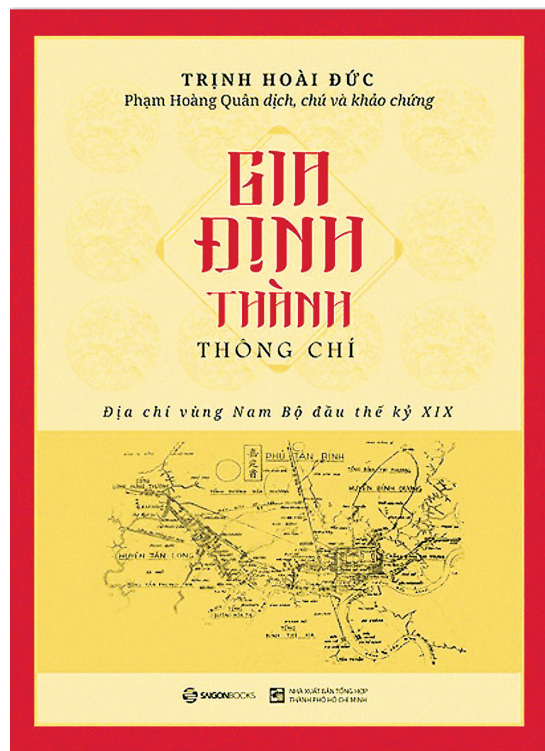


Chùa Bửu Quang
(Ảnh: Vũ Mạnh Hoàng)

Vùng đất Đồng Nai và Phật giáo nơi đây trong ”Gia Định thành thông chí”

Dương Thụy

Gia Định thành thông chí của tác giả Trịnh Hoài Đức (1765-1825) là tác phẩm ghi chép công phu, tỉ mỉ về núi sông, khí hậu, thành trì, hành chính, phong tục tập quán, văn hóa và nét sinh hoạt của cư dân đất Đồng Nai, Gia Định giai đoạn từ năm 1698 đến những năm đầu thế kỷ XIX. Đây được đánh giá là tư liệu địa chí lớn nhất nghiên cứu về vùng đất Nam bộ nói chung, khu vực Đồng Nai nói riêng. Trong khuôn khổ bài viết, chúng ta sẽ tìm hiểu về vùng đất Đồng Nai - nơi Trịnh Hoài Đức gắn bó phần lớn cuộc đời - và yếu tố Phật giáo trong văn hóa nơi đây thông qua tác phẩm Gia Định thành thông chí.



NGUỒN GỐC TÊN GỌI CÁC ĐỊA DANH

Trịnh Hoài Đức đã nghiên cứu về những tên gọi của vùng đất Đồng Nai, như: Đạ Đờn, Lộc Dã, Đồng Nai, Nông Nại, Giản Phố,... Ông lý giải các tên gọi trên bằng nhiều cách khác nhau: quan sát, khảo tả, tra sổ sách, thư tịch cổ của nước ta và Trung Hoa,... Đồng thời, đưa ra giả thuyết xung quanh tên gọi địa danh để người đời sau nghiên cứu thêm. “Đồng Nai (全狔) là tên duy nhất của trấn Biên Hòa, mà chợ Đồng Nai lại ở phía nam hạ lưu sông Phước Giang cách trấn độ 8 dặm ngoài. Do ban đầu là cánh đồng cho nai hươu ở, cho nên mới gọi là Đồng Nai, tên chữ là Lộc Dã, còn gọi là Lộc Động” [1].

Khi viết về núi sông, dinh trấn... ở bất kỳ địa phương nào, Trịnh Hoài Đức cũng nêu lên tên tục bằng chữ Nôm của địa danh đó. Đồng thời, mô tả chi tiết vị trí địa lý, phương hướng, đặc điểm từng ngọn núi, con sông,... Ngoài ra, ông còn dẫn chứng thêm những câu chuyện xung quanh địa danh ấy và giải thích tên gọi, các điển tích xung quanh. Điều đó chứng tỏ ông đã đi khảo sát, điều tra cư dân địa phương về

Theo Gia Định thành thông chí, hai tộc người đồng dân cư nhất ở đất Đồng Nai là người Việt (di cư theo lệnh chúa Nguyễn để vào Nam khai hoang, mở mang bờ cõi) và người Hoa (di cư qua nước ta do bất mãn nhà Thanh). (Ảnh: sưu tầm)

từng núi sông, dinh trấn. Ví dụ như đoạn viết về núi Nữ Tăng: “Tục gọi là núi Bà Vãi, ở địa phận huyện Long Thành. Xưa có người con gái họ Lê, gia tư giàu có, nhưng do kén chọn lỡ thì, sau khi cha mẹ mất rồi mới có chồng nhưng không được bao lâu chồng cũng

chết, bà thế không tái giá, nhưng bị kẻ cường hào cậy mai mối thường đến quấy nhiễu, bà bèn trốn đời xuống tóc, lập am ở đỉnh núi, tự làm bà thầy cả, kẻ ăn người ở làm đồ đệ, giữ lòng tu tập, sau thành chánh quả, do đó người đời lấy từ bà vãi mà đặt tên núi. Núi này cách phía đông trấn 120 dặm, đất đá lởm chởm, cây cối to lớn um tùm. Nếu đứng ở thành Gia Định mà trông thì nó giống như viên ngọc màu xanh vàng bày ra nét đẹp. Dân núi ở đó lấy khai thác thổ sản ở núi để sinh sống, như cây gỗ, nhựa cây, than củi và muông thú” [2].

Theo Trịnh Hoài Đức, các giồng đất bên bờ sông Phước Long (sông Đồng Nai), thuộc các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, thành phố Biên Hòa ngày nay và các cù lao ven sông là những nơi có nước ngọt dùng cho sinh hoạt trồng tía nên

người Việt đến khai thác sớm nhất. Các vùng ven núi là nơi lưu dân Việt chọn làm nơi ở khá sớm, bởi vì nơi đó có điều kiện khai thác các nguồn lợi lâm sản như: săn bắn, khai thác gỗ, khai mỏ... Sách này còn ghi lại một số địa danh núi, nơi có người Việt khai thác như: núi Thiết Khâu, núi Lò Thổi, núi Sa Trúc... Nhờ kiến thức uyên bác, tinh thần học hỏi và những chuyến khảo cứu, Trịnh Hoài Đức đã có những nghiên cứu sâu sắc, mô tả chi tiết, tỉ mỉ về những địa danh ở Đồng Nai từ cái nhìn khách quan. Cộng với việc tra lại thư tịch cổ và những câu chuyện dân gian, ông đã đưa ra lý giải về nguồn tên gọi của các địa danh, như đoạn viết về huyện Phúc Chính: *“Huyện Phúc Chính (trước là công Tân Chính, nay đổi làm huyện Phúc Chính, nguyên lúc bắt đầu mở mang, đầu nguồn Đồng Nai, còn nhiều rừng rậm, người địa phương ấy lấy bãi Tân Chính trở lên đặt làm tổng Tân Chính, thuộc về huyện Tân Bình doanh Phiên Trấn. Về sau, người ở đây lại lấy đất không ở Trấn Biên mà trưng cho thuộc về, đều lấy chữ Tân đặt lên trên để phân biệt, cho nên trong chỗ xen lẫn lại thêm xen lẫn, từ khi địa đồ son cứ thấy nối liền là đổi về Trấn Biên, mới thành rõ ràng, nay vẫn theo thế) lĩnh 2 tổng, 85 xã thôn phường, phía đông giáp bến đò Thị Nghã thôn Bình Dương tổng Long Vĩnh huyện Long Thành; phía Bắc đến rừng núi, phía Tây giáp sách Man đầu nguồn; phía Nam giáp huyện Bình An, từ núi Chiêu Thái liền đến sông Thị Kiều ở Ba Đốc, phía Bắc giáp sách Man rừng lớn”* [3].

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT ĐỒNG NAI

Trong *Gia Định thành thông chí* cho biết, Đồng Nai đã hình thành từ rất lâu nhưng ban đầu chỉ là vùng đất hoang sơ, là nơi cư ngụ của những tộc người thiểu số, cư trú nhỏ lẻ trên các triền núi. Những lưu dân người Việt định cư khai khẩn ở Đồng Nai từ thế kỷ XVII phần lớn là những nông dân nghèo đi tìm đất mới để sinh sống. Năm 1623, một phái bộ của chúa Nguyễn đến Oudong yêu cầu được lập cơ sở ở Prei Nokor (vùng Sài Gòn) để thu thuế hàng hóa. Đến năm 1658, chúa Hiền cho quan Khâm mạng Trấn Biên dinh đem 2.000 quân đến Mô Xoài đánh phá, bắt vua Nặc Ông Chân giải về Quảng Bình. Khi ấy, ở vùng Mô Xoài (Bà Rịa ngày nay) và Đồng Nai đã có đông lưu dân Việt đến sinh sống. Theo Trịnh Hoài Đức, lưu dân Việt đã vào Mô Xoài từ đời chúa Nguyễn Hoàng (1558-1613), chúa Nguyễn

Phúc Nguyên (1613-1635), chúa Nguyễn Phúc Lan (1635-1648). Đến nửa sau thế kỷ XVII, số di dân người Việt đến vùng này khá đông, trong đó có một số di dân Thiên Chúa giáo trốn chạy việc cấm đạo. Những người này đã lập ra một họ đạo ở Xích Lam gần Đất Đỏ. Từ Mô Xoài, Bà Rịa, các thế hệ di dân tự do người Việt, với phương tiện di chuyển chủ yếu là thuyền, ghe, xuồng, theo thủy triều ngược dòng sông Đồng Nai, và cả đi bộ, dọc theo sông, tiến dần vào vùng Đồng Nai. Các điểm định cư sớm nhất của họ là: Nhơn Trạch, Long Thành, An Hoà, Bến Gỗ, Bàn Lân, cù lao Phố, cù lao Tân Chánh, cù lao Ngô, cù lao Kinh, cù lao Tân Triều ...

Năm 1679, chúa Hiền đã cho đoàn người (hơn 3.000 người và 50 chiến thuyền) của hai di thần nhà Minh là Trần Thắng Tài và Dương Ngạn Địch vào Nam khai phá. Điều đó cho thấy chính quyền Đàng Trong lúc bấy giờ đã đánh giá được tiềm năng khai phá của vùng đất Biên Hòa và Mỹ Tho. *“Mùa xuân năm thứ 8, Mậu Dần (1698) thời Hiến Tông Hiếu Minh hoàng đế (Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu), (Lê Hy Tông niên hiệu Chính Hòa thứ 19, Đại Thanh Khang Hy thứ 37), triều đình sai Thống suất Chương cơ Lê Thành hầu họ Nguyễn (Hữu Cảnh) sang kinh lược đất Cao Miên, ông lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, lập đất Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng nên dinh Trấn Biên (ly sở nay là thôn Phước Lưu). Mỗi dinh lập ra chức Lưu thủ, Cai bạ và Ký lục để cai trị. Về vệ thuộc thì có hai ty Xá, Lại để làm việc, quân binh thì có tinh binh cơ đội thuyền thủy bộ và thuộc binh để hộ vệ...”* [4].

Nhờ có những cư dân người Hoa đến khai phá, vùng Biên Hòa - Đồng Nai mới thực sự phát triển kể từ nửa sau thế kỷ XVII. Với tư duy thương nghiệp truyền thống, đoàn người Hoa của Trần Thượng Xuyên đã tập trung khai thác thế mạnh của Cù Lao Phố, một vùng đất nằm giữa sông Hương Phước, trải dài trên 7 dặm, chiều ngang bằng 2/3 chiều dài. Tuy nằm cách xa biển, nhưng là nơi sông sâu, nước chảy, có thể tiếp tục ngược lên phía Bắc khai thác nguồn hàng lâm thổ sản, xuống tận phía Nam, ra cửa Cần Giờ và sang tận Cao Miên. *“... Trần Thượng Xuyên tướng quân chiêu tập lái buôn người Trung Quốc, lập ra phố xá, nhà ngói tường vôi lầu cao vót, quán mây tầng, rục rờ bên sông dưới ánh mặt trời, liên tục năm dặm, mở vạch ba đường phố. Phố lớn lát đá trắng, phố ngang lát đường đá ong, phố nhỏ*



Phật giáo ở Đồng Nai trước thế kỷ XIX đã trở thành một thực thể tôn giáo hiện hữu sinh động, tạo nên một dáng vẻ vừa uy nghiêm, vừa linh hoạt trong sắc màu văn hóa Nam bộ chung và Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng. (Ảnh Tô đình Long Thiên - phatgiaobienhoa.com)

lát đường đá xanh, đường bằng như đá mài, khách buôn họp đông, đường biển, đường sông, tránh gió bão neo lớn nhỏ sát nhau là một nơi đại đô hội. Nhà buôn giàu to chỉ ở đây là nhiều” [5].

Với sự phát triển của Cù Lao Phố, vùng đất Biên Hòa nhanh chóng trở thành một trong hai trung tâm dân cư đông đảo ở phía Nam, tạo cơ sở để chúa Nguyễn thiết lập tổ chức hành chính. Năm Mậu Dần (1698), chúa Nguyễn Phúc Chu cử Thống suất Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lược với mục đích sát nhập đất Đồng Nai - Gia Định vào bản đồ xứ Đàng Trong. Nguyễn Hữu Cảnh đặt doanh trại tại Châu Đại Phố (Cù Lao Phố), nay thuộc thành phố Biên Hòa và bắt tay vào tổ chức lại xã hội, lập bộ máy hành chính. Vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai kể từ đó về sau liên tục được củng cố thành trung tâm chiến lược cả về kinh tế lẫn quân sự. “*Lỵ sở trấn Biên Hòa khi xưa đặt ở địa phận thôn Phước Lư, huyện Phước Chánh, đất thấp nên hay có lụt. Năm Gia Long 15 (1816) dời lỵ sở qua gò cao thôn Tân Lâm, quy hoạch ra làm thành sở, ngang dọc đều 200 tầm, trong chia thành hình chữ nhật, giữa dựng Vọng cung, hai bên phải trái có lầu chuông trống, chỗ chính giữa phía sau dựng 3 công*

đình, rộng 80 tầm, mà chia ra làm 3 phần, chỉ đình giữa rộng thêm 5 tầm, dài 60 tầm, 2 con đường phải trái đều 7 tầm, chung quanh xây tường gạch, làm dãy kho chứa gồm 31 gian lợp ngói xây gạch dày chắc, hai bên phải trái làm trại quân thừa ty, chia ra từng khu vực rất chỉnh tề” [6].

GIAO LƯU VĂN HÓA Ở VÙNG ĐẤT ĐỒNG NAI TRƯỚC THẾ KỶ XIX

Xa xưa khi lưu dân các nơi đến đây lập nghiệp, ngoài cư dân Việt ở vùng miền Trung, còn có người Hoa (khởi đầu là nhóm Trần Thượng Xuyên), Cao Miên (Campuchia), Đồ Bà (dân gian gọi là Chà Và, tức người theo đạo Hồi); lui tới buôn bán, truyền đạo và người Tây Dương (Anh, Pháp, Bồ Đào Nha...).

Theo *Gia Định thành thông chí*, hai tộc người đồng dân cư nhất ở đất Đồng Nai là người Việt (di cư theo lệnh chúa Nguyễn để vào Nam khai hoang, mở mang bờ cõi) và người Hoa (di cư qua nước ta do bất mãn nhà Thanh). Riêng người Việt ở Nam bộ, trong lịch sử di dân của mình, ngoài nông dân và thợ thủ công nghèo khổ, còn có những nhà nho bất đắc chí, những quan lại, binh lính bị lưu đày và cả tội phạm triều đình tìm vào tá túc nơi vùng đất hoang

hóa này. Khi đặt chân vào vùng đất mới này họ đã sinh sống bằng nhiều ngành nghề khác nhau như buôn bán nhỏ, đánh bắt cá, làm mắm, săn bắn, khai thác gỗ, khai thác quặng, đan lát, làm đồ gốm..., còn lại tuyệt đại bộ phận đều chọn nông nghiệp làm nghề sinh sống chính. Trịnh Hoài Đức đã nhận xét “*Trần Biên Hoà nhân dân siêng năng cày cấy, dệt cửi đều có sản nghiệp*” [7].

Phần lớn những diện tích được khai phá ở vùng đất Đồng Nai - Gia Định được người Việt sử dụng trồng lúa nước và lập vườn. Trước khi có lưu dân, dân bản địa đã biết trồng lúa rẫy, nhưng trình độ kỹ thuật còn thấp và diện tích không đáng kể. Khi lưu dân Việt đến khai khẩn, mở rộng diện tích canh tác họ đã áp dụng những kinh nghiệm quý báu và kiến thức cổ truyền trong nghề trồng lúa nước được tích lũy từ bao đời ở quê hương, ngành nông nghiệp trồng lúa nước ở xứ Đồng Nai được hình thành và từng bước phát triển cả về quy mô lẫn năng suất, sản lượng.

Vùng giồng cao ven biển, nhất là những nơi có vũng hoặc cửa sông tốt cũng là một trong những nơi định cư, làm ăn đầu tiên của người Việt. Tại đây, họ chọn nghề chài lưới, nghề làm mắm, làm ruộng muối để làm kế sinh nhai. Sách *Gia Định thành thông chí* có ghi lại vùng biển Tắc Ký (nay là xã Phước Hải, Đất Đỏ, Bà Rịa - Vũng Tàu), “*dân miền biển nhóm đến đây làm nghề chài lưới câu cá, là nơi sản xuất cá muối của trấn này*”. [8] Thành quả của việc khai hoang và sản xuất của lưu dân người Việt cùng với các dân tộc bản địa trong thế kỷ XVII đã làm biến đổi bước đầu bộ mặt kinh tế Đồng Nai. Nơi đây từng là rừng núi hoang vu nay đã trở thành những cánh đồng lúa, vườn cây tươi tốt. Xóm làng hình thành ven sông là một đặc điểm nổi bật của cư dân Đồng Nai.

Bên cạnh người Việt, người Hoa cũng là chủ nhân của văn hóa Đồng Nai nói riêng và Nam bộ nói chung. Người Hoa vốn có truyền thống tổ chức xã hội và giữ quan hệ cộng đồng khá chặt chẽ, ban đầu khi đến vùng đất mới đã sống tập trung theo từng bang hội để bảo bọc giúp nhau làm ăn, đặc biệt là bảo lưu truyền thống văn hóa của bốn tộc. Cộng đồng người Hoa ở Đồng Nai đã xây dựng các công trình công cộng như: chùa, miếu, trường học, hội quán, công sở... để sinh hoạt theo phong tục, tập quán truyền thống. Trong *Gia Định thành thông chí*, phần *Phong tục chí* có đề cập đến những ngôi đền, chùa, miếu thiết kế và xây

dựng theo phong cách kiến trúc Trung Quốc để tôn thờ các vị thần linh, như: Quan thánh Đế Quân, Thiên Hậu thánh mẫu,...

Lễ hội phổ biến của người Hoa ở Đồng Nai đa phần là lễ hội dân gian như: lễ làm chay vía Tồ nghề, lễ vía Thiên Hậu, lễ hội chùa Ông (Thất phủ cổ miếu), lễ Tả Tài Phán, Tết Nguyên tiêu, tiết Thanh Minh, lễ cầu siêu, tiết Trung nguyên, Tết Hạ nguyên, vía Quảng Trạch tôn vương, vía Phước Đức chính thần... Ngoài những dịp tết và vía đầu năm, những lễ hội còn lại gắn với các đối tượng thờ tự ở cơ sở tín ngưỡng tôn giáo. “*Tục ở đây thường đến cuối năm thì lo may sắm áo quần mới, quét dọn nhà cửa, dán treo câu liễn năm mới, đặt bàn ghế, trang trí bàn thờ tổ tiên, trên đó trưng bày các vật gì tốt đẹp để khoe diện, dặn con cháu phải cẩn thận trong mọi việc để bói điềm lành trọn năm. Bắt đầu giờ Dần ngày đầu năm phải dậy thắp hương đèn và dâng trà lễ bái tiên tổ, sau đó lạy mừng tuổi người trưởng thượng, chúc tụng phước thọ, đầu xuân mới được giàu sang, khỏe mạnh và đặt cỗ bàn dâng lên tiên tổ, mỗi ngày 2 lần sớm và chiều, phụng sự như khi còn sống vậy, lễ vật gồm quả phẩm, bánh mứt, tất cả vật thực đều đem trưng bày, đến ngày mùng 3 đưa thần, gọi là đệ tiễn, lễ này dùng đồ dán giấy như đồ hàng mã đem đốt và đốt cả pháo, có thứ pháo đồng, pháo thiếc, tiếng nổ chấn động cả rừng núi rền vang không dứt. Ngày Tết họ còn uống rượu nếp than và ăn bánh tét*” [9].

Ngoài ra, vùng đất Đồng Nai còn có sự giao lưu văn hóa giữa người Việt, người Hoa và người Cao Miên. Theo Trịnh Hoài Đức, họ chung sống hòa bình với nhau, có quan hệ mua bán và trao đổi hàng hóa, tiếp biến ngôn ngữ. “*Người ở đây nói tiếng địa phương thường hay pha tiếng Tàu, tiếng Cao Miên, người nghe tập quen dần rồi tự biết, mà không để ý phân biệt chỗ khác lạ được một cách rõ ràng. Như quát mắng (mua sỉ) thì nói là óa; khi trảm (lừa phỉnh) thì nói là khí xô; áp tạ (vái chào) thì nói là xá; phốc tái (chờ bằng ghe chài lớn) thì nói là bốc chài; thi (là cái muông) thì nói là thưng xi; đối trừ (khẩu trừ) thì nói là tụi; phiến trụ (cái rui (tua) treo ở cán quạt) thì nói là xí tụi; thái nghi (khúc lụa màu) thì nói là xái kỹ...; miến tuyến (sợi miến) thì nói là mỳ xọa (xọa), ấy là nói theo tiếng của người Tàu. Còn như sang sông thì gọi tầm long; chủ sự thì nói là tăng khạo; thần thuyền là thần dục; cái bao nhỏ thì nói là cà ròn; đối*

trừ (sang nợ qua) thì nói là gặt, ấy là nói theo tiếng Cao Miên” [10]. Một số từ ngữ “giao thoa” ấy còn giữ trong cách nói của những người Biên Hòa - Đồng Nai lớn tuổi hiện nay như: tăng khạo, cà ròn, gặt nợ, mì sợi, bạc xiu (sữa ít cà phê)...

Có thể nói, văn hóa Đồng Nai là sự hòa nhập, đan xen, chùng chắt, kết tinh bởi nhiều dòng văn hóa, nhiều nền văn hóa thích ứng với điều kiện của vùng đất mới. Đặc điểm của làng xã ở Đồng Nai là cơ sở hiện thực tạo cho đời sống văn hóa của người Đồng Nai đặc tính cởi mở, đa hệ, hỗn dung, dễ thâm nhập những yếu tố mới nhưng khó phai mờ những yếu tố cội nguồn.



Nhiều tông môn, hệ phái của Phật giáo có mặt tại Đồng Nai như: Nguyên thủy (Sthaviravāda), Bắc tông (Mahayana), Nam tông (Theravada), Mật tông (Vajrayana), Tịnh độ tông (Pure Land), Thiền tông (Dhyana)...

PHẬT GIÁO Ở ĐẤT ĐỒNG NAI TRƯỚC THẾ KỶ XIX

Đồng Nai là địa bàn Phật giáo đã được truyền vào từ xa xưa trong lịch sử và đã từng là cái nôi của Phật giáo Đàng Trong. Có người cho rằng Phật giáo đại thừa đã truyền vào Nam bộ nói chung và Đồng Nai nói riêng từ những năm 1181-1218 (?), tuy nhiên chưa có căn cứ liệu để xác thực nhận định này. Nhưng có thể chắc chắn Phật giáo đã đến đây từ trước năm 1698, khi các nhà sư theo chân những đoàn di dân Nam tiến lập nghiệp. Người Việt vào khai hoang lập ấp đến đâu thì tín ngưỡng Phật giáo được lan truyền đến đó. Cho nên, buổi khai nguyên của chúa Nguyễn thì tinh thần Phật giáo đã theo cuộc di dân nhiều đợt định cư trước đó lan rộng rồi.

Thiền sư Nguyên Thiều đã truyền thừa cho nhiều đệ tử nổi danh như thiền sư Minh Vật Nhất Tri sau trụ trì chùa Kim Cang, thiền sư Thành Đăng Minh Lương trụ trì chùa Đại Giác, thiền sư Thành Nhạc Ân Sơn trụ trì chùa Long Thiên, thiền sư Thành Trí Pháp Thông trụ trì chùa Bửu Phong... Các đệ tử nhà sư Nguyên Thiều ở Biên Hòa - Đồng Nai lại có nhiều đệ tử và pháp môn nổi tiếng mở rộng phạm vi hoằng hóa ở Đồng Nai - Gia Định và lan rộng ra ở Mỹ Tho, Định Tường, Châu Đốc... còn truyền thừa cho đến ngày nay ở Nam Bộ.

Đặc biệt, khi các vị Tổ trong hai dòng Nguyên Thiều và Liễu Quán vào hoằng hóa ở Đàng Trong đã khai sơn nhiều ngôi cổ tự. Điển hình là thiền sư Bồn Kiều (Bồn Khao) đã khai sơn chùa Long Thiên (Biên Hòa) vào năm 1664. Và từ đó, nhiều vị cao tăng đã lập nên các ngôi chùa khác, như: Minh Vật Nhất Tri (trụ trì chùa Kim Cang), Thành Đăng Minh Lương (trụ trì chùa Đại Giác), Thành Nhạc Ân Sơn (khai sơn chùa núi Châu Thới, trụ trì chùa Long Thiên), Thành Trí Pháp Thông (trụ trì chùa Bửu Phong)... Đồng Nai còn có sự truyền thừa của thiền phái Tào Động và một trong những cao tăng tiêu biểu là thiền sư Pháp Thông Thiện Hỷ (khai sơn chùa Long Ân năm 1733).

Phật giáo ở Đồng Nai được Trịnh Hoài Đức miêu tả khá sơ lược trong *Gia Định thành thông chí*. Ngôi chùa tiêu biểu của vùng đất này trước thế kỷ XIX có nhắc đến trong tác phẩm là chùa Sắc Tứ. “Ở bờ nam Phước Giang, cách trấn về phía đông 8 dặm, do Chánh thống suất Nguyễn Văn kiến lập. Năm Giáp

Dần đời Túc Tông Hiếu Ninh hoàng đế thứ 10 (Ninh vương Nguyễn Phúc Chú) (1734) (Lê Thuần Tông niên hiệu Long Đức thứ 3, Đại Thanh Ung Chính thứ 12), ngự ban biển ngạch chữ vàng, đề chữ: Sắc tứ Hộ Quốc tự, bên trái khắc: Long Đức tam niên. Tuế thứ Giáp Dần trọng thu. Bên phải khắc: Vân Tuyền Đạo nhân viết. Nét chữ mạnh mẽ; cảnh chùa trang nghiêm, cửa thiền thanh tịnh, thật là nơi lạc thổ của Nam tông (do Lục tổ Huệ Năng sáng lập)” [11].

Ngoài ra, sách cũng ghi chép về am Vân Tĩnh và chùa Hội Sơn ở khu vực núi Chiêu Thái (nay gọi là núi Châu Thới) như sau: “*Ở phía nam cách trấn (Biên Hòa) 11 dặm rưỡi. Từng núi cao vót xanh lơ, cỏ thụ rậm tốt, làm tấm bình phong châu về trấn thành, hình núi cao thấp khuất khúc, uốn lượn qua hướng đông, giáp hạ lưu sông Phước Giang rồi đến gò Không Tước (Gò Công) thì dứt. Ở đoạn giữa tại mặt bắc nơi thôn Long Thành, giữa đồng bằng trải ra một gò cao như vách dựng, sau lưng gò ấy là chỗ bà ni Lượng tu hành, có dựng am Vân Tĩnh (tục gọi là chùa Vãi Lượng) trông rất u nhã... Ở cuối hòn núi này về phía bắc tại ngã ba chẻ ra một nhánh chạy đến địa phận thôn Long Tuy thì dừng rồi bỗng nổi thành gò cao bằng phẳng rộng rãi; ở bên núi có hang hổ và khe suối, dân núi ở ven quanh, trên đó có chùa Hội Sơn là chỗ thiền sư Khánh Long dựng gậy tu hành, núi trông xuống sông lớn, hành khách leo lên thăm, có cảm tưởng như tiêu sái thoát tục” [12].*

Phật giáo ở Đồng Nai trước thế kỷ XIX đã trở thành một thực thể tôn giáo hiện hữu sinh động, tạo nên một dáng vẻ vừa uy nghiêm, vừa linh hoạt trong sắc màu văn hóa Nam bộ nói chung và Biên Hòa - Đồng Nai nói riêng. Triết lý của Phật giáo là “tùy duyên bất biến”, nhờ đó, đạo Phật đã gắn bó sâu sắc với văn hóa Việt dù ở một vùng đất mới được khai phá như Đồng Nai. Trên vùng đất cộng cư nhiều dân tộc, như: Việt, Hoa, Khmer, Choro, Ma, S’tiêng, Chăm... mỗi dân tộc đều có niềm tin riêng vào Phật pháp. Vì vậy, ngay từ buổi đầu đến đây, Phật giáo đã mang nhiều màu sắc phong phú, vừa tương đồng, vừa dị biệt mà Phật giáo Đàng Ngoài không hề có. Đây là hệ quả tất yếu của tính chất “đa tộc” của cộng đồng cư dân Nam bộ nói chung, Đồng Nai nói riêng, dẫn đến tính chất đa dạng của Phật giáo ở vùng đất này. Nhiều tông môn, hệ phái của Phật giáo có mặt tại Đồng Nai như: Nguyên thủy (Sthaviravāda), Bắc tông (Mahayana), Nam

tông (Theravada), Mật tông (Vajrayana), Tịnh độ tông (Pure Land), Thiền tông (Dhyana)...

TẠM KẾT

Gia Định thành thông chí là tác phẩm miêu tả sơ lược về địa chí văn hóa vùng đất Gia Định xưa, trong đó có khu vực Đồng Nai, đóng góp về mặt nguồn gốc địa danh, quá trình hình thành phát triển và phong tục văn hóa nơi đây. Đó là nguồn tư liệu cơ bản để tìm hiểu về Đồng Nai và Nam bộ. Qua những ghi chép của Trịnh Hoài Đức, vùng đất Đồng Nai hiện lên sinh động, trung thực về một vùng đất tuy mới nhưng rất quan trọng trong quá trình mở cõi vùng đất Nam bộ.

Ngoài ra, nhờ những ghi chép trong *Gia Định thành thông chí*, chúng ta phân nào khẳng định được Đồng Nai là một trong những cái nôi của Phật giáo Đàng Trong thời các chúa, các vua nhà Nguyễn, có ảnh hưởng đối với Phật giáo ở Nam bộ. Nhiều nhà sư ở Đàng Trong đã từng tu hành, hoằng hóa ở Đồng Nai, có nhiều đệ tử nổi danh đi hoằng hóa ở các nơi và cũng tồn tại nhiều ngôi chùa cổ kính, trong đó có ba ngôi đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa là chùa Long Thiên, chùa Đại Giác, chùa Bửu Phong.

Chú thích:

- [1] Trịnh Hoài Đức (Viện Sử học dịch, 1998), *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Giáo dục, TP HCM, tr.30-31.
- [2] Sđd, tr. 22.
- [3] Sđd, tr. 96.
- [4] Sđd, tr. 12.
- [5] Sđd, tr. 194.
- [6] Sđd, tr. 103.
- [7] Sđd, tr. 3.
- [8] Sđd, tr. 10.
- [9] Sđd, tr. 144.
- [10] Sđd, tr. 148.
- [11] Sđd, tr. 194.
- [12] Sđd, tr. 20.

Tài liệu tham khảo:

1. Trịnh Hoài Đức (Viện Sử học dịch, 1998), *Gia Định thành thông chí*, Nxb. Giáo dục, TP HCM.
2. Nguyễn Hiền Đức (1995), *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*, Nxb. TP HCM.
3. Huỳnh Ngọc Trảng (2001), *Địa chí Đồng Nai (tập 1)*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.
4. Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Nai (1998), *Những tư liệu lịch sử Biên Hòa - Đồng Nai: 300 năm hình thành và phát triển*, Nxb. Đồng Nai.
5. Huỳnh Văn Tới, Phan Đình Dũng (2013), *Đồng Nai góc nhìn văn hóa*, Nxb. Đồng Nai.
6. Lâm Hiếu Trung (chủ biên, 2005), *Biên Hòa - Đồng Nai xưa và nay*, Nxb. Đồng Nai.



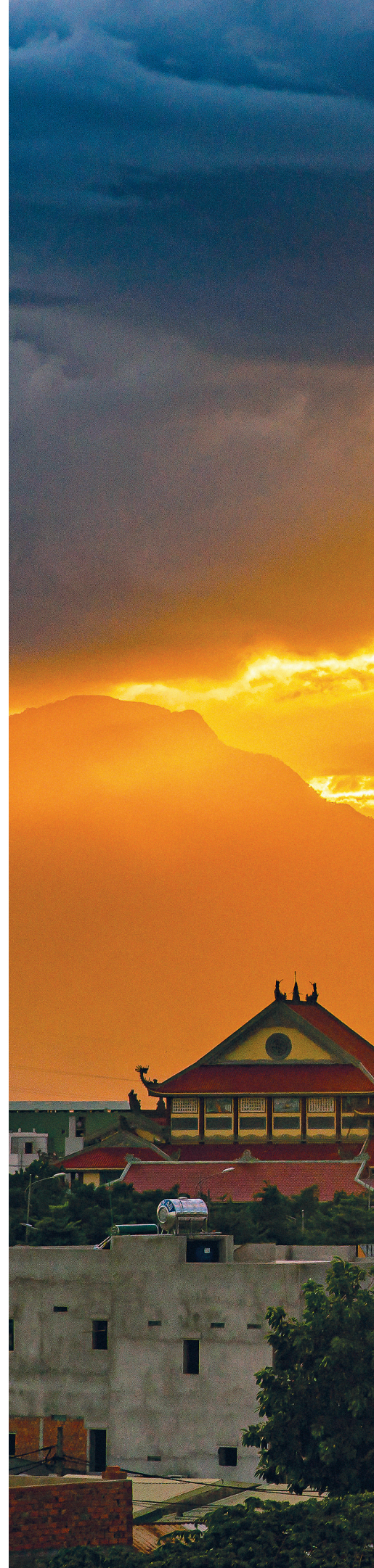
PHẬT GIÁO
KHOA HỌC
& TRIẾT LÝ

Giới Bồ tát trong Kinh Phạm Võng và Kinh Ưu-Bà-Tắc Giới

TKN. Thích Nữ Huyền Minh



Hành trình tu tập của một người xuất gia học Phật, ai cũng đều trải qua giai đoạn thọ giới. Khi còn làm cư sĩ thì thọ 5 giới, vào chùa xuất gia thì thọ 10 giới trở thành một vị Sa-di hoặc Sa-di ni. Hai năm sau, được thọ giới Tỳ kheo/Tỳ kheo ni (bên Ni có thêm giới Thức-xoa) trở thành bậc “*Thiên nhơn chi đạo sư*”. Đây gọi là Thanh văn giới, sau đó, người xuất gia phải thọ thêm giới Bồ tát để vừa tu học giải thoát cho bản thân, vừa có thể tu tập hạnh Bồ tát làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Bồ tát hạnh được nói đến rất nhiều trong các kinh điển Phật giáo Đại thừa như: *Kinh Lăng-già, Kinh Bảo Tích, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa*... Tuy nhiên, đề cập đến giới Bồ tát có các kinh, như: *Bồ tát Anh Lạc bản nghiệp Kinh, Phạm Võng Kinh Bồ tát giới bốn, Du-già Sư Địa Luận Bồ tát giới bốn, Bồ tát Địa Trì Kinh, Bồ tát Thiện giới Kinh, Ưu-bà-tắc giới Kinh*... Trong phạm vi bài này, người viết chỉ trình bày “*Giới Bồ tát trong Kinh Ưu-bà-tắc giới và Kinh Phạm Võng*”. Qua đó, cho thấy giới Bồ tát không chỉ mang





Giới Bồ tát không chỉ mang ý nghĩa giới điều, ngăn cấm như giới của hàng Thanh văn, mà còn mang ý nghĩa trách nhiệm, bổn phận, nâng cao lên đó là hạnh của Bồ tát nên làm để cứu độ chúng sanh nhìn từ góc độ giới luật.

ý nghĩa giới điều, ngăn cấm như giới của hàng Thanh văn, mà còn mang ý nghĩa trách nhiệm, bổn phận, nâng cao lên đó là hạnh của Bồ tát nên làm để cứu độ chúng sanh nhìn từ góc độ giới luật.

BẢNG ĐỐI CHIẾU GIỮA GIỚI CỦA BỒ TÁT XUẤT GIA TRONG KINH PHẠM VÕNG VÀ BỒ TÁT TẠI GIA TRONG KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI

Hiện nay, có hai bản kinh nói về giới Bồ tát được hàng xuất gia và tại gia thọ trì nhiều nhất đó là: Kinh Phạm Võng (S. *Brahmajāla Bodhisattva śīla Sūtra*, 梵網菩薩戒經) [1] được ngài Cưu-ma-la-thập (*Kumārajīva*, 鳩摩羅什, 344-413) dịch và kinh Ưu-bà-tắc giới (S: *Upāsaka śīla Sūtra* 優婆塞戒經) [2] do Đàm-vô-sấm (*Dharmakṣema*, 曇無讖, 385-433/439) dịch năm 426. Đây là hai bản kinh trọng yếu về quy phạm của hàng Bồ tát xuất gia và tại gia.

Sau đây là bảng đối chiếu giữa giới của Bồ tát xuất gia trong *Kinh Phạm Võng* và Bồ tát tại gia trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới*:

Giới	Kinh Phạm Võng (BT xuất gia)	Giới	Kinh Ưu-bà-tắc giới (BT tại gia)
10 giới trọng [3]	1. Giới sát sanh (殺戒)	6 giới trọng [4]	Không sát sanh(不殺生)
	2. Giới trộm cướp(盜戒)		Không trộm cắp(不偷盜)
	3. Giới dâm (淫戒)		Không nói dối (不虛說)
	4. Giới vọng (妄語戒)		Không tà dâm (不邪淫)
	5. Giới bán rượu (酤酒戒)		Không nói lỗi bốn chúng 不說四眾過
	6. Giới rao lỗi bốn chúng 說四眾過戒		Không bán rượu. (不酤酒)
	7. Giới khen mình chê người 自贊毀他戒		
	8. Giới bôn sên thêm mắng đuổi 故慳戒		
	9. Giới giận hờn không nguôi 故瞋戒		
	10. Giới hủy báng Tam bảo(謗三寶戒)		
48 giới khinh [5]	1. Giới không kính thầy bạn	28 giới khinh [6]	Không cúng dường cha mẹ, thầy...
	2. Giới uống rượu		Ham mê uống rượu
	3. Giới ăn thịt		Không chăm sóc bệnh
	4. Giới ăn ngũ tân		Có người đến xin không bố thí
	5. Giới không dạy người sám tội		Thấy bốn chúng không tiếp đón.
	6. Giới không cúng dường thỉnh pháp		Thấy bốn chúng phạm giới sanh tâm khinh thường
	7. Giới không đi nghe pháp		Không thọ 8 giới trong 6 ngày trai.
	8. Giới có tâm trái bỏ Đại thừa		Không đi nghe pháp
	9. Giới không khán bệnh		Nhận đồ vật của chúng Tăng
	10. Giới chứa khí cụ sát sanh		Uống nước có trùng
	11. Giới đi sứ		Một mình đến chỗ hiểm nạn
	12. Giới buôn bán phi pháp		Người nam qua đêm ở chùa Ni
	13. Giới hủy báng		Đánh người vì của cải
	14. Giới phóng hỏa		Cúng tặng thức ăn để cách đêm.
	15. Giới dạy giáo lý ngoài Đại thừa		Nuôi mèo, chồn
	16. Giới vì lợi mà giảng pháp lộn lạo		Nuôi voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà ...
	17. Giới cậy thế lực quyền tột		Không sắm y bát cúng chúng Tăng
	18. Giới không thông hiểu mà làm thầy truyền giới		Không tìm đất sạch, nước sạch để trồng trọt

19. Giới lưỡng thiệt	Buôn bán không công bằng
20. Giới không phóng sanh	Hành dâm không đúng thời, chỗ
21. Giới đem sân báo sân, đem đánh trả đánh	Trốn nộp thuế quan
22. Giới kiêu mạn không thỉnh pháp	Vi phạm pháp luật
23. Giới khinh ngạo không tận tâm dạy	Có thức ăn mới không cúng dường
24. Giới không tập học Đại thừa	Chúng Tăng không cho vẫn cứ làm
25. Giới tri chúng vụng về	Không nhường đường chư Tăng
26. Giới riêng thọ lợi dưỡng	Phân chia thức ăn cúng Tăng không đều.
27. Giới thọ biệt thỉnh	Nuôi tằm nhả tơ
28. Giới biệt thỉnh Tăng	Đi đường gặp người bệnh không quan tâm
29. Giới tà mạng nuôi sống	
30. Giới quản lý cho bạch y	
31. Giới không mua chuộc	
32. Giới tổn hại chúng sanh	
33. Giới tà nghiệp giác quán	
34. Giới tạm bỏ Bồ-đề tâm	
35. Giới không phát nguyện	
36. Giới không phát thệ	
37. Giới vào chỗ hiểm nạn	
38. Giới trái thứ tự tôn ty	
39. Giới không tu phước huệ	
40. Giới không bình đẳng truyền giới	
41. Giới vì lợi làm thầy	
42. Giới vì người ác giảng giới	
43. Giới cố mỏng tâm phạm giới	
44. Giới không cúng dường kinh luật	
45. Giới không giáo hóa chúng sanh	
46. Giới thuyết pháp không đúng pháp	
47. Giới chế hạn phi pháp	
48. Giới phá diệt Phật pháp	



Giới Bồ tát trong Kinh Ưu-bà-tắc Đức Phật chế ra là để cho người tại gia phát tâm Bồ-đề dù ở nhà thế tục vẫn có cơ hội thực hành Bồ tát hạnh và tu tập như những người xuất gia.

Giới Bồ tát có ba nhóm giới thanh tịnh (S. *trivīdhāni śīlāni*, C: 三聚淨戒: tam tụ tịnh giới): *Thứ nhất* là nhiếp luật nghi giới (S. *sajvara-sīla*, 攝律儀戒) bao gồm: các giới trọng và khinh của Bồ tát. *Thứ hai* là nhiếp thiện pháp giới (S. *Kuśaladharmasajgrāhaka-sīla*, 攝善法戒) nghĩa là làm tất cả các điều lành như Lục độ Ba-la-mật. *Thứ ba* là nhiều ích hữu tình giới (S. *Sattvārthakriyā-sīla*, 饒益有情戒) tức là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Căn cứ theo tính chất của ba nhóm giới Bồ tát có thể nói rằng 48 giới khinh của Bồ tát trong *Kinh Phạm Võng* thì 30 giới đầu được xếp vào nhóm “*nhiếp thiện pháp giới*”, giới 31 đến 40 xếp vào nhóm “*nhiếp chúng sanh giới*”, còn 28 giới khinh trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* phần nhiều thuộc nhóm “*nhiếp thiện pháp giới*”. Điều này có ý nghĩa rằng giới Bồ tát chú trọng thực hành các điều lành, làm lợi ích chúng sanh.

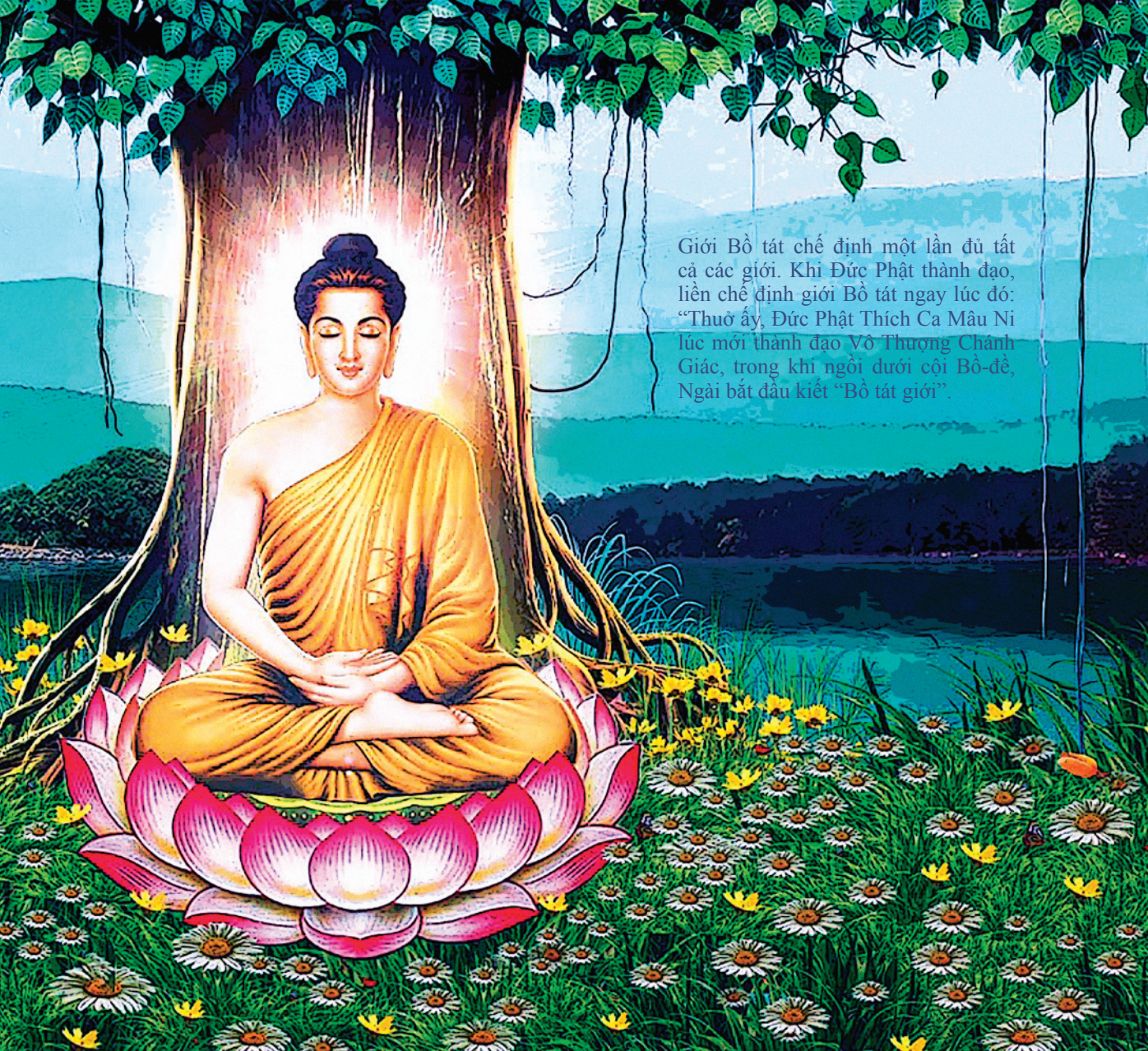
Về số lượng giới điều, Bồ tát tại gia trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* có 6 giới trọng và 28 giới, Bồ tát xuất gia trong *Kinh Phạm Võng* gồm 10 giới trọng và 48 giới khinh. Các giới trọng trong *Kinh Ưu-bà-tắc* tương đồng với 6 giới trọng đầu trong 10 giới trọng của *Kinh Phạm Võng*. Còn về phần giới khinh: Giới thứ 2 Bồ tát xuất gia tương đương với giới 2 Bồ tát tại gia. Giới thứ 7 của Bồ tát xuất gia tương đương với giới thứ 8 của Bồ tát tại gia. Giới thứ 1 của Bồ tát xuất gia tương đương với giới thứ 5 của Bồ tát tại gia. Giới 37 của Bồ tát xuất gia tương đương với giới 11 của Bồ tát tại gia. Giới thứ 9 của Bồ tát xuất gia tương đương với giới thứ 3 và giới 28 của Bồ tát tại gia. Giới 30 của Bồ tát xuất gia tương đương với giới thứ 7 của Bồ tát tại gia. Giới 32 của Bồ tát xuất gia tương đương với giới 15, 19 của Bồ tát tại gia. Còn lại 35 giới của Bồ tát xuất gia không có trong Bồ tát tại gia.

Bên cạnh đó, giới dâm của Bồ tát xuất gia là đoạn hẳn dâm dục, Bồ tát tại gia thì không được tà dâm, vì có đời sống vợ chồng nhưng phải đúng thời, đúng chỗ. Về vấn đề ăn thịt, *Kinh Phạm Võng* vì dành cho Bồ tát xuất gia nên “*không được ăn thịt của mọi loài chúng sanh*”, nghĩa là trường chay. Còn *Kinh Ưu-bà-tắc giới* không thấy quy định rõ về việc này. Điều này có thể suy luận, Bồ tát tại gia nếu trường chay được thì tốt, không trường chay được thì phải ăn chay kỳ. Nguyên nhân có những sự chênh lệch



đó là do đời sống của người xuất gia khác với người tại gia. Người tại gia còn có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với gia đình, xã hội, gia duyên bận rộn không thể dành trọn thời gian và tâm lực để tu tập như người xuất gia. Giới Bồ tát trong *Kinh Ưu-bà-tắc* Đức Phật chế ra là để cho người tại gia phát tâm Bồ-đề dù ở nhà thế tục vẫn có cơ hội thực hành Bồ tát hạnh và tu tập như những người xuất gia.

Về xưng danh của giới trọng, giới khinh, hai bản trên đều có tên gọi bất đồng. Nói về giới trọng, *Kinh Phạm Võng* gọi là “*Ba-la-di tội*” (波羅夷罪), *Ưu-bà-tắc giới Kinh* gọi 6 điều giới trọng là “*Lục trọng pháp*” (六重法). Về giới khinh, *Kinh Phạm Võng* gọi là “*Khinh cấu tội*” (輕垢罪), *Kinh Ưu-bà-tắc giới* gọi là “*Thất ý tội*” (失意罪). Nếu căn cứ trên tinh thần đốn, tiệm mà nói thì *Kinh Phạm Võng* thuộc loại đốn lập. *Kinh Phạm Võng* quyền hạ ghi rằng: “*Người thọ Phật giới, không kể là Quốc*



Giới Bồ tát chế định một lần đủ tất cả các giới. Khi Đức Phật thành đạo, liền chế định giới Bồ tát ngay lúc đó: “Thuở ấy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lúc mới thành đạo Vô Thượng Chánh Giác, trong khi ngồi dưới cội Bồ-đề, Ngài bắt đầu kiết “Bồ tát giới”.

vương, Vương tử, bá quan, tể tướng, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, 18 cõi Phạm Thiên, Thiên tử 6 tầng trời cõi Dục, thứ dân, huỳnh môn, dân nam, dân nữ, nô tỳ, bát bộ quỷ thần, thần kim cương, súc sinh, cho đến người biến hóa, hễ hiểu được lời của Pháp sư đều thọ được giới và đều gọi là thanh tịnh thứ nhất” [7]. Như vậy, một hữu tình bình thường chỉ cần nghe hiểu lời của Pháp sư sẽ được thọ giới và đắc giới, cho nên nói đây là đốn lập.

Kinh Ưu-bà-tắc giới là thuộc về tiệm thứ giới. Trước khi thọ giới phải theo thứ tự cúng dường: cha mẹ, sư trưởng, vợ con, hiện tại tri thức, nô tỳ, đạo nhân xuất gia, và hỏi chín thứ già nạn: Gia đình có cho phép không, thiếu nợ người khác, thân tâm có bệnh, nhiễm ô phạm hạnh, làm tội ngũ nghịch, trộm pháp tặc trụ, người huỳnh môn, hai căn, giết người có tâm đạo, vọng ngữ trước chúng. Nếu phạm một điều thì không được thọ giới. Trước

khí thọ Bồ tát giới (6 giới trọng, 28 giới khinh), phải thọ Tam quy Ngũ giới. Tuy đã thọ ngũ giới, cũng phải trải qua 6 tháng xem xét, rồi ở trong 20 Tỳ kheo làm pháp yết để thọ giới. Vì sao phải nghiêm khắc như thế? Vì: “*Giới Ưu-bà-tắc này làm căn bản của Sa di thập giới, Đại Tỳ kheo giới, Bồ tát giới, cho đến A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Chỉ tâm thọ trì Ưu-bà-tắc giới sẽ được vô lượng lợi ích của các giới ấy*” [8]. Điều này mang ý nghĩa thọ Ưu-bà-tắc giới rồi mới được thọ giới Sa di, Tỳ kheo, Bồ tát.

SỰ KHÁC NHAU GIỮA GIỚI BỒ TÁT VÀ GIỚI TỖ KHEO

Giới Bồ tát thuộc đạo tục thông hành giới, nghĩa là người xuất gia và tại gia đều được thọ. Còn giới Tỳ kheo chỉ dành cho hàng xuất gia. Giới Bồ tát dành cho tất cả chúng sanh nào nghe hiểu được lời truyền giới của Pháp sư. Còn giới Tỳ kheo chỉ dành cho

loài người, đầy đủ 6 căn, không có các bệnh nặng. Giới Bồ tát chú trọng làm lợi ích chúng sanh. Giới Tỳ kheo tập trung tu tập cho bản thân.

Giới Tỳ kheo thì “tùy phạm tùy chế”, nghĩa là phạm lỗi gì Đức Phật sẽ chế giới đó, dần dần mới đủ giới Tỳ kheo. Giới Bồ tát chế định một lần đủ tất cả các giới. Khi Đức Phật thành đạo, liền chế định giới Bồ tát ngay lúc đó: *“Thuở ấy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lúc mới thành đạo Vô Thượng Chánh Giác, trong khi ngồi dưới cội Bồ-đề, Ngài bắt đầu kết “Bồ tát giới” [9].*

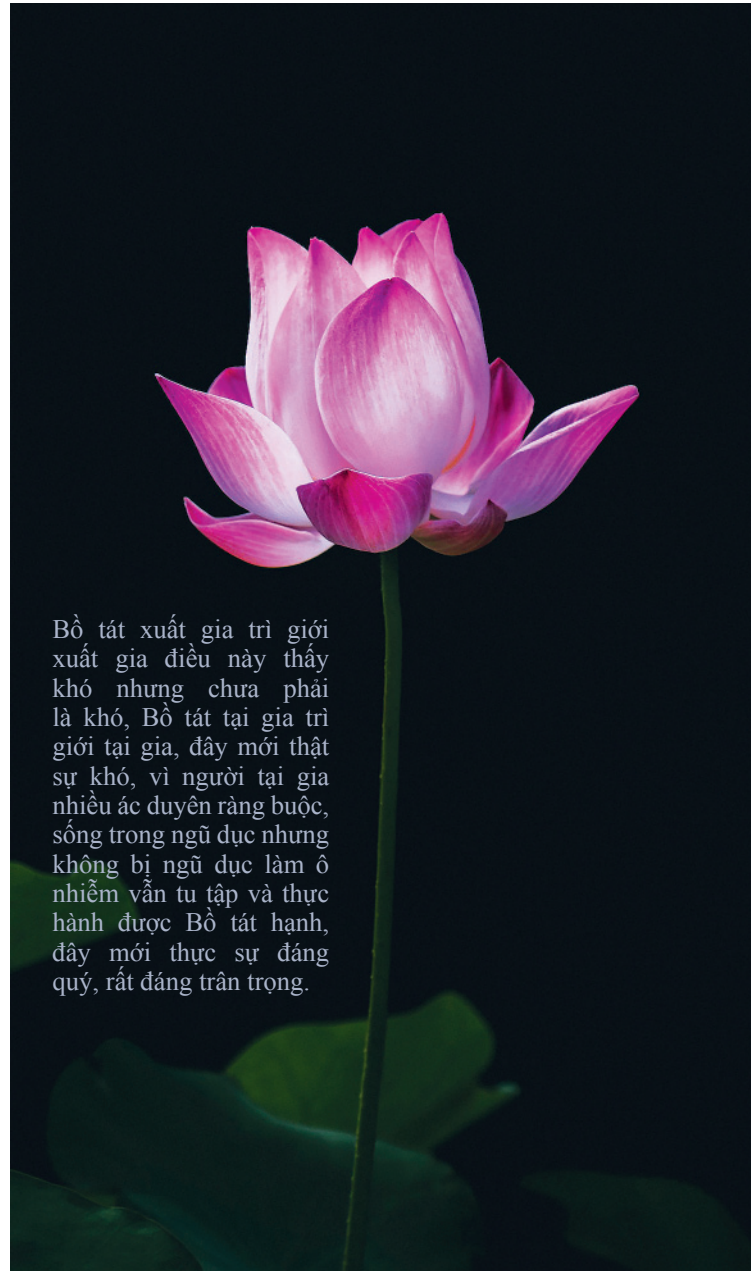
Giới Tỳ kheo chỉ có một cách thọ giới, giới sư do Tăng chủ trì. Giới Bồ tát có 2 cách thọ: tự thọ giới hoặc Pháp sư truyền giới; thỉnh chư Phật, Bồ tát làm Giới sư. Giới Tỳ kheo nếu phạm Ba-la-di thì không thể sám hối, không được thọ giới lại. Giới Bồ tát khi phạm giới trọng vẫn có thể sám hối cho tiêu tội nhưng cần phải thấy hảo tướng.

Giới Tỳ kheo có tác dụng trong một kiếp, khi còn thân người. Giới Bồ tát có tác dụng vô lượng kiếp, dù tái sinh ở đâu, chỉ mất giới thể khi phạm 1 trong 7 tội nghịch hoặc bỏ tâm Bồ-đề. Giới Tỳ kheo thuộc về tân đắc, giới Bồ tát thuộc về huân phát. Nghĩa là giới Tỳ kheo phải trải qua nghi thức thọ giới nghiêm ngặt mới đắc giới thể. Giới thể này sau khi thọ giới mới phát sinh, nên gọi là “tân đắc”. Còn giới Bồ tát là pháp sẵn có của tự tâm *“Giới pháp này cũng chính là bốn nguyện của tất cả Phật, bốn nguyện của tất cả Bồ tát và là chủng tử Phật tánh” [10].* Giới pháp này mỗi chúng sanh đều có đầy đủ nhưng đời này phải thọ giới Bồ tát là để làm cho giới ấy huân tập và phát triển lớn mạnh hơn, cho nên gọi giới Bồ tát thuộc về “huân phát”.

CÁC ĐIỀU KIỆN THỌ GIỚI BỒ TÁT

Đối tượng thọ giới Bồ tát: Đối tượng được thọ giới Bồ tát gồm: Quốc vương, Vương tử, bá quan, tể tướng, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, 18 cõi phạm Thiên, Thiên tử 6 tầng trời cõi Dục, thứ dân, huỳnh môn, dân nam, dân nữ, nô tỳ, bát bộ quỷ thần, thần kim cang, súc sinh, cho đến người biên hóa, hễ hiểu được lời của Pháp sư đều thọ giới và đắc giới.

Điều kiện thọ giới Bồ tát: Điều kiện để được thọ giới Bồ tát là không phạm 1 trong 7 tội nghịch: ác tâm làm thân Phật chảy máu, giết cha, giết mẹ, giết



Bồ tát xuất gia trì giới xuất gia điều này thấy khó nhưng chưa phải là khó, Bồ tát tại gia trì giới tại gia, đây mới thật sự khó, vì người tại gia nhiều ác duyên ràng buộc, sống trong ngũ dục nhưng không bị ngũ dục làm ô nhiễm vẫn tu tập và thực hành được Bồ tát hạnh, đây mới thực sự đáng quý, rất đáng trân trọng.

Hòa thượng, giết A-xà-lê, phá yết-ma tăng, phá pháp luân Tăng, hại bậc Thánh nhân [11] thì mới được thọ giới.

Cách thức thọ giới Bồ tát

Có hai cách để thọ giới Bồ tát: tự nguyện thọ giới và thọ giới với chư Tăng. Nếu trong vòng 1000 dặm mà tìm không có vị Pháp sư truyền giới thì được tự nguyện thọ giới. Nếu Phật tử, sau khi Phật diệt độ, muốn thọ giới Bồ tát thì đối trước tượng Phật, Bồ tát mà tự nguyện thọ giới. Nhưng phải đối trước tượng

Phật, Bồ tát mà sám hối cho đến khi nào thấy được hảo tướng mới được thọ giới. Nếu đối trước vị Pháp sư đã thọ giới Bồ tát mà thọ giới thì không cần thấy hảo tướng. Vì vị Pháp sư ấy là chư sư truyền giới cho nhau, giới tử hết lòng kính trọng cầu giới sẽ được đắc giới [12].

Sám hối khi phạm giới Bồ tát

Nếu có phạm trong mười giới trọng, phải sám hối trước tượng Phật, Bồ tát ngày đêm sáu thời tụng giới Bồ tát tha thiết đánh lễ chư Phật, cho đến khi thấy hảo tướng. Thấy được hảo tướng đó là hiện tượng tội đã tiêu diệt. Nếu người phạm trong 48 giới khinh thì đôi thú sám hối thì tội được tiêu diệt [13].

Tụng giới Bồ tát

Nếu đến ngày Bồ-tát, hàng tân học Phật tử, mỗi nửa tháng luôn Bồ-tát, tụng 10 giới trọng và 48 giới khinh. Lúc tụng giới nên đến trước tượng Phật, Bồ tát mà tụng, chỉ có một người Bồ-tát thì một người tụng. Nếu hai người, ba người nhẵn đến trăm nghìn người thì cũng một người tụng, còn bao nhiêu người ngồi lắng nghe. Người tụng ngồi cao, người nghe ngồi thấp. Mỗi người đều đắp y hoại sắc 9 điều, 7 điều, 5 điều [14]. Đây là cách tụng giới theo kinh Phạm Võng, nếu người tại gia tụng giới Bồ tát cũng như vậy, chỉ khác là y phục nên mặc áo tràng cho trang nghiêm vì người tại gia không có y.

KẾT LUẬN

Như vậy, qua tìm hiểu hai bản kinh ta thấy: Giới Bồ tát trong *Kinh Phạm Võng* dành cho hàng xuất gia thọ trì gồm 10 giới trọng và 48 giới khinh. Giới Bồ tát trong *Kinh Ưu-bà-tắc giới* thì dành cho hàng Bồ tát tại gia tu tập gồm 6 giới trọng và 28 giới khinh. Về căn bản, 6 giới trọng của Bồ tát tại gia tương đương với 6 giới đầu trong 10 giới trọng của Bồ tát xuất gia. Về giới khinh Bồ tát xuất gia nhiều hơn Bồ tát tại gia 20 giới. Nguyên do sự sai khác này là do đời sống của người tại gia nhiều trách nhiệm và bổn phận đối với gia đình và đất nước, nhiều chướng duyên ràng buộc không thể chuyên tâm thực hành Bồ tát đạo. Cả hai hạng Bồ tát tuy điềm khởi đầu khác nhau nhưng mục đích cuối cùng là thành tựu quả vị Phật. Vì vậy, trước hết Bồ tát phải phát tâm Bồ-đề, thọ giới Bồ tát và thực hành Bồ tát đạo.

Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] 梵網經 CBETA, T24, no. 1484
- [2] 優婆塞戒經 CBETA, T24, no. 1488.
- [3] Thích Trí Tịnh dịch, *Kinh Phạm Võng Bồ tát Giới*, Nxb. Tôn giáo, 2008, tr.19. CBETA, T24, no. 1484, p. 1004, b21-25.
- [4] Thích Tịnh Nghiêm dịch, *Tại gia Bồ tát giới kinh*, tr.58. CBETA, T24, no. 1488, p. 1049, a28-b24.
- [5] Thích Trí Tịnh dịch, *Kinh Phạm Võng Bồ tát Giới*, tr.25. CBETA, T24, no. 1484, p. 1005, a25-26.
- [6] Thích Tịnh Nghiêm dịch, *Tại gia Bồ tát giới kinh*, tr.59. CBETA, T24, no. 1488, p. 1049, c1-p. 1050, b5.
- [7] Thích Trí Tịnh dịch, *Kinh Phạm Võng Bồ tát Giới*, Nxb. Tôn Giáo, 2008, tr.19.
《梵網經》卷2：「若受佛戒者。國王王子百官宰相。比丘比丘尼。十八梵天六欲天子。庶民黃門姪男姪女奴婢。八部鬼神金剛神畜生乃至變化人。但解法師語。盡受得戒。皆名第一清淨者」(CBETA, T24, no. 1484, p. 1004, b7-10).
- [8] Thích Tịnh Nghiêm dịch, *Tại gia Bồ tát giới kinh*, bản pdf, 2009, tr.52. (CBETA, T24, no. 1488, p. 1047, a27-p. 1048, a1)
- [9] Thích Trí Tịnh dịch, *Kinh Phạm Võng Bồ tát giới*, tr.17.
《梵網經》卷2：「爾時釋迦牟尼佛。初坐菩提樹下成無上覺初結菩薩波羅提木叉」(CBETA, T24, no. 1484, p. 1004, a23-24)
- [10] Thích Trí Tịnh dịch, *Kinh Phạm Võng Bồ tát Giới*, tr.15.
《梵網經》卷2：「金剛寶戒是一切佛本源。一切菩薩本源。佛性種子」(CBETA, T24, no. 1484, p. 1003, c22-23)
- [11] Thích Trí Tịnh dịch, *Kinh Phạm Võng Bồ tát Giới*, tr.49.
《梵網經》卷2：「七逆者。出佛身血。殺父。殺母。殺和上。殺阿闍梨。破羯磨轉法輪僧。殺聖人。」(CBETA, T24, no. 1484, p. 1008, c1-3)
- [12] Thích Trí Tịnh dịch, *Kinh Phạm Võng Bồ tát giới*, tr.36.
《梵網經》卷2：「若佛子。佛滅度後。欲心好心受菩薩戒時。於佛菩薩形像前自誓受戒。當七日佛前懺悔。得見好相便得戒。若不得好相。應二七三七乃至一年。要得好相。得好相已。便得佛菩薩形像前受戒。若不得好相。雖佛像前受。戒不得戒。若現前先受菩薩戒法師前受戒時。不須要見好相何以故。以是法師師師相授故。不須好相。是以法師前受戒即得戒。以生重心故便得戒。若千里內無能授戒師。得佛菩薩形像前受戒而要見好相。」(CBETA, T24, no. 1484, p. 1006, c5-15)
- [13] Thích Trí Tịnh dịch, *Kinh Phạm Võng Bồ tát Giới*, tr.50.
《梵網經》卷2：「若有犯十戒者應教懺悔。在佛菩薩形像前。日夜六時誦十重四十八輕戒。若到禮三世千佛得見好相。若一七日二三七日乃至一年要見好相。好相者。佛來摩頂見光見華種種異相。便得滅罪。若無好相雖懺無益。是人現身亦不得戒。而得增受戒。若犯四十八輕戒者。對首懺罪滅。」(CBETA, T24, no. 1484, p. 1008, c13-20).
- [14] Thích Trí Tịnh dịch, *Kinh Phạm Võng Bồ tát Giới*, tr.46.
《梵網經》卷2：「若布薩日新學菩薩。半月半月布薩誦十重四十八輕戒。時於諸佛菩薩形像前。一人布薩即一人誦。若二人三人乃至百千人亦一人誦。誦者高座。聽者下坐。各各披九條七條五條袈裟。」(CBETA, T24, no. 1484, p. 1008, a20-24).



Ngôn ngữ ẩn dụ trong một số kinh Pali và A-hàm

SC. Thích Nữ Nhuận Mỹ

Trong các bản Kinh tạng Pali và A-Hàm hoặc Đại thừa chúng ta nhận thấy ngôn ngữ của Đức Phật luôn dồi dào các ngụ ngôn và ẩn dụ. Nghiên cứu về hệ thống ngôn ngữ ẩn dụ của Đức Phật rất đa dạng, phong phú và rất đặc sắc. Những ẩn dụ tiêu biểu dưới đây được trích trong kinh tạng A-hàm là điển hình của phép ẩn dụ được Đức Phật thường sử dụng làm phương tiện để giảng dạy cho hội chúng và mọi người nghe ngay từ thời Đức Phật còn tại thế. Ngôn ngữ ẩn dụ thường được Đức Phật sử dụng, tuy ngắn gọn, súc tích nhưng lại ẩn chứa nhiều triết lý sâu sắc.

PHÉP ẨN DỤ TRONG KINH ĐIỂN PHẬT GIÁO

Ẩn dụ là thuật ngữ chỉ một hiện tượng ngôn ngữ, đồng thời là một hiện tượng tư duy với cả nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Trong nghĩa hẹp, ẩn dụ là biện pháp tu từ (có trong mọi ngôn ngữ) chuyển đặc tính của đối tượng (sự vật hiện tượng) này cho đối tượng khác theo nguyên tắc có sự tương đồng hoặc tương phản về một mặt nào đó giữa chúng. Ẩn dụ nổi bật ở tính biểu cảm, mở ra những khả năng vô tận cho việc nhìn ra nét gần nhau của những sự vật hiện tượng khác xa về nhau. Trong một số trường hợp ngôn ngữ ẩn dụ còn là biện pháp so sánh ngầm [1]. Đức Phật dùng ngôn ngữ ẩn dụ một cách khéo léo để chỉ rõ về sự thật của các pháp, về luật nhân-quả, về vô thường, khổ và vô ngã, tất cả những tính chất thiện, ác, trong tâm thức của chúng sanh... Hơn thế nữa, ngôn ngữ ẩn dụ cũng được Đức Phật dùng để trình bày rõ về sự đối lập của tâm thức: Thiện và ác, sanh tử và giải thoát, vô minh phiền não và cảnh giới giác ngộ Niết bàn an vui, hay thế giới Tịnh độ giải thoát không đâu xa mà sẵn có ở trong tâm của mỗi chúng sanh... Như trong Đại Tạng kinh Việt Nam, *Tương Ưng Bộ Kinh (Samyutta Nikaya), tập 3, III. Phẩm Gánh Nặng*, Đức Phật dùng ẩn dụ về năm thủ uẩn của con người là hình ảnh “gánh nặng” để nói lên cái thân là hợp thể năm uẩn chất chứa sự khổ đau, nặng nề và vô thường: “*Này các Tỳ kheo, thế nào là gánh nặng? Năm thủ uẩn là câu trả lời. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỳ kheo, đây gọi là gánh nặng*” [2].



Đức Phật dùng ngôn ngữ ẩn dụ một cách khéo léo để chỉ rõ về sự thật của các pháp, về luật nhân-quả, về vô thường, khổ và vô ngã, tất cả những tính chất thiện, ác, trong tâm thức của chúng sanh...

“Này các Tỳ kheo, thế nào là gánh nặng? Năm thủ uẩn là câu trả lời. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này các Tỳ kheo, đây gọi là gánh nặng”



ẨN DỤ “GÁNH NẶNG”

Gánh là một khúc cây treo vật nặng hai đầu, người ta đưa vai vào nâng lên và mang vật đó từ nơi này sang nơi khác. Cả vai và toàn cơ thể của người đó phải chịu sự khổ nhọc, nặng nề từ vật nặng hai đầu đòn gánh. Từ “*gánh nặng*” được Đức Phật dùng ẩn dụ chỉ cho thân năm uẩn của chúng ta. Con người là một hợp thể năm thủ uẩn gồm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Năm thủ uẩn vốn là duyên sinh, không có thực thể nhất định, không tồn tại độc lập mà nương vào nhau để tồn tại. Thân năm uẩn vốn dĩ vô thường, vô ngã, nó thường xuyên biến đổi. Vì vậy, người ngu chấp thủ vào năm thủ uẩn làm ngã, cho nó là ta là của ta nên sinh ra tham ái và khổ đau khi thân năm thủ uẩn thay đổi và biến hoại. Qua hình ảnh ẩn dụ của Đức Phật về “*gánh nặng*”,

chúng ta nhận diện được rõ về năm thủ uẩn, luôn quán chiếu thấy rõ sự giả hợp của thân năm thủ uẩn nên không còn tham ái và chấp thủ. Khi không còn tham ái, chấp trước vào năm thủ uẩn nữa, đoạn tận các lậu hoặc thì đạt đến cảnh giới Niết bàn như trong kinh Bát nhã đề cập: “...*Ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách... viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh Niết bàn*...”. Trong Đại Tạng kinh Việt Nam, *Trường Bộ Kinh (Digha Nikaya), tập 3, kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt*, Đức Phật dùng ngôn ngữ ẩn dụ:

... “Chơi xúc xắc, uống rượu
Theo đuổi đàn bà người,
Lẽ sống của người khác,
Thân cận kẻ hạ tiện,
Không thân cận bậc trí,
Người ấy tự héo mòn,
Như trăng trong mùa khuyết...”
[3].

ẨN DỤ “TRĂNG MÙA KHUYẾT”

Đức Phật dùng ngôn ngữ ẩn dụ về sự “*héo mòn*”, “*trăng mùa khuyết*” là những hình ảnh sự vật méo mó, không đẹp, con người thì không thể héo chỉ có cái cây mới héo, cách nói ẩn dụ, so sánh con người cũng giống như loài vô tình đó trở thành nghệ thuật trong văn chương. Điều này cho thấy Đức Phật dùng ngôn ngữ ẩn dụ như là một phương tiện thiện xảo để hóa độ chúng sanh. Đó cũng thể hiện năng lực “*biện tài vô ngại*” trong việc hóa độ chúng sanh của Đức Phật.

Trong đoạn kinh trên qua cách nói ẩn dụ, Đức Phật đã nói đến hạng người ngu si, lười biếng chỉ ham hưởng thụ, chơi bời thân cận ác tri thức, chạy theo các thứ dục lạc ở đời, rồi gây tạo nhiều nghiệp



Đức Phật dùng ngôn ngữ ẩn dụ về sự “*héo mòn*”, “*trăng mùa khuyết*” là những hình ảnh sự vật méo mó, không đẹp, con người thì không thể héo chỉ có cái cây mới héo, cách nói ẩn dụ, so sánh con người cũng giống như loài vô tình đó trở thành nghệ thuật trong văn chương. Điều này cho thấy Đức Phật dùng ngôn ngữ ẩn dụ như là một phương tiện thiện xảo để hóa độ chúng sanh.

ác. Kết quả kẻ ngu như vậy luôn phải gặt hái khổ đau, phiền não. Chúng ta thông qua những lời ẩn dụ của Đức Phật, ý thức để không rơi vào những việc sai trái. Từ đó, dần dần hướng đến kiến toàn nhân cách, đạo đức ngày một trở nên tốt hơn, sống đẹp, sống có ý nghĩa sẽ gặt hái kết quả an vui hơn; hoặc trong Đại Tạng kinh Việt Nam, *Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttara Nikaya)*, tập 2, *Các Uế Nhiễm*, Đức Phật dùng ngôn ngữ ẩn dụ như:

... “*Các Sa-môn, Phạm chí, Sinh sống theo tà mạng. Phật, bà con mặt trời Nói đến uế nhiễm ấy, Bị ô nhiễm bởi chúng, Các Sa-môn, Phạm chí, Không cháy sáng, chói sáng...*” [4].

Đức Phật là bậc đại trí sáng suốt như mặt trời sáng soi; còn ngọn lửa, ánh đèn “*không cháy sáng, chói sáng*”, ẩn dụ so sánh ngầm chỉ cho sự việc các Sa-môn, Phạm chí ngu si bị nhiễm ô bởi các dục lạc thế gian. Đoạn kinh trên Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy các Sa-môn, Phạm chí sinh sống bằng tà mạng, là những nghề nghiệp của thế tục và bị ô nhiễm bởi chúng, không phát huy được vai trò là bậc thầy của trời người, không chói sáng như vậy rất là đáng tiếc. Đức Phật, bậc từ bi và trí tuệ sáng soi, đã dạy các Sa-môn, Phạm chí không nên theo những cách sống tà mạng, không chân chánh làm chướng ngại của sự tu tập, chứng quả giải thoát. Ngôn ngữ ẩn dụ vốn dĩ rất phong phú, đặc sắc và là phương tiện ngôn ngữ chủ đạo mà Đức Thế Tôn thường dùng để thuyết giảng ngay vào thời bấy giờ. Do đó, cách nói ẩn dụ đóng

vai trò quan trọng trong kinh văn và nền văn học Phật giáo.

ẨN DỤ MÀU SẮC CỦA NGHIỆP

Trong kinh *Tăng Chi Bộ - Anguttara Nikaya, Chương IV - Bốn Pháp Phẩm Nghiệp*, Đức Phật dùng ngôn ngữ ẩn dụ để minh họa về bốn nghiệp như sau: ... “*Này các Tỳ kheo, có nghiệp đen quả đen; này các Tỳ kheo, có nghiệp trắng quả trắng; này các Tỳ kheo, có nghiệp đen trắng, quả đen trắng, này các Tỳ kheo, có nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt. Có bốn nghiệp này, này các Tỳ kheo, đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng...*” [5].

“Nghiệp” (Karma) Hán phiên âm là Yết-ma chỉ những cái sở tác thiện, ác, vô ký của thân, khẩu, ý. Từ tính thiện tính ác đó mà cảm thụ được sướng hay khổ, nên gọi là nghiệp nhân. Nếu xảy ra trong quá khứ thì gọi là Túc nghiệp, đang diễn ra ở hiện tại thì gọi là Hiện nghiệp. Nghiệp có 3 loại tiêu biểu: 1. Thân nghiệp có ba loại nghiệp: *Sát sinh, trộm cắp, tà dâm*; Khẩu nghiệp có bốn loại nghiệp: *Nói dối, nói lời hoa mỹ, ác khẩu*; Ý nghiệp có ba loại nghiệp: *Tham lam, sân hận, si mê*.

Định luật nhân quả trong lĩnh vực tinh thần đạo đức là Nghiệp báo. Tái sinh là hệ luật tự nhiên của nghiệp. Nghiệp báo và Tái sinh là hai giáo lý căn bản trong Đạo Phật có liên quan mật thiết với nhau. Từ trước thời Đức Phật, hai học thuyết Nghiệp báo và Tái sinh đã được truyền bá sâu rộng tại Ấn Độ. Tuy nhiên, chính

Đức Phật đã giải thích tường tận và trình bày đầy đủ giáo pháp cao siêu ấy, đến nay vẫn còn lưu truyền [6]. Trong đoạn kinh trên, Đức Phật dùng từ ẩn dụ là những từ chỉ màu sắc, “*ngiệp đen quả đen*”, “*ngiệp trắng quả trắng*”, “*ngiệp đen trắng quả đen trắng*”, “*ngiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng*”. Đó là những cách ẩn dụ trình bày rõ về luật nhân-quả rất ấn tượng dễ dàng khai thị và giác ngộ tâm thức của chúng sanh. Qua đó, còn chứa đựng cả triết lý Phật giáo quan trọng của về nghiệp và nghiệp đoạn diệt giải thoát.

“*Nghiệp đen quả đen*”: Nghiệp đen chỉ cho ác nghiệp do thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp đã gây tạo trong quá khứ và hiện tại gây nên quả đen tức là quả khổ trong hiện tại. Như vậy, do cái nhân xấu ác tức nghiệp đen tạo nên kết quả khổ đau như trong địa ngục là quả đen. Tất cả gì tốt xấu của chúng ta hôm nay đều do việc làm mà chúng ta đã tự tạo trong đời quá khứ và tất cả gì ta làm trong hiện tại sẽ tập thành cái tương lai của chúng ta. Quá khứ và tương lai ai cũng có nhưng không tách rời hiện tại [7]. “*Nghiệp trắng quả trắng*”: Người có trí tuệ, nhận thức rõ về nhân quả của nghiệp, từ đó ba nghiệp thân, khẩu, ý của người đó tạo tác toàn thiện nghiệp (*ngiệp trắng*), đúng chánh pháp, tức là người đó luôn sống trong chánh niệm chân chánh để tạo những thiện nghiệp, lợi ích cho tự thân và cho tha nhân. Do cái nhân từ hành động, việc làm, ý nghĩ chân chánh, người đó dần xa lìa con đường ác đạo mà có kết quả được sống trong cõi an lạc thù thắng, thân

cận những bậc thiện tri thức. “*Nghiệp đen trắng*”, “*quả đen trắng*” là ngụ ý của Đức Phật nói đến người tạo tác nghiệp vừa thiện, vừa ác thì phải gặt hái kết quả cũng vừa thiện tốt vừa xấu ác, không hoàn toàn. “*Nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến đoạn diệt*”. Người giác ngộ, thấy rõ được thực tính của các pháp, thấy rõ được quy luật *nhân-quả* luân hồi và thấy được con đường Chánh đạo, phương thức chứng đắc bốn Thánh quả (*Sơ quả Tu-đà-hoàn, Nhị quả Tu-đà-hàm,*

Tam quả A-na-hàm và Tứ quả A-la-hán). Người đó tiến tu diệt trừ tâm tham, sân, si đạt được vô lậu không còn phiền não, chứng đắc Niết bàn là sự đoạn diệt như đoạn kinh trên Đức Phật đã dạy. Thánh quả A-la-hán là mục tiêu tối hậu của hành giả: “*Sanh đã tận, lậu đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa*”. Dựa trên nền tảng căn bản Giới - Định - Tuệ, hành giả tu tập hành trì Giới luật nghiêm mật để phòng hộ các căn, đó cũng là cách để thực hành thiền định. Do Giới sanh Định, an trú vào Định để thanh lọc phiền não để tâm được thanh tịnh, nhân Định phát sanh Trí huệ. Hành giả sẽ tiến tu để đạt được kinh nghiệm các cấp độ Thiên (*Sơ thiên, Nhị*



“*Này các Tỳ kheo, có nghiệp đen quả đen; này các Tỳ kheo, có nghiệp trắng quả trắng; này các Tỳ kheo, có nghiệp đen trắng, quả đen trắng, này các Tỳ kheo, có nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt. Có bốn nghiệp này, này các Tỳ kheo, đã được Ta chứng ngộ với thắng trí và thuyết giảng...*”

thiên, Tam thiên, Tứ thiên). Đó là *nghiệp không đen trắng quả không đen trắng, là nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt*. Cho nên chư Tổ thường có câu: “*Chẳng tạo nghiệp tự nhiên đắc đạo, nếu người không tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng diệt*” [8].

Thông qua ngôn ngữ ẩn dụ trong bài kinh mà Đức Phật dạy răn về bốn nghiệp. Chúng ta thấy được chỉ do nơi hành động tạo tác qua thân, khẩu, ý của con người mà có bốn nghiệp: “*Nghiệp đen quả đen, nghiệp trắng quả trắng, nghiệp đen trắng quả đen trắng, nghiệp không đen trắng quả không đen trắng, nghiệp đưa đến nghiệp đoạn diệt*”. Sự sai biệt về bốn nghiệp là do cái nhân tốt hay xấu, thiện hay ác đã gây tạo trong hiện tại, trong kinh cũng có

đoạn: “*Bạch Thế Tôn, vì lý do nào và nguyên nhân nào trong đời có người yếu (appayuka) và có người thọ (dighayuka), người bệnh hoạn (bavhaba-dha) và người khỏe mạnh (appabadha), người xấu xa (dubbanna) và người đẹp đẽ (vannavanta),... có người nghèo khổ (appabhoga) và người giàu sang (mahadhoga)*” [9]...

Đức Phật trả lời vẫn tắt như thế này: “*Tất cả chúng sanh đều mang theo cái nghiệp (karma) của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chỉ thân, như chỗ nương tựa. Chính vì*

cái nghiệp riêng của mỗi người mỗi khác nên mới có cảnh dị đồng giữa chúng sanh” [10].

Nhân tố chủ yếu của sự tạo nghiệp là ý thức, vì vậy với ý nghĩ, lời nói và hành động có trí tuệ thì an lạc hạnh phúc theo sau, với ý nghĩ, lời nói hành động do vô minh thì liền phải chịu quả khổ đau, nên chúng ta phải luôn có chánh kiến, trí tuệ. Chúng ta đều có thể thay đổi, chuyển hóa nghiệp lực của mình bằng sự phát tâm tu tập, tạo nghiệp tốt lành, lợi ích cho tự thân và tha nhân. Như vậy, hiểu rõ được lời dạy của Đức Thế Tôn trong kinh tạng, qua những ngôn ngữ ẩn dụ, thì mọi người nhận thức được tầm quan trọng sự tu tập nghiêm túc ngay trong thực tế cuộc sống. Những câu kinh trên cho thấy

rằng, Đức Phật đã ẩn dụ cái nhân chủ yếu là do tâm thiện hay ác con người gây tạo nên chuỗi nhân-quả nghiệp báo luân hồi bất tận. Chính cách ẩn dụ sâu sắc và độc đáo của Đức Phật đã định hình trong tâm thức người nghe chuỗi nghiệp khác nhau, đối nghịch rõ rệt “*nghiệp đen, nghiệp trắng*”.

Y cứ vào vào đó chúng ta có thể liên hệ với thực tế, chỉ có nghiệp nhân thọ Giới trì Giới mới đưa đến quả giải thoát luân hồi khổ đau. Đức Phật chế Giới cho chúng đệ tử xuất gia và tại gia gồm: Trong đó 5 giới của Phật tử tại gia (*Ưu bà tắc, Ưu bà di*) là căn bản, chuẩn mực đạo đức, đó cũng là căn bản đạo đức của mọi người trong xã hội. Năm giới cấm của Phật tử (gồm: 1. Không sát sanh, 2. Không nói dối, 3. Không trộm cắp, 4. Không tà dâm, 5. Không uống rượu). Giới điều này đưa vào áp dụng cho đời sống của con người nhằm ngăn chặn các hành vi ác, bất thiện và để tạo ra an lạc, hạnh phúc thật sự cho chính con người và xã hội [11].

Giới - Định - Tuệ là nền tảng căn bản của sự tu tập, đó cũng là nền tảng thiết lập nên đạo đức trong xã hội. Mỗi cá nhân, mỗi con người trong xã hội thì cần phải có những chuẩn tắc về hành vi để con người có thể y cứ vào đó mà đánh giá các hành vi thiện hay bất thiện. Một hành vi đem đến hạnh phúc cho mình, cho người, cho xã hội là chuẩn tắc để đánh giá [12]. Khi mọi người đã ý thức tu tập thì đạo đức xã hội ngày một lan rộng hơn. Từ đó tự thân mỗi người góp phần đem lại sự an lạc hạnh phúc cho cộng đồng, cho xã hội nên mỗi quốc gia, mỗi đất nước ngày một văn minh hơn, tốt đẹp hơn,

ngày một phát triển hơn. Người xuất gia giữ giới điều theo lời dạy của Đức Phật thì Tỷ kheo có 250 giới điều, Tỷ kheo ni có 348 giới điều. Nên Giới điều tu sĩ xuất gia có tính chất tuyệt đối, triệt để, rõ ràng hơn so với cư sĩ tại gia. Thân, ngữ, ý ba nghiệp đều thanh tịnh là nhân tu tập đưa đến sự đoạn tận mầm mống khổ đau luân hồi làm chuẩn mực đạo đức cao nhất. Khi đạo đức Giới được thực hiện một cách rõ ràng đó là cái nhân đưa con người từ địa vị phàm phu tiến lên địa vị Thánh hiền. Nhưng việc tu tập hành trì *Giới - Định - Tuệ* của người xuất gia cần phải trải qua thời gian lâu dài và theo sự thọ Giới, theo từng cấp bậc từ thấp lên cao theo đúng phương pháp mà Đức Phật đã dạy trong Giới kinh. Song song với việc giữ gìn các Giới điều thì tu sĩ xuất gia luôn nỗ lực phương tiện thực hiện những việc thiện, lành, giúp đỡ cho mọi người, cứu giúp, chia sẻ đối với những chúng sanh đau khổ. Nên hình bóng của người tu sĩ trong Phật giáo là tiêu biểu về đạo hạnh, đạo đức luôn đem lại niềm tin về tâm linh, chỗ nương tựa về tinh thần trong bối cảnh xã hội luôn bất an, đầy vô thường khổ đau, đem lại sự ảnh hưởng rất tích cực cần thiết trong xã hội thực tại.

Thông qua các từ ngữ ẩn dụ trong các đoạn kinh trên như: “*nghiệp đen quả đen*”, “*nghiệp trắng quả trắng*”, “*nghiệp đen trắng quả đen trắng*”, “*nghiệp không đen không trắng, quả không đen không trắng*”; “*gánh nặng*”; “*héo mòn*”, “*trăng mùa khuyết*”; “*Phật, bà con mặt trời*”; “*không cháy sáng, chói sáng*”... Cho thấy ngôn ngữ ẩn dụ là một đặc trưng tiêu biểu, quan trọng, rất đặc sắc

và rất thường gặp trong hệ thống ngôn ngữ kinh tạng Phật giáo. Ngôn ngữ ẩn dụ được Đức Phật sử dụng trong các bài kinh không những thể hiện về sự thật, chân lý, triết lý Phật giáo rất sâu sắc, thiết yếu mà còn rất giàu hình ảnh nghệ thuật, âm thanh, sự vật, sự việc... Thông qua nghệ thuật dùng ngôn ngữ ẩn dụ trong những câu kinh, bài kinh ngắn gọn súc tích, phù hợp với mọi đối tượng, mọi trình độ và căn cơ của chúng sanh. Từ đó, người nghe dễ dàng tiếp thu các triết lý Phật pháp và tu tập, hành trì theo đúng lời dạy của Đức Phật. Nên giáo lý Phật giáo là chính là con đường giúp cho con người đạt được hạnh phúc tối hậu, đó là Niết bàn, sự giải thoát toàn vẹn, vì Đức Phật dạy “*Ta chỉ dạy khổ và con đường diệt khổ*” [13].

Chú thích và tài liệu tham khảo:

- [1] Thích Hạnh Tuệ, *Văn học Phật giáo Việt Nam một hướng tiếp cận*, Nxb. Khoa học Xã hội, 2019, tr.185.
- [2] Đại Tạng kinh Việt Nam, *Tương Ưng Bộ kinh (Samyutta Nikaya), tập 3, Phẩm Gánh Nặng*, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Tôn Giáo, 2018, tr.35
- [3] Đại Tạng kinh Việt Nam, *Trường Bộ kinh (Digha Nikaya), tập 3, Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt*, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb. Tôn Giáo, 2018, tr.185.
- [4] Đại Tạng kinh Việt Nam, *Tăng Chi Bộ kinh (Anguttara Nikaya), tập 2, (X) (50) Các Úc Nhiễm*, HT. Thích Minh Châu dịch, Nxb. Tôn Giáo, 2018, tr.79.
- [5] Đại Tạng kinh Việt Nam, *kinh Tăng Chi Bộ, tập 2, XXIV, Phẩm Nghiệp*, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb. Tôn Giáo, 2018, tr.309-310.
- [6] *Đức Phật và Phật Pháp*, Phạm Kim Khánh dịch, Nxb. Tôn Giáo, 2009, tr.324.
- [7] HT. Thích Trí Quảng, *Hai mươi mùa An cư, quyển 1B*, Nxb. Hồng Đức, 2015, tr.558.
- [8] HT. Thích Trí Tịnh, *Ngộ Tánh Luận*, Nxb. Thanh Hiền, Sài Gòn, 1973, tr.60.
- [9] [10] Phạm Kim Khánh dịch, *Đức Phật và Phật Pháp*, Nxb. Tôn Giáo, 2009, tr.329-330.
- [11] [12] [13] Thích Viên Trí, *Phật giáo qua lăng kính xã hội*, Nxb. Hồng Đức, 2018.

Vô sở trụ trong Vật lý Toán hiện đại

Lê Hữu Dũng



Giai thoại thiên kể rằng: Anh tiêu phu Huệ Năng thoát nhiên đạt ngộ khi nghe câu *Kinh Kim Cang*: “*Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*” (Nên không trụ chỗ nào hết, chơn tâm này mới xuất hiện): Đừng trụ vào đâu để mà sinh cái tâm giác ngộ, đừng khởi vọng tâm trụ chấp một nơi nào cả. Nên để tâm thanh tịnh, chớ nên sinh vọng tâm bám chấp nơi sắc, thanh, hương, vị trần, xúc, pháp. Trong bài viết sau đây, ta thử đối chiếu các đột phá trong nghiên cứu vật lý và toán học hiện đại với tinh thần “*Vô sở trụ*” trong *Kinh Kim Cang*.

NGUYÊN LÝ BẤT ĐỊNH HEISENBERG

Nguyên lý này được các nhà khoa học phát biểu rằng: *Trong cơ học lượng tử, ta không thể xác định chính xác cả vị trí lẫn vận tốc (hay động lượng, hoặc xung lượng) của một hạt vào cùng một lúc. Nếu ta biết một đại lượng càng chính xác thì ta biết đại lượng kia càng kém chính xác.*

Về mặt toán học, hạn chế đó được biểu hiện bằng bất đẳng thức sau:

$$(\Delta x) \cdot (\Delta P_x) \geq \frac{h}{2\pi}$$


trong đó: Δx , ΔP_x lần lượt là sai số của phép đo vị trí, động lượng và h xấp xỉ 6,626069 J.s (hằng số Planck).

Theo tinh thần Phật pháp, thế giới là ảo hóa duyên khởi từ Tánh không. Cái ta thấy là sự tương tác giữa các giác quan của chúng ta (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thể, não bộ) với các mối quan hệ của cấu trúc giả hợp vật chất. Vì vậy, không gian, thời gian và số lượng đều là ảo hóa, đều không có thật và mọi quan sát, đo lường chỉ có tính ước định, tương đối, “vô sở trụ”, thể hiện rõ trong nguyên lý bất định nói trên.

NGUYÊN LÝ RỐI LƯỢNG TỬ

Trong cơ học lượng tử, hai sự kiện cách xa nhau có thể ảnh hưởng lẫn nhau vì liên đới (rối) lượng tử (quantum entanglement). Đó là một mối liên thông toàn cục (global interconnectedness). Nhiều nguyên tử bị kích thích phát ra hai photon đi về hai phía khác nhau. Nếu một cái bị kích thích để xoay thì cái thứ hai cũng xoay theo chiều thẳng góc với cái thứ nhất, dù ở cách xa hàng ngàn dặm.

Theo quan điểm bất định xứ (non locality): Hai photon đó thực ra là một nhưng “phân thân” thành 2 vị



Trong bài viết sau đây, ta thử đối chiếu các đột phá trong nghiên cứu vật lý và toán học hiện đại với tinh thần “Vô sở trụ” trong Kinh Kim Cang.

trí khác nhau: *Bất định xứ là một thể hiện của tinh thần “vô sở trụ”.*

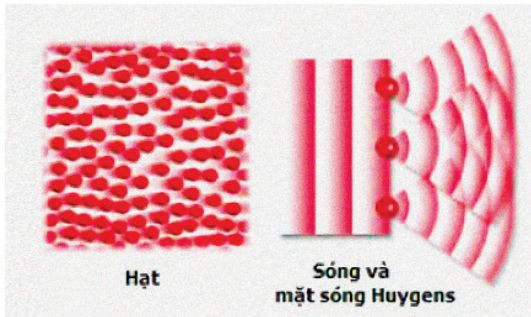
Trong thí nghiệm của Nicolas Gisin năm 2008 tại Geneva, Thụy Sĩ, photon có thể xuất hiện ở hai vị trí khác nhau, cách nhau 18 km. Còn trong thí nghiệm của Maria Chekhova và các đồng sự tại Viện Khoa học Ánh sáng Max Planck và Đại học Moscow năm 2012, hạt photon xuất hiện ở 100.000 vị trí khác nhau. Giải thưởng Bell 2017 về trao cho 3 nhà khoa học Ronald Hanson (Hà Lan), Sae Woo Nam (Mỹ), Anton Zeilinger (Áo) về các thí nghiệm chứng minh sự tồn tại rối lượng tử với độ tin cậy cao nhất từ trước đến nay.

Năm 2019, lần đầu tiên, các nhà vật lý đã chụp được một bức ảnh về hiện tượng rối lượng tử [1].

Những bằng chứng thực nghiệm “*bất định xứ*” trên làm ta liên tưởng đến câu chuyện ẩn dụ trong *Duy Ma Cật Sở Thuyết Kinh*: Một bát com nhỏ xíu của Bồ tát chia cho tất cả vô số chúng trong hội ăn (mỗi người một vốc com to bằng núi Tu Di), mà com vẫn còn dư!

NGUYÊN LÝ LƯƠNG TÍNH SÓNG HẠT (wave - particle duality principle).

Ánh sáng có thể hiện “sóng” (trong hiện tượng giao thoa, nhiễu xạ...) nhưng lại thể hiện tính chất “hạt” (trong hiệu ứng quang điện).



Có 2 quan điểm đối lập về ánh sáng. Quan điểm “sóng” nhìn ánh sáng giống như sóng trong tự nhiên, chúng tạo ra năng lượng và truyền trong không gian theo kiểu tương tự như các gợn sóng liên tục lan tỏa trên mặt nước phẳng lặng sau khi bị một vật làm nhiễu động. Quan điểm “hạt” lại cho rằng ánh sáng gồm dòng các hạt rời rạc đều đặn bắn ra từ nguồn sáng.

Trước thế kỉ XX, mỗi quan điểm trên chỉ được nhất trí trong một khoảng thời gian, rồi lại bị lật đổ bởi bằng chứng cho quan điểm kia. Đến đầu thế kỉ XX, thí nghiệm giao thoa ánh sáng qua khe Young (xem ánh sáng là sóng) và hiệu ứng quang điện của A.Einstein (xem ánh sáng là hạt) là hai trong số các bằng chứng thuyết phục khẳng định cả hai lý thuyết đều đúng: Ánh sáng vừa là sóng (sóng điện từ) vừa là hạt (photon) tùy theo cách quan sát thông qua kiểu thiết kế thí nghiệm [2].

Là hạt hay là sóng? Lời đáp là “vô sở trụ” bởi đó là hai cách nhìn giả lập về ánh sáng!

ĐỊNH LÝ BẤT TOÀN CỦA KURT GODEL (theorem of incompleteness)

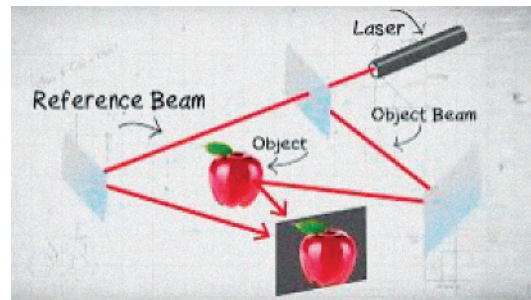
Trong một hệ tiên đề hình thức bất kì luôn tồn tại những vấn đề mà ta không thể thừa nhận hay bác bỏ mà chỉ dựa trên các tiên đề đã cho. Điều “vô sở trụ” đó nghĩa là vấn đề nói trên độc lập với hệ tiên đề đã cho!

Đầu thế kỉ XX, hệ tiên đề tập hợp Zermelo-Fraenkel được đề xuất để xây dựng một lý thuyết tập hợp không còn các nghịch lý như nghịch Russell. Từ hệ tiên đề ZF đó, ta có hệ tiên đề ZFC bằng cách bổ sung Tiên đề chọn (axiom of Choice): Trong một họ các tập hợp không rỗng, có thể chọn ra từ mỗi tập hợp đúng một phần tử.

Cuối thế kỉ XIX, nhà toán học Cantor đã chứng minh: Lực lượng đếm được Z (của tập số nguyên, số hữu tỉ) nhỏ hơn lực lượng Continuum của tập số thực R. Vấn đề tự nhiên đặt ra là: có hay không một tập hợp có lực lượng lớn hơn lực lượng đếm được và nhỏ hơn lực lượng Continuum? Cantor cho rằng không có tập đó (giả thuyết continuum). Giả thuyết continuum là bài toán đầu tiên trong 23 bài toán chưa giải được do Hilbert đưa ra năm 1900. Mãi đến năm 1963, Paul Cohen mới chứng minh được giả thuyết này độc lập với ZFC, tức là ta có thể khẳng định hay phủ định giả thuyết Continuum và thêm nó vào như một tiên đề độc lập với ZFC, theo nghĩa nếu ZFC nhất quán thì lý thuyết mới cũng nhất quán. Kết quả kỳ diệu này (minh họa ấn tượng cho định lý bất toàn) dẫn đến giải thưởng Fields (giải thưởng cao quý nhất trong Toán học) trao cho

ông Paul Cohen năm 1966. Cũng trong tinh thần vô sở trụ của định lý bất toàn, sau này, nhiều khẳng định khác trong giải tích, tô-pô và lý thuyết độ đo cũng được chứng minh là độc lập với ZF.

NGUYÊN LÝ TOÀN ẢNH (Holographic Principle)



Trong phương pháp chụp ảnh toàn ký, hologram là một ảnh 2 chiều (2-D), nhưng khi được nhìn dưới những điều kiện chiếu sáng nhất định (bằng tia laser) thì tạo nên một hình ảnh 3 chiều (3-D) trọn vẹn. Mọi thông tin mô tả vật thể 3-D đều được mã hoá trong mặt biên 2-D. Như vậy ta có hai thực tại 2 chiều và 3 chiều tương đương với nhau về mặt thông tin.

Kỹ thuật toàn ký đưa đến ý tưởng của nguyên lý toàn ảnh: Thông tin của một vùng không gian có hấp dẫn có thể mã hoá không có hấp dẫn trên mặt biên của vùng không gian đó. Như vậy, các mô tả không gian 3 chiều có thể thực hiện trên một mặt 2 chiều, giống như một bức tranh toàn ảnh (hologram) trong không gian 2 chiều có thể chứa tất cả thông tin của một vật thể 3 chiều.

Năm 1993, nhà vật lý Hà Lan Gerard 't Hooft đề ra nguyên lý Holographic: *Tồn tại một vật lý n-D trên mặt biên (không gian n chiều) mô tả được hoàn toàn vật*

lý $(n+1)$ -D của hệ nằm trong mặt biên (không gian $n+1$ chiều). Năm 1997, Maldacena (Đại học Harvard) đã thực hiện nguyên lý holography nhờ thiết lập mối quan hệ sau: Một vũ trụ mô tả bởi lý thuyết siêu dây (có hấp dẫn) trong một mô hình không-thời gian 5 chiều tương đương với một lý thuyết trường lượng tử (không chứa hấp dẫn) trên mặt biên 4 chiều của không-thời gian đó.

Sau nhiều công trình nghiên cứu, nguyên lý Holographic bây giờ chứng tỏ có thể thiết lập mối quan hệ giữa các đại lượng trong vùng không gian 3D sang mặt biên 2D của chính vùng đó: Vật lý trên mặt biên (xem như Hologram) mô tả tương tác của các hạt như quark, gluon (không có hấp dẫn) sẽ tương đương với vật lý thuộc không gian nằm bên trong mô tả bởi lý thuyết siêu dây như thế có chứa cả hấp dẫn! Nguyên lý holographic đã vén mở một góc khác của bức màn để lộ một con đường xây dựng lý thuyết hấp dẫn lượng tử nhằm thống nhất lý thuyết lượng tử và lý thuyết hấp dẫn, hướng đến TOE (Theory Of Everything - lý thuyết của tất cả) [3].

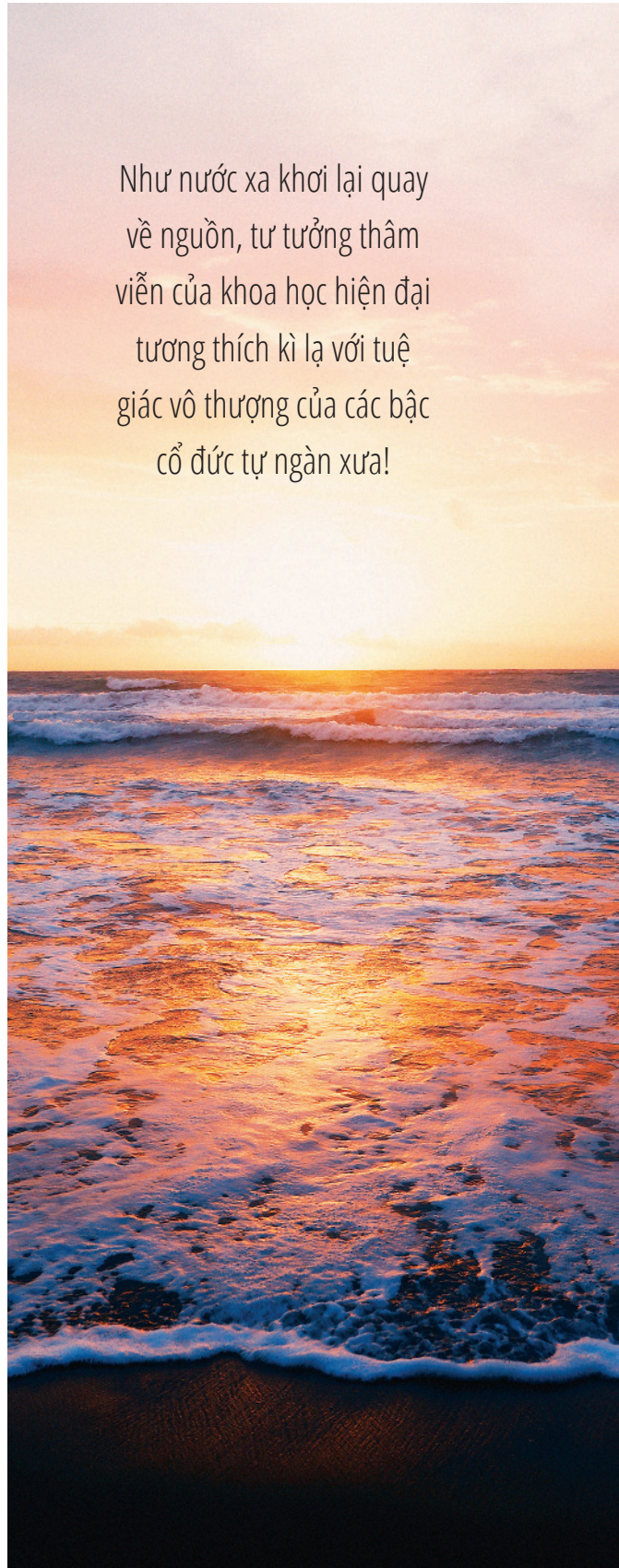
Tình hình nan giải của việc thống nhất 2 trụ cột trên của vật lý hiện đại - không thể xây dựng lý thuyết hấp dẫn lượng tử là do không thể mô tả hấp dẫn với sự chồng chập lượng tử (quantum superposition). Phải chăng điều bất khả là các đo nhà vật lý cổ *bám cháp, trụ vào một trong hai* cách mô tả bất tương thích (cơ học tương đối và cơ học lượng tử). Nguyên lý Toàn ảnh có thể như một siêu giải pháp “*vô sở trụ*” để cho hấp dẫn xuất hiện khi chuyển từ vật lý mặt biên (không có hấp dẫn) vào không gian bên trong...

Thật kì lạ, tinh thần “*Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*” lại hàm chứa khả năng “*ứng nghiệm*” trong nỗ lực vượt qua con khủng hoảng của vật lý hiện đại!

KẾT LUẬN Tính phi định xứ của rối lượng tử, nguyên lý bất định Heisenberg, lưỡng tính sóng hạt, định lý bất toàn của Godel và nguyên lý Toàn ảnh là các biểu hiện lý tính tinh vi của tinh thần *Vô sở trụ* trong *Kinh Kim Cang*. Như nước xa khơi lại quay về nguồn, tư tưởng thâm viển của khoa học hiện đại tương thích kì lạ với tuệ giác vô thượng của các bậc cổ đức tự ngàn xưa!

Tài liệu tham khảo:

- [1] “*Spoooky’ Quantum Entanglement Finally Captured in Stunning Photo*” [<https://www.livescience.com/65969-quantum-entanglement-photo.html>].
- [2] Kenneth R. Spring, Michael W. Davidson: *Lưỡng tính sóng hạt của ánh sáng* [<http://thuvienvatly.com>].
- [3] Cao Chi: *Vật lý hiện đại. Những vấn đề thời sự. Từ Bigbounce đến Vũ trụ toàn ảnh*. Nxb. Tri thức, Hà Nội.



Như nước xa khơi lại quay về nguồn, tư tưởng thâm viển của khoa học hiện đại tương thích kì lạ với tuệ giác vô thượng của các bậc cổ đức tự ngàn xưa!



Thiền Tài

Người tu theo Hoa Nghiêm chủ trương dùng Bồ tát hạnh để giáo hóa chúng sanh, trang nghiêm Phật độ.

đồng tử

và con đường vắng sanh Tịnh độ
trong Kinh Hoa Nghiêm

ĐĐ. Thích Đồng Thuận

Kinh Hoa Nghiêm là một bản kinh lớn, giữ vị trí vô cùng quan trọng trong hệ thống tư tưởng văn học Phật giáo Đại thừa. Không những thế, *Kinh Hoa Nghiêm* còn chứa đựng đầy đủ các tư tưởng triết học Phật giáo, kể cả triết học thời kỳ Nguyên thủy và Bộ phái. Từ những giáo lý căn bản như *Tứ đế*, *Duyên khởi* đến tư tưởng triết học *Vô ngã*, *Tánh không*, từ các phương pháp tu tập dẫn tới sự chứng đắc tứ quả cho đến con đường thực hành Bồ tát đạo, Hoa Nghiêm đều trình bày rõ ràng, đầy đủ. Điểm đặc biệt của *Kinh Hoa Nghiêm* là sự diễn tả về Hoa tạng thế giới. Nói cách khác, Hoa Nghiêm trình bày về vũ trụ luận Phật giáo chi tiết và tường tận. Vũ trụ trong *Kinh Hoa Nghiêm* được khắc họa như một đóa sen ngàn cánh xinh đẹp. Trên mỗi cánh

sen là một quốc độ thanh tịnh và trong mỗi quốc độ thanh tịnh ấy đều có một vị Phật đang chuyển pháp luân.

Trong Hoa tạng thế giới ấy, nổi bật hơn cả là thế giới Ta bà - nơi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang giáo hóa và thế giới Cực lạc - nơi Đức Phật A Di Đà làm Giáo chủ. Đây là hai thế giới được diễn tả tương đối chi tiết trong tổng thể các thế giới hải nhắc đến trong *Kinh Hoa Nghiêm*. Nhìn chung, dù là thế giới Ta bà, thế giới Cực lạc hay thế giới nào đi nữa cũng đều hình thành do hai yếu tố chính đó là nguyện lực của chư Phật và nghiệp lực của chúng sanh. Trong *Kinh Hoa Nghiêm*, có rất nhiều phẩm kinh trình bày về tư tưởng Tịnh độ và pháp môn niệm Phật. Thế nhưng phẩm kinh đề cập nhiều và

nổi tiếng nhất mà bất kì hành giả Đại thừa nào cũng từng nghe qua là phẩm Nhập pháp giới với hình ảnh chàng Phật tử Thiện Tài có tinh thần cầu đạo, học đạo không mệt mỏi nơi 53 vị thiện tri thức.

Đã từ lâu, hình ảnh chàng Phật tử này đã trở thành hình tượng mẫu mực cho hầu hết giới nam thanh, nữ tú Phật tử noi theo, nhất là Phật giáo Bắc truyền. Chàng thanh niên này đã truyền cảm hứng cho biết bao thế hệ người con Phật. Chính lý tưởng cao đẹp và tinh thần nhiệt thành cầu đạo ấy đã trở thành ngọn lửa thiêng liêng bất diệt soi sáng cho con đường học đạo của chúng ta. Tinh thần cầu đạo không mệt mỏi của Thiện Tài đã chạm đến trái tim của các bậc Thánh. Vì vậy, đi tới đâu, Thiện Tài cũng luôn được các bậc thiện tri thức hết lòng hướng

Theo Phật Quang Đại Từ Điển giải thích “Thiện căn cũng gọi là Thiện bản, Đức bản. Tức cội rễ sinh ra các pháp lành”.



dẫn và khen ngợi. Có thể thấy, mục tiêu - lý tưởng của Thiện Tài là thành tựu trí tuệ giác ngộ, chứng đắc Vô thượng Bồ đề và kiến tạo nên một Phật quốc lý tưởng. Để đạt được mục tiêu trên, Thiện Tài bắt buộc phải trải qua quá trình học và tu vô cùng nghiêm túc. Trong đó, chí nguyện cầu sanh Tịnh độ cũng là một phần không thể thiếu để đạt đến trí tuệ viên mãn. Lý tưởng cầu sanh Tịnh độ của đồng tử Thiện Tài thể hiện rất rõ trong phẩm Nhập pháp giới, khi Thiện Tài đến tham học các bậc thiện tri thức. Đặc biệt là khi Thiện Tài đến tham học Tỳ kheo Đức Vân và được chỉ rõ về pháp môn niệm Phật. Đây là pháp môn căn bản để sanh về Tịnh độ nói chung và Tịnh độ Tây phương của Phật A Di Đà nói riêng. Thế nhưng, để sanh về Tịnh độ phải có phương pháp. Con đường ấy đòi hỏi đi qua bốn giai đoạn: Gieo trồng thiện căn, phát khởi Bồ đề tâm, thân cận thiện tri thức và thực hành pháp niệm Phật.

1. GIEO TRỒNG THIỆN CĂN

Theo Phật Quang Đại Từ Điển giải thích “Thiện căn cũng gọi là Thiện bản, Đức bản. Tức cội rễ sinh ra các pháp lành” [1]. Ba đời chư

Phật, vô lượng Thánh hiền đều từ đây mà xuất sanh, đều từ đây mà thành tựu. Chúng sanh trong cõi Ta bà, phần nhiều hay làm việc sai trái, khiến thiện căn công đức suy giảm, do đó chìm đắm mãi trong bể khổ sanh tử luân hồi, khó mong thoát khỏi những tai ương. Còn người thường xuyên gieo trồng căn lành, sẽ gặt được quả phước đức, do đó thường gặp những thắng duyên trong cuộc đời. Chúng sanh ở cõi Ta bà chẳng chịu gieo trồng căn lành, còn gặp phải những khó khăn như thế, huống là việc cầu sanh về Tịnh độ lại càng khó gấp muôn lần.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, Bồ tát Di Lặc đã chỉ dạy rất rõ cho Thiện Tài về tầm quan trọng của việc gieo trồng căn lành: “Thiện nam tử! Nếu các chúng sanh chẳng gieo căn lành thời chẳng có thể phát tâm Vô thượng Bồ đề. Cần phải được phổ môn thiện căn quang minh, đủ chơn thiết đạo tam muội trí quang, xuất sanh những phước hải quảng đại, tăng trưởng pháp bạch tịnh không có lười nghĩ, thờ thiện tri thức chẳng môi nhàm, chẳng kể thân mạng, không thể cắt chừa, tâm bình đẳng như mặt đất không có niệm cao hạ, tánh thường từ mẫn với tất cả chúng

sanh, nơi các loài sanh tử chuyên niệm chẳng bỏ, hằng thích quán sát cảnh giới Như Lai. Có như vậy mới phát được tâm Vô thượng Bồ đề” [2]. Như vậy, gieo trồng căn lành chính là giai đoạn phát khởi thiết yếu của bất kỳ hành giả nào, dù tu tập bất kỳ pháp môn nào. Bởi lẽ thiện căn là cội rễ sinh ra các pháp lành và pháp lành là cội rễ của phước đức. Người có đầy đủ nhân duyên, phước đức sẽ được chư Phật hộ niệm, được thiện tri thức giúp đỡ, nhờ đó có thể thành tựu thánh hạnh. Người mà đoạn các thiện căn công đức thì khó mà thành tựu được nhơn hạnh hưởng gì là thánh hạnh “Này thiện nam tử! Nếu có chúng sanh chẳng gieo căn lành, chẳng được thiện hữu nhiếp thọ, chẳng được chư Phật hộ niệm” [3]. Do đó, muốn sanh về Tịnh độ, trước phải gieo trồng căn lành, vun bồi công đức để làm tư lương trên lộ trình giải thoát.

2. PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

Bồ đề tâm tiếng Phạn là “Bodhi-citta. Gọi đủ A nậu đa la tam miệt tam Bồ đề tâm. Cũng gọi là: Vô thượng chính chân đạo ý, Vô thượng Bồ đề tâm, Vô thượng đạo tâm, Vô thượng đạo ý, Đạo tâm, Đạo ý, Đạo niệm,



Vũ trụ trong *Kinh Hoa Nghiêm* được khắc họa như một đóa sen ngàn cánh xinh đẹp. Trên mỗi cánh sen là một quốc độ thanh tịnh và trong mỗi quốc độ thanh tịnh ấy đều có một vị Phật đang chuyển pháp luân.

Giác ý. Tức là tâm cầu Bồ đề vô thượng (cầu thành Phật)... Người cầu sinh Tịnh độ, cũng phải phát tâm Bồ đề” [4]. Tâm Bồ đề là tâm giác ngộ, tâm Phật. Người phát khởi tâm Bồ đề là người đang phát khởi nguyện vọng thành tựu quả Phật. Trong Kinh Hoa Nghiêm, đồng tử Thiện Tài đã được Tỳ kheo Hải Vân hướng dẫn cách phát tâm Bồ đề: “Phát Bồ đề tâm là phát tâm đại bi vì cứu khắp tất cả chúng sanh. Là phát tâm đại từ, vì khắp giúp tất cả thế gian. Là phát tâm an lạc, vì làm cho tất cả chúng sanh diệt tất cả khổ. Phát tâm lợi ích, vì làm cho tất cả chúng sanh lia ác pháp. Phát tâm ai mãn, vì có ai kinh sợ gì đều giữ gìn. Phát tâm vô ngại vì rời bỏ tất cả chướng ngại. Phát tâm quảng đại, vì tất cả pháp giới đều đầy khắp. Phát tâm vô biên, vì khắp cõi hư không đều qua đến. Phát tâm rộng rãi vì đều thấy tất cả Như Lai. Phát tâm thanh tịnh, vì trí không trái với pháp tam thế. Phát tâm trí huệ, vì vào khắp biển Nhứt thiết trí huệ” [5].

Nếu gieo trồng căn lành là cội rễ của phước đức thì tâm Bồ đề được ví như đại địa có thể nâng đỡ, bảo bọc các hạt giống lành. Các hạt giống lành phải gieo trồng trên

đất tâm mới có thể phát triển tươi tốt. Nếu các hạt giống lành không được gieo trồng trên mảnh đất tâm ấy thì sẽ lụi tàn, khô héo. Cho nên, kinh nói quên mất tâm Bồ đề mà thực hành các thiện pháp, đều là ma nghiệp. Người nào phát khởi tâm Bồ đề sẽ được chư Phật nhiếp trì, thiện tri thức tán thán và chư Thiên ngày đêm ủng hộ. Vì vậy, khi Thiện Tài đến chỗ các bậc thiện tri thức, Đồng tử này luôn trình bày việc phát khởi tâm Bồ đề của mình và được các vị thiện tri thức hết lòng tán thán, ra sức giúp đỡ. Do thế, việc phát khởi tâm Bồ đề là điều kiện tối quan trọng, không thể thiếu để hành giả tiến vào sâu hơn trên đạo lộ tu tập tâm linh của mình. Ví như người muốn xây nhà, trước phải phát khởi ý niệm chọn đất để xây nhà thì mới có thể tiến hành việc xây dựng căn nhà. Cũng vậy, người muốn kiến tạo một Phật quốc lý tưởng, một Tịnh độ thù thắng thì phải phát khởi tâm Bồ đề, có như vậy mới có thể thành tựu được trí nghiệp vãng sanh: “*Này thiện nam tử! Nếu có ai phát được tâm Vô thượng Bồ đề thì là chẳng dứt mất tất cả Phật chủng. Thì là nghiêm tịnh tất cả Phật độ. Thì là thành thực tất cả chúng sanh” [6].*

3. THÂN CẬN THIÊN TRI THỨC

Từ cổ chí kim, tình bằng hữu luôn là mối quan hệ cao đẹp và vô cùng thiêng liêng. Có những người sống cả đời chỉ mong cầu tìm được một tri kỉ, một người bạn khắc cốt tâm giao. Rất ít trong chúng ta có thể tìm ra một người bạn đúng nghĩa, một người có thể sát cánh trong tất cả những buồn vui cuộc đời. Cho nên người xưa mới thốt lên rằng quen biết khắp thiên hạ, tri kỉ được mấy người. Tình bạn theo quan điểm của Phật giáo không dừng lại ở chỗ hiểu được tâm ý ta, có thể cùng ta đi qua những vui buồn của nhân tình thế thái, mà phải tiến tới chỗ cùng nhau giải thoát khỏi những buồn vui của nhân tình thế thái. Chúng ta kết bạn không phải để gặp và kể nhau chuyện đời, những vinh nhục, ai oán, mà để học hỏi, nâng đỡ và trợ liệu tận gốc những nỗi phiền trong tâm.

Trong *Quy Sơn cảnh sách*, tổ Quy Sơn có dạy: “*Sanh ta ra là do cha mẹ, làm nên ta là do bằng hữu. Gần gũi người lành như đi trong sương móc, tuy không ướt áo mà dần dần thấm nhuần. Gần gũi kẻ ác, thêm ác tri kiến, sớm tối làm ác, trước mắt chịu quả báo, chết rồi phải*

*trầm luân, một khi mất thân người, muốn kiếp khó tìm lại được.” [7] (Sanh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả bằng hữu. Thân phụ thiện giả như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận, hiệp tập ác giả, trường ác tri kiến, hiểu tịch tạo ác, tức mục giao báo, một hậu trầm luân, nhất thất nhân thân, vạn kiếp bất phục). Quả thật, việc kết giao bằng hữu là việc rất đáng tôn quý, nhưng ở chọn nơi, chời chọn bạn. Nhất là với những người đang trên lộ trình học đạo giải thoát, việc lựa chọn bằng hữu để cùng tu tập là việc vô cùng quan trọng. Người bạn đạo trong Phật giáo gọi là thiện tri thức. Thân cận các bậc thiện tri thức là một trong những thắng duyên của đời sống tu hành. Thiện tri thức là người bạn pháp, người mẹ hiền, người cha, người thầy trí tuệ có thể giúp đỡ, hướng dẫn ta đi đúng hướng, tránh khỏi những sa đọa, những cám dỗ của cuộc đời. “*Này thiện nam tử! Thiện tri thức như từ mẫu, vì xuất sanh Phật chủng. Như từ phụ, vì lợi ích rộng lớn. Như nhũ mẫu, vì thủ hộ chẳng cho làm ác. Như giáo sư, vì dạy sở học của Bồ tát. Như Đạo sư, vì hay chỉ đường Ba-la-mật. Như lương y, vì hay chữa bệnh phiền não*” [8].*

Người nào mong muốn thành tựu được các Thánh hạnh thì phải mong cầu thiện tri thức, tôn thờ thiện tri thức “*Này thiện nam tử! Nếu muốn thành tựu Nhất thiết chủng trí thì phải quyết định cầu thiện tri thức. Này thiện nam tử, cầu thiện tri thức chớ có môi lười. Thấy thiện tri thức chớ có nhàm đủ. Thiện tri thức có dạy bảo điều chi phải đều tùy thuận. Nơi thiện hảo của thiện tri thức chớ thấy lỗi lầm*” [9]. Đồng tử Thiện Tài trong *Kinh Hoa Nghiêm* nghe theo sự hướng dẫn của Bồ tát Văn Thù mà phát tâm lên đường

tim cầu học đạo nơi các bậc thiện tri thức. Từ các vị Bồ tát, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, đến các vị ngoại đạo Bà la môn, các Tiên nhân, thương nhân, phi nhân... Thiện Tài đều đến cầu đạo bằng tâm chí thành và bình đẳng. Nhờ lộ trình tham vấn nơi 53 vị thiện tri thức đại diện cho mọi tầng lớp xã hội này mà Thiện Tài đã tôi luyện cho mình những phẩm hạnh cao quý của một người học Phật.

Đặc biệt, khi đến tham học với Tỳ kheo Đức Văn, Thiện Tài đã được chỉ dạy về pháp môn niệm Phật. Từ đó, Thiện Tài có thể thấy được vô lượng chư Phật và vô lượng cõi Tịnh độ trong khắp mười phương. Thiện Tài đã được chư Phật ở khắp các cõi Tịnh độ ấy nhiếp trì, hộ niệm cho nên Thiện Tài đã mau chóng đạt được sức chánh niệm quán sát và có thể đi vào “*Trí tuệ quang minh môn, Bồ tát giải thoát môn, Bồ tát tam muội môn, Bồ tát*



Nếu gieo trồng căn lành là cội rễ của phước đức thì tâm Bồ đề được ví như đại địa có thể nâng đỡ, bảo bọc các hạt giống lành. Các hạt giống lành phải gieo trồng trên đất tâm mới có thể phát triển tươi tốt.

đại hải môn, Chư Phật hiện tiền môn, Chư Phật phương sở môn, Chư Phật quý tộc môn, Chư Phật đẳng hư không giới môn, Chư Phật xuất hiện thứ đệ môn, Chư Phật sở nhập phương tiện môn” [10]. Sở dĩ Thiện Tài đạt được những thành tựu như trên, trước hết đó là nhờ vào sự chỉ dạy của thiện tri thức vậy.

4. THỰC HÀNH PHÁP NIỆM PHẬT

Gieo trồng thiện căn, phát tâm Bồ đề, thân cận thiện tri thức đây là những duyên nhân. Còn niệm Phật mới là chánh nhân để được sanh về cõi Phật. Do đó, muốn được vãng sanh về thế giới của chư Phật, đòi hỏi hành giả phải thực hành pháp niệm Phật thì mới có thể vãng sanh về cõi Phật như ý nguyện. Như một người muốn được sanh về cõi Phật Dược Sư, vị ấy phải đêm ngày phát tâm thọ trì danh hiệu của Ngài. Lấy việc trì niệm danh hiệu của Ngài làm chánh nhân để được vãng sanh. Còn người muốn vãng sanh về cõi Phật A Di Đà, vị ấy phải thọ trì danh hiệu của Phật A Di Đà để được Ngài và Thánh chúng tiếp dẫn. Theo *Phật Quang Đại Từ Điển* giải thích: “*Niệm Phật: Trong tâm nhớ nghĩ về pháp thân của Phật, quán tưởng thân tướng cụ thể của Phật, hoặc quán tưởng công đức của Phật, cho đến miệng xưng niệm danh hiệu của Phật... đều gọi là niệm Phật... Trong các kinh A-hàm, niệm Phật tức là bày tỏ lòng quy kính, lễ bái, tán thán, nhớ nghĩ đối với Phật Thích Ca Mâu Ni. Nhờ công đức niệm Phật mà diệt trừ được tham sân si, được sanh lên cõi trời, được chứng nhập Niết bàn...*” [11].

Trong *Kinh Hoa Nghiêm*, khi Thiện Tài đến gặp Tỳ kheo Đức Văn,

Thiện Tài đã được chỉ dạy về pháp môn “*Ưc niệm nhưt thiết cảnh giới chư Phật trí huệ quang minh phổ kiến*”, tức là nhớ nghĩ đến vô lượng cảnh giới của chư Phật bằng tâm thanh tịnh, bình đẳng. Từ đó, có thể rộng thấy được trí tuệ quang minh của vô lượng chư Phật và vô lượng cõi Tịnh độ của chư Phật. Thiện Tài cũng đã được chỉ dạy cho các phương pháp niệm Phật như: Môn niệm Phật chói sáng các phương... Môn niệm Phật vào chỗ bất khả kiến... Môn niệm Phật an trụ trong các kiếp... Môn niệm Phật an trụ trong tất cả thời gian... Môn niệm Phật an trụ tất cả cõi... Môn niệm Phật an trụ tất cả đời... Môn niệm Phật an trụ tất cả cảnh... Môn niệm Phật an trụ tịch diệt... Môn niệm Phật an trụ viễn ly... Môn niệm Phật an trụ quảng đại... Môn niệm Phật an trụ vi tế... [12].

Điểm đặc biệt ở các phương pháp niệm Phật do Tỳ kheo Đức Vân chỉ dạy cho Thiện Tài là các phương pháp này đi thẳng vào lý tánh niệm Phật. Đòi hỏi hành giả phải có một trình độ căn cơ nhạy bén, một trạng thái tâm nhu nhuyễn, lắng đọng. Có lẽ, các phương pháp này chỉ thích hợp cho bậc thượng căn thượng trí như đồng tử Thiện Tài, một người đã tích tập vô số phước lành trong nhiều kiếp. Như vậy, không có nghĩa pháp môn Tịnh độ trong *Kinh Hoa Nghiêm* hoàn toàn chỉ dành cho các bậc thượng căn thượng trí. Pháp môn Tịnh độ trong *Kinh Hoa Nghiêm* vẫn phổ cập đến tất cả chúng sanh, tất cả căn cơ. Bởi, Hoa Nghiêm đặt trên nền tảng của pháp giới duyên sanh, tư tưởng Tịnh độ của Hoa Nghiêm cũng là tịnh tâm duyên sanh. Tâm chúng sanh thanh tịnh thì Tịnh độ hiện tiền. Chỉ cần chúng sanh nhiếp niệm thì vọng

duyên sẽ đoạn tuyệt, thật tướng phổ bày, ngay lúc đó uế độ cũng biến thành Tịnh độ.

Ngoài ra, các vị Đại sư của Hoa Nghiêm tông còn đưa ra các phương pháp niệm Phật như sau: “*Trong Hoa Nghiêm kinh sơ quyển 56, ngài Trìing Quán nêu ra 05 loại niệm Phật pháp môn: a) Duyên cảnh niệm Phật môn; b) Nhiếp cảnh duy tâm niệm Phật môn; c) Tâm cảnh câu mãn niệm Phật môn; d) Tâm cảnh vô ngại niệm Phật môn; e) Trìing trìing vô tận niệm Phật môn. Trong Hoa Nghiêm kinh hành nguyện phẩm biệt hành sơ sao quyển 4, ngài Tông Mật nêu ra 4 loại niệm Phật: a) Xưng danh niệm; b) Quán tượng niệm; c) Quán tượng niệm; d) Thực tướng niệm*” [13]. Từ các phương pháp này, chúng ta có thể thấy pháp môn niệm Phật trong *Kinh Hoa Nghiêm* là một pháp môn phổ cập quần chúng. Duy chỉ có điểm đặc biệt là Hoa Nghiêm đi sâu vào lý tánh niệm Phật và thiết lập Phật quốc lý tưởng thông qua con đường cầu hành Bồ tát đạo.

Tóm lại, tư tưởng Tịnh độ trong *Kinh Hoa Nghiêm* đặt trên nền tảng của học thuyết Duyên khởi, do vậy pháp giới là nhất chân, viên dung, diệu hữu. Người tu theo Hoa Nghiêm chủ trương dùng Bồ tát hạnh để giáo hóa chúng sanh, trang nghiêm Phật độ. Thiện Tài đồng tử là biểu trưng cho quá trình cầu học và thực hành Bồ tát đạo. Cuối cùng, sau khi trải qua vô số các vị thiện tri thức, Thiện Tài đã kết thúc quá trình tham học của mình nơi Bồ tát Phổ Hiền. Chính tại đây, Thiện Tài đã được Bồ tát Phổ Hiền khuyến hóa cầu sanh Tịnh độ để có thể mau chóng thành tựu trí tuệ giác ngộ.

Câu chuyện Thiện Tài đồng tử tham học nơi 53 vị thiện tri thức, thực ra không chỉ là câu chuyện của riêng Thiện Tài, mà còn là câu chuyện chung của tất cả những người học Phật. Chúng ta phải phát tâm đồng mãnh, không mệt mỏi tìm cầu chân lý. Chân lý ấy cũng không phải ở đâu xa, mà chân lý ấy ở ngay trong chính xung quanh cuộc sống của mỗi người. Chân lý ấy có thể ở nơi một vị thầy khả kính, hằng ngày nghiêm trì giới luật bên trong tu viện và cũng có thể ở nơi một cụ già bán hàng rong ngoài phố xá tấp nập kẻ lại người qua. Chân lý là thứ không hình không dạng, do vậy chân lý không thể đo lường mà cũng không nhất định nằm ở bên trong hay bên ngoài một cá thể, một vật thể. Người học Phật khi ý thức được điều này, họ sẽ biết cách làm sao để thấy được chân lý một cách chính xác nhất. Một khi đã thấy được chân lý thì ngay khi ấy chân Tịnh độ và chân thân của Phật A Di Đà sẽ hiện tiền. Bởi lẽ như Phật hoàng Trần Nhân Tông đã viết: “*Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi đến Tây phương*” [14].

Chú thích:

- [1] Thích Quảng Độ dịch (2014), *Phật Quang đại từ điển*, Nxb. Phương Đông, tr.6481.
- [2] Thích Trí Tịnh dịch (2015), *Kinh Hoa Nghiêm*, tập 4, Nxb. Tôn giáo, tr.111-112.
- [3] *Sđđ*, tr.162.
- [4] Thích Quảng Độ, *Sđđ*, tr.760.
- [5] Thích Trí Tịnh, *Sđđ*, tr.112.
- [6] *Sđđ*, tr. 126.
- [7] Thích Đồng Niệm (2020), *Quy Sơn cảnh sách học giải*, Nxb. Hồng Đức, tr.228.
- [8] Thích Trí Tịnh, *Sđđ*, tr.631.
- [9] *Sđđ*, tr.104.
- [10] *Sđđ*, tr.110.
- [11] Thích Quảng Độ, *Sđđ*, tr.4417.
- [12] Thích Trí Tịnh, *Sđđ*, tr.108.
- [13] Thích Quảng Độ, *Sđđ*, tr.4418.
- [14] Thích Thanh Từ (2002), *Hai quãng đời của Sơ Tổ Trúc Lâm*, Nxb. Tôn giáo, tr.31.



Ngô Thế Lâm



Không ai có thể phủ nhận, đích đến cuối cùng của cuộc đời mỗi người chính là hạnh phúc. “*Hạnh phúc*” biểu thị trạng thái xúc cảm thăng hoa nhất, là khái niệm trọn vẹn nhất phản ánh sự hài lòng, mãn nguyện, an thái trong tâm hồn con người khi nhu cầu được thỏa mãn. Hạnh phúc trừu tượng và tương đối, nó liên quan đến ước muốn, nhu cầu và cả kỳ vọng của con người trong hành trình sống của mình. Vậy nên thật khó có câu trả lời đích đáng cho câu hỏi “*tiêu chuẩn của hạnh phúc là gì?*”.

Nhưng có một điều chắc chắn, mỗi người sẽ có cảm nhận riêng và có riêng cho mình một quan niệm về hạnh phúc. Hạnh phúc với người này có thể là tiền tài, vật chất, công danh; với người khác là sức khỏe, trí tuệ, gia đình; với ai kia lại là sự đam mê, cống hiến... hoặc đơn giản chỉ là một

cuộc sống giản dị, bình yên, mặc những bon chen, hi nộ bên ngoài.

Nhiều người thường an ủi nhau “*hạnh phúc là hài lòng với những gì mình có*”. Nghe chừng đơn giản nhưng thật khó vô cùng khi biến nó thành phương châm sống. Bởi nhiều người trong chúng ta có quá nhiều ham muốn, đòi hỏi ở cuộc đời này, đạt được điều này lại mong mỏi điều kia trên một vòng quay nhu cầu bất tận. Thử hỏi, biết bao nhiêu cho đủ, bao nhiêu thì vừa? Vậy để có hạnh phúc, trước hết hãy chu toàn với cuộc đời mình, chấp nhận những gì thuộc về mình, nỗ lực với những gì mình đam mê, miễn sao sau mỗi cố gắng ấy, điều mình nhận về là những khoái cảm, vừa đủ thỏa mãn, hài lòng để cổ vũ cho những mục tiêu mới.

Hạnh phúc ngỡ rộng mà hẹp. Đôi lúc tưởng nó cao vợi mà lại rất đỗi khiêm nhường, gần gũi quanh ta. Ấy là những điều giản dị mà ai



cũng có thể đạt được: Một khoảnh khắc thư thái trong tâm hồn, trút bỏ được âu lo, phiền muộn; mỗi sớm mai, trái lòng với một cuốn sách hay cùng ly cà phê bên ban công nghe tiếng chim lãnh lót; trồng thêm một chậu hoa và ngắm chờ ngày hoa nở; viết một điều gì đó trên trang cá nhân mỗi ngày sẽ chia cùng bè bạn để biết rằng mình vẫn luôn được quan tâm... Ai đó cứ ngắm chờ mỗi cuối tuần, để được thật nhanh về nhà thăm gia đình, mẹ cha. Tự vào bếp nấu những món ăn cả nhà yêu thích, được sống trọn vẹn với khoảnh khắc ấm cúng bên bữa cơm gia đình. Tạm xa phố phường xa hoa, bụi bặm, an yên hòa mình với cỏ hoa đồng nội mà coi bỏ được bao bon chen, áp lực đời thường.

Có người, với họ hạnh phúc đơn giản là được san sẻ, cống hiến cho cộng đồng. Một đời miệt mài trên những chuyến đi từ thiện, giúp đỡ, chở che cho các mảnh đời, số phận

kém may mắn. Càng đáng quý hơn là những đóng góp, cống hiến lặng thầm những mong giúp đời, giúp người phần nào vui đi bất cứ. Họ có thể chưa thực sự giàu có, đủ đầy, nhưng việc làm và hành động ấy không mưu cầu quảng bá hình ảnh hay được trả ơn bằng thiện tâm trong sáng. Niềm vui sống ấy, hẳn là hạnh phúc.

Hạnh phúc, không có giới hạn cụ thể nhưng lại vẹn toàn trong ý niệm mỗi người, mỗi gia đình và mỗi dân tộc. Hãy nhìn sang những nước bạn như: Phần Lan, Đan Mạch, Thụy Sĩ, Ireland... và gần ta hơn là Bhutan. Những đất nước luôn dẫn đầu về chỉ số hạnh phúc, tiêu biểu là đất nước Phần Lan xinh đẹp, 4 năm liền đứng đầu bảng xếp hạng Báo cáo Hạnh phúc của thế giới với những phương châm sống giản dị, không chút cầu kỳ nhưng rất đáng học hỏi. Họ xem hành trang cuộc đời là sự bền bỉ, nhẫn nại;

sống hòa mình với thiên nhiên; biết xây dựng nền tảng hạnh phúc từ ấu thơ; xem khiêm nhường là bí quyết giữ hạnh phúc; biết hài lòng với thực tại và biết chấp nhận tính hai mặt của cuộc sống.

Thật vậy, hạnh phúc chỉ thực sự hiện diện khi ta biết phác thảo cho mình một phương châm sống tích cực, thỏa hiệp và bao dung với cuộc đời và con người. Khi đó, ta sẽ biết mỉm cười với thất bại, biết chấp nhận những mặt trái của cuộc sống, học được cách vị tha với thói đồ kỵ, tật hiềm... Thước đo hạnh phúc, suy cho cùng đó là chiều dài của sự thỏa mãn những nhu cầu cuộc sống. Chúng ta tồn tại với mỗi bản thể độc lập, mỗi cuộc đời riêng biệt nên sẽ rất sai lầm khi đối chiếu, so sánh với những điều thuộc về người khác. Hãy học cách hài lòng và tự tin bước đi trên hành trình của mình, sống tận hiến và lạc quan với mục tiêu riêng mình, hạnh phúc của ta thuộc về nơi đó.

HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA



- 01** Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:    
- 02** Ấn nút  TẢI ỨNG DỤNG TỪ Apple Store hoặc  TẢI ỨNG DỤNG TỪ Google Play
- 03** Ấn nút  hoặc  cài kho ứng dụng
- 04** Mở ứng dụng  Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05** Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

Phật Sự

www.phatsuonline.tv.com

Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 65.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

quangminh
CANDLE



THƯƠNG | ĐƯỢC
HIỆU | YÊU
NẾN | THÍCH
NHẤT



NẾN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835715



Hotline CSKH
0903 955 018

www.quangminhcandle.vn



SUN
WORLD
HALONG COMPLEX

Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN

